

Lào Cai, ngày 24 tháng 4 năm 2023

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023
CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN 3 – VIMICO

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Khoáng sản 3 – Vimico ban hành kèm theo Quyết định số 55/QĐ-KS3 ngày 05/7/2021 của Hội đồng quản trị Công ty;

Căn cứ Quy chế làm việc tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty Cổ phần Khoáng sản 3 - Vimico đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 24 tháng 4 năm 2023;

Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty Cổ phần Khoáng sản 3 - Vimico ngày 24 tháng 4 năm 2023,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Đại hội đồng cổ đông thống nhất thông qua báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2022, nhiệm kỳ 2018-2023 và Kế hoạch SXKD năm 2023, nhiệm kỳ 2023-2028 của Công ty cổ phần Khoáng sản 3 – Vimico với các chỉ tiêu chính như sau:

1. Kết quả thực hiện nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2022, nhiệm kỳ 2018 – 2023:

1.1 Kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022:

*** Chỉ tiêu kinh tế:**

- Doanh thu thực hiện cả năm đạt 307.249 triệu đồng bằng 97% KHN
- Lợi nhuận trước thuế đạt 13.727 triệu đồng bằng 75% KHN
- Nộp ngân sách thực hiện cả năm đạt 53.754 triệu đồng bằng 72% KHN
- Quỹ lương thực hiện cả năm đạt 16.180/18.615 triệu đồng bằng 87% KHN
- Lao động sử dụng bình quân thực hiện cả năm đạt 123 người bằng 84% KHN
- Tiền lương bình quân thực hiện cả năm đạt 10,96 tr.đ/ng-thg bằng 104% KHN
- Đầu tư xây dựng năm 2022 đạt 9.568/21.898 tr đồng bằng 44% KNH

*** Chỉ tiêu sản xuất:**

- Tinh quặng sắt Kíp Tước: 65.366 tấn/91.503 tấn, đạt 71% KHN.
- Tinh quặng sắt Làng Vinh, Làng Cọ: 0 tấn/60.000 tấn, đạt 0% KHN.
- Bốc xúc Sin Quyền: 2.250.582/1.500.000 m³, đạt 150% KHN.
- Vận chuyển Sin Quyền: 27.221.353 /21.362.082 T.km, đạt 127% KHN

1.2 Kết quả thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ nhiệm kỳ 2018 – 2023:

STT	Các chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2018 - 2022	Thực hiện 2018 - 2022	So sánh (%)
I	Các chỉ tiêu sản lượng				
1	Tinh quặng sắt Kíp Tước	Tấn	374.238	317.754	84,91
2	Tinh quặng sắt LVLC	Tấn	563.148	225.153	39,98
3	Bóc xúc Sin Quyền	m ³	5.650.000	7.363.552	130,33
4	Vận chuyển Sin Quyền	Tấn/km	56.787.296	69.203.370	121,86
II	Các chỉ tiêu giá trị				
1	Tổng doanh thu	Tr.đồng	1.062.456	980.884	92,32
2	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	28.593	(38)	
3	Nộp ngân sách	Tr.đồng	310.492	195.719	63,04
4	Tổng quỹ lương	Tr.đồng	86.481	73.459	84,94
5	Tiền lương bình quân	Tr.đ/ng-thg	7,78	8,19	105,24
6	Lao động sử dụng bình quân	Người	191	152	79,96
7	Đầu tư xây dựng	Tr.đồng	73.642	19.702	26,75

2. Kế hoạch SXKD năm 2023, nhiệm kỳ 2023 – 2028 :

2.1 Kế hoạch SXKD năm 2023

* Các chỉ tiêu về sản lượng

a. Sản lượng sản xuất

- Tinh quặng sắt Kíp Tước: 65.000 tấn.
- Bóc xúc Sin Quyền: 1.500.000 m³.
- Vận chuyển Sin Quyền: 27.736.190 tấn.km.

b. Sản lượng tiêu thụ

- Tinh quặng sắt Kíp Tước: 87.000 tấn.
- Bóc xúc Sin Quyền: 1.500.000 m³.
- Vận chuyển Sin Quyền: 27.736.190 tấn.km.

* Các chỉ tiêu về giá trị

- Doanh thu: 330.208 triệu đồng.
- Lợi nhuận trước thuế: 8.615 triệu đồng.
- Nộp NSNN: 45.746 triệu đồng.
- Lao động BQ sử dụng: 126 người.
- Quỹ lương: 16.598 triệu đồng.
- Tiền lương bình quân: 10,98 triệu đồng/người/tháng.
- Đầu tư XDCB: 15.500 triệu đồng.

b.2 Kế hoạch SXKD nhiệm kỳ 2023 – 2028

STT	Nội dung	ĐVT	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Năm 2026	Năm 2027	Cộng
I	Sản phẩm sản xuất							
1	Tinh quặng sắt Kíp Tước	Tấn	65.000	71.500	71.500	64.000	70.000	342.000
2	Tinh quặng sắt LVLC	Tấn		50.000	100.000	150.000	220.000	520.000
II	Sản phẩm tiêu thụ							
1	Tinh quặng sắt Kíp Tước	Tấn	87.000	71.500	71.500	64.000	70.000	364.000
2	Tinh quặng sắt LVLC	Tấn		50.000	100.000	150.000	220.000	520.000
III	Dịch vụ BXVC	Tr đ	186.658	177.000	164.800	164.800	164.800	858.058
VI	Các chỉ tiêu giá trị							

STT	Nội dung	ĐVT	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Năm 2026	Năm 2027	Cộng
1	Doanh thu	Tr đ	330.208	313.540	326.340	339.640	384.000	1.693.728
2	Lợi nhuận	Tr đ	8.615	5.600	6.000	6.500	7.000	33.715
3	Nộp NS	Tr đ	45.746	44.448	57.213	60.862	76.193	284.461
4	Quỹ tiền lương	Tr đ	16.598	19.361	21.679	24.243	27.797	109.678
5	Lao động bình quân	Người	126	136	141	146	155	141
6	Tiền lương BQ	trđ/ng	10,98	11,86	12,81	13,84	14,94	12,89
7	Đầu tư XDCB	Tr đ	15.500		7.500	9.400		32.400

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty trong quá trình triển khai thực hiện kế hoạch, căn cứ vào tình hình thực tế, biến động giá cả của thị trường chủ động điều chỉnh kế hoạch phù hợp nhằm đảm bảo được mục tiêu kế hoạch, lợi nhuận, duy trì sản xuất ổn định, bảo toàn, phát triển vốn.

Điều 2. Thông qua báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2018 - 2023 và phương hướng, nhiệm vụ nhiệm kỳ 2023-2028. (có báo cáo đính kèm)

Điều 3. Thông qua báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2018-2023 và phương hướng, nhiệm vụ nhiệm kỳ 2023-2028. (có báo cáo đính kèm)

Điều 4. Thông qua tờ trình bầu cử thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2023-2028.

- Thông qua Quy chế bầu cử thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2023-2028
- Thông qua cơ cấu số lượng thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2023-2028
- + Số lượng thành viên Hội đồng quản trị : 5 người
- + Số lượng thành viên Ban kiểm soát: 3 người
- Thông qua danh sách ứng viên bầu thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2023-2028:

➤ Hội đồng quản trị:

- 1) Ông Bùi Tiến Hải
- 2) Ông Hoàng Minh Thắng
- 3) Ông Cao Anh Hào
- 4) Ông Lê Duy Thanh
- 5) Ông Phạm Ngọc Sơn

➤ Ban kiểm soát:

- 1) Ông Lê Thanh Tùng
- 2) Bà Vũ Thị Thanh Hảo
- 3) Ông Nguyễn Thanh Quỳnh

Điều 5. Thông qua kết quả bầu cử thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2023-2028 Công ty cổ phần Khoáng sản 3 - Vimico

- Thông qua danh sách trúng cử thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2023-2028 Công ty cổ phần Khoáng sản 3 - Vimico

➤ Hội đồng quản trị:

- 1) Ông Bùi Tiến Hải
- 2) Ông Hoàng Minh Thắng
- 3) Ông Cao Anh Hào
- 4) Ông Lê Duy Thanh
- 5) Ông Phạm Ngọc Sơn

➤ Ban kiểm soát:

- 1) Ông Lê Thanh Tùng
- 2) Bà Vũ Thị Thanh Hảo
- 3) Ông Nguyễn Thanh Quỳnh

- Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty cổ phần Khoáng sản 3 – Vimico nhiệm kỳ 2023-2028 tổ chức phiên họp đầu tiên bầu Chủ tịch HĐQT, Trưởng BKS đối với các thành viên:

+ Ông Bùi Tiến Hải – TV HĐQT được bầu làm Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Khoáng sản 3 – Vimico nhiệm kỳ 2023-2028 (Có văn bản kèm theo)

+ Ông Lê Thanh Tùng – TV BKS được bầu làm Trưởng BKS Công ty cổ phần Khoáng sản 3 – Vimico nhiệm kỳ 2023-2028 (Có văn bản kèm theo)

Điều 6. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam. (có báo cáo đính kèm)

Điều 7. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận, trích lập, sử dụng các quỹ năm 2022 và kế hoạch năm 2023.

I. Phương án phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ năm 2022

- LN trước thuế TNDN năm 2022: 13.727.172.490 đồng.
- Thuế TNDN năm 2022: 1.308.379.280 đồng.
- LN sau thuế TNDN năm 2022: 12.418.793.210 đồng.
- Trích lập các quỹ năm 2022: 0 đồng.
- Chi trả cổ tức năm 2022: 0 đồng.

Năm 2022, lợi nhuận sau thuế là 12.418.793.210 đồng, lỗ lũy kế tính đến hết 31/12/2022 (bao gồm lợi nhuận năm 2022) còn 6.712.747.086 đồng nên năm 2022 không tiến hành chi trả cổ tức.

II. Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2023

- LN trước thuế TNDN năm 2023: 8.615.331.006 đồng.
- Thuế TNDN năm 2023: 1.723.066.201 đồng.
- LN sau thuế TNDN năm 2023: 6.892.264.805 đồng.
- Lợi nhuận còn lại chưa phân phối năm 2023 : 179.517.719 đồng.

Năm 2023, lợi nhuận sau thuế dự kiến là 6.892.264.805 đồng. Tuy nhiên, phần lợi nhuận năm 2023 sẽ được bù lỗ 1 phần cho các năm trước đây. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối còn lại là: 179.517.719 đồng nên năm 2023 sẽ không thực hiện việc chi trả cổ tức.

Điều 8. Thông qua mức chi trả thù lao của HĐQT, BKS Công ty năm 2022 và kế hoạch chi trả năm 2023

1. Thực hiện chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2022:

Thù lao của Chủ tịch HĐQT, TV HĐQT, Trưởng BKS, TV Ban KS không chuyên trách chi trả bằng 100% mức thù lao kế hoạch năm.

TT	Chức danh	Số người	Mức lương cơ bản KH đồng/ng/th	Tiền thù lao kế hoạch đồng/ng/th	Tỷ lệ	Tiền thù lao thực hiện đồng/ng/th	Tiền thù lao đồng/năm
1	Chủ tịch HĐQT	01	24.000.000	4.800.000	100%	4.800.000	57.600.000
2	Thành viên HĐQT	04	21.000.000	4.200.000	100%	4.200.000	201.600.000

50020
 CÔNG
 CỔ PHẦN
 KHOÁNG SẢN
 VIMICO
 CHAI T.

TT	Chức danh	Số người	Mức lương cơ bản KH đồng/ng/th	Tiền thù lao kế hoạch đồng/ng/th	Tỷ lệ	Tiền thù lao thực hiện đồng/ng/th	Tiền thù lao đồng/năm
3	Trưởng BKS	01	21.000.000	4.200.000	100%	4.200.000	50.400.000
4	Thành viên BKS	02	19.000.000	3.800.000	100%	3.800.000	91.200.000
	Cộng	08					400.800.000

(Bằng chữ: Bốn trăm triệu, tám trăm ngàn đồng chẵn./.)

2. Kế hoạch mức chi trả thù lao HĐQT, BKS Công ty năm 2023 như sau:

Thù lao của Chủ tịch HĐQT, TV HĐQT, Trưởng BKS, TV Ban KS, tạm tính bằng 20% mức lương cơ bản.

TT	Chức danh	Số người	Mức lương cơ bản đồng/ng/th	Tỷ lệ	Tiền thù lao đồng/ng/th	Tiền thù lao đồng/năm
1	Chủ tịch HĐQT	01	24.000.000	20%	4.800.000	57.600.000
2	Thành viên HĐQT	04	21.000.000	20%	4.200.000	201.600.000
3	Trưởng BKS	01	21.000.000	20%	4.200.000	50.400.000
4	Thành viên BKS	02	19.000.000	20%	3.800.000	91.200.000
	Cộng	08				400.800.000

(Bằng chữ: Bốn trăm triệu, tám trăm ngàn đồng chẵn ./.)

Mức thù lao trên chỉ là dự kiến, mức thực tế chi trả cho HĐQT và BKS sẽ được xác định dựa vào kết quả sản xuất kinh doanh năm 2023 của Công ty.

Điều 9. Thông qua việc lựa chọn Công ty kiểm toán thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2023 đến 31/12/2023.

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 thống nhất ủy quyền cho Ban kiểm soát Công ty chủ trì làm đầu mối phối hợp với Công ty lựa chọn một trong các đơn vị kiểm toán sau để kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty:

- Công ty TNHH Kiểm toán BDO (BDO);
- Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế (ICPA);
- Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam (CPA VIETNAM).

Điều 10. Thông qua việc mua/bán tinh quặng sắt được sản xuất tại mỏ sắt Kíp Tước năm 2023 với Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP

Đại hội đồng cổ đông thống nhất thông qua Hợp đồng mua bán tinh quặng sắt năm 2023 giữa Công ty cổ phần Khoáng sản 3 – Vimico và Tổng công ty Khoáng sản TKV – CTCP với những nội dung điều khoản như bản dự thảo Hợp đồng kèm theo.

(Có chi tiết dự thảo hợp đồng đi kèm)

Điều 11. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty cổ phần Khoáng sản 3 – Vimico biểu quyết thông qua với tỷ lệ 100% tổng số cổ phần biểu quyết của các cổ đông có mặt tại ĐHĐCĐ.

2. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc và toàn thể các cổ đông Công ty chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này. ĐHĐCĐ giao HĐQT và Ban điều hành tổ chức triển khai thực hiện theo thẩm quyền, chức năng hoạt động của mình phù hợp với quy định của Pháp luật và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Khoáng sản 3 - Vimico./.

Nơi nhận:

- Cổ đông Công ty;
- HĐQT, BKS, Ban điều hành;
- Website Công ty;
- Lưu: HĐQT, VT.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA ĐẠI HỘI**



Bùi Tiên Hải

Lào Cai, ngày 24 tháng 4 năm 2023

BIÊN BẢN
HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023

Hôm nay, vào hồi 8h00' ngày 24 tháng 4 năm 2023, tại Hội trường Công ty cổ phần Khoáng sản 3 - Vimico, số 162a, tổ 7, phường Duyên Hải, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai, Đại hội cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty cổ phần Khoáng sản 3 - Vimico được tiến hành với các nội dung sau:

A. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

1. Tên: Công ty cổ phần Khoáng sản 3 – Vimico
2. Địa chỉ: Số 162A, phường Duyên Hải, TP Lào Cai, tỉnh Lào Cai.
3. Mã số Doanh nghiệp: 0500204315, đăng ký thay đổi lần 7 ngày 26/8/2022; Ngành nghề sản xuất kinh doanh chính là khai thác, chế biến quặng sắt.

B. THÀNH PHẦN THAM DỰ ĐẠI HỘI, TÍNH HỢP PHÁP, HỢP LỆ CỦA ĐẠI HỘI

I. Thành phần tham dự

1. Cổ đông hoặc người được ủy quyền bằng văn bản của một hoặc nhiều cổ đông có tên trong danh sách cổ đông của Công ty tại thời điểm chốt danh sách ngày 23/03/2023 tại sổ đăng ký cổ đông của Công ty.
2. Các ông/bà thành viên HĐQT, thành viên BKS; Ban Giám đốc, Phụ trách kế toán; Quản đốc các đơn vị trực thuộc; Các quý cổ đông và Thư ký Công ty.

II. Tính hợp pháp, hợp lệ của Đại hội:

1. Đại hội đã nghe Ông Nguyễn Văn Thanh - Trưởng Ban thẩm tra tư cách cổ đông của Đại hội thay mặt cho Ban thẩm tra thông tin cổ đông trình bày Báo cáo kết quả thẩm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội và tuyên bố ĐHĐCĐ đủ điều kiện tiến hành. Nội dung cơ bản như sau:

- Tính đến thời điểm 17h00' ngày 23/03/2023, số cổ đông có quyền tham dự Đại hội là 47 cổ đông (trong danh sách có 45 cá nhân và 02 tổ chức), đại diện cho 3.500.000 cổ phần của công ty có quyền biểu quyết theo sổ đăng ký cổ đông của Công ty

- Tính đến thời điểm 8h00' ngày 24/4/2023, số cổ đông có người được ủy quyền tham dự Đại hội là 05 người, đại diện cho 3.362.980 cổ phần, đạt tỷ lệ 96,1% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết. Tất cả các cổ đông và người đại diện cổ đông đều có đủ tư cách tham dự Đại hội.

2. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty, ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 của Công ty Cổ phần cổ phần Khoáng sản 3 - Vimico là hợp pháp, hợp lệ và đủ điều kiện tiến hành. (Có biên bản kiểm tra tư cách cổ đông kèm theo)

C. NỘI DUNG VÀ CHƯƠNG TRÌNH ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN 2023

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 thảo luận, thông qua và phê duyệt các nội dung sau:

1. Thông qua báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2022, nhiệm kỳ 2018-2023 và Kế hoạch SXKD năm 2023, nhiệm kỳ 2023-2028 của Giám đốc Công ty.
2. Thông qua báo cáo hoạt động của HĐQT nhiệm kỳ 2018-2023 và phương hướng, kế hoạch hoạt động nhiệm kỳ 2023-2028
3. Thông qua báo cáo hoạt động của BKS nhiệm kỳ 2018-2023 và phương hướng, kế hoạch hoạt động nhiệm kỳ 2023-2028
4. Thông qua tờ trình Bầu cử thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2023 – 2028, tiến hành bầu cử thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2023 – 2028.
5. Thông qua báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán
6. Tờ trình phân phối lợi nhuận năm 2022 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2023
7. Tờ trình chi trả thù lao của HĐQT, BKS năm 2022 và Kế hoạch chi trả thù lao năm 2023
8. Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023
9. Tờ trình thông qua về việc mua/bán tinh quặng sắt được sản xuất tại mỏ sắt Kíp Tước, xã Hợp Thành, TP Lào Cai năm 2023 với Tổng công ty Khoáng sản TKV – CTCP.

D. DIỄN BIẾN ĐẠI HỘI

I. Khai mạc đại hội

1. Ông Nguyễn Văn Thanh – Trưởng phòng Tổ chức – LĐTL thay mặt Ban tổ chức Đại hội điều hành chào cờ, tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu, trình bày toàn văn Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 (*Có quy chế làm việc kèm theo*)

2. Theo quy định của Điều lệ Công ty, Quy chế làm việc của Đại hội, Ông Bùi Tiến Hải – Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Khoáng sản 3 – Vimico làm chủ tọa ĐHĐCĐ.

3. Ông Bùi Tiến Hải – Chủ tọa Đại hội đề nghị các cổ đông tham dự Đại hội cho ý kiến biểu quyết đối với Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 (*Có văn bản trình bày tại Đại hội*)

* Đại hội đã biểu quyết bằng hình thức thẻ biểu quyết

* Kết quả biểu quyết: Tổng số phiếu tán thành 3.362.980 cổ phần/ 3.362.980 cổ phần đạt tỷ lệ 100%; số phiếu không tán thành 0 cổ phần đạt tỷ lệ 0%; số phiếu không có ý kiến 0 cổ phần đạt tỷ lệ 0%.

4. Ông Bùi Tiến Hải – Chủ tọa giới thiệu và mời ông Hoàng Minh Thắng – TV HĐQT - Giám đốc Công ty cùng tham gia chủ tọa điều hành Đại hội.

4.1 Ông Bùi Tiến Hải – Chủ tọa Đại hội thông qua Ban thư ký, Ban kiểm phiếu biểu quyết và bầu cử thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2023 – 2028:

4.1.1 Thành phần Ban thư ký

- Bà Chu Thị Ngọc Huyền – Thư ký Công ty – Trưởng ban
- Ông Nguyễn Thế Thiện – CV phòng Kế hoạch – Đầu tư – Thành viên
* Đại hội đã biểu quyết bằng hình thức thẻ biểu quyết
* Kết quả biểu quyết: Tổng số phiếu tán thành 3.362.980 cổ phần/ 3.362.980 cổ phần đạt tỷ lệ 100%; số phiếu không tán thành 0 cổ phần đạt tỷ lệ 0%; số phiếu không có ý kiến 0 cổ phần đạt tỷ lệ 0%.

4.1.2 Thành phần Ban kiểm phiếu biểu quyết và kiểm phiếu bầu cử:

- Ông Mai Văn Thành - TP. Kế hoạch đầu tư – Trưởng ban
- Bà Ngô Thị Thùy - CV. Tài chính kế toán - Ủy viên
- Bà Trần Thanh Tùng - CV Phó phòng KHĐT - Ủy viên

* Đại hội đã biểu quyết bằng hình thức thẻ biểu quyết
* Kết quả biểu quyết: Tổng số phiếu tán thành 3.362.980 cổ phần/ 3.362.980 cổ phần đạt tỷ lệ 100%; số phiếu không tán thành 0 cổ phần đạt tỷ lệ 0%; số phiếu không có ý kiến 0 cổ phần đạt tỷ lệ 0%.

5. Ông Bùi Tiến Hải trình bày Chương trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 (có nội dung chi tiết chương trình kèm theo)

Ngày 03/4/2023 Công ty đã công bố trên website của Công ty về chương trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2023. Ông Bùi Tiến Hải chủ trì thông qua Chương trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2023.

* Đại hội đã biểu quyết bằng hình thức thẻ biểu quyết

* Kết quả biểu quyết: Tổng số phiếu tán thành 3.362.980 cổ phần/ 3.362.980 cổ phần đạt tỷ lệ 100%; số phiếu không tán thành 0 cổ phần đạt tỷ lệ 0%; số phiếu không có ý kiến 0 cổ phần đạt tỷ lệ 0%.

II. Nội dung chính của Đại hội :

1. Báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2022, nhiệm kỳ 2018-2023 và Kế hoạch SXKD năm 2023, nhiệm kỳ 2023-2028 của Giám đốc Công ty.

Ông Hoàng Minh Thắng – Giám đốc Công ty cổ phần Khoáng sản 3 – Vimico trình bày Báo cáo số 64/BC-KS3 về kết quả thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2022, nhiệm kỳ 2018-2023 và Kế hoạch SXKD năm 2023, nhiệm kỳ 2023-2028 của Giám đốc Công ty. (có văn bản trình tại Đại hội).

a. Báo cáo kết quả thực hiện nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2022, nhiệm kỳ 2018 – 2023:

a.1 Kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022:

* Chỉ tiêu kinh tế:

- Doanh thu thực hiện cả năm đạt 307.249 triệu đồng bằng 97% KHN.
- Lợi nhuận trước thuế đạt 13.727 triệu đồng bằng 75% KHN.
- Nộp ngân sách thực hiện cả năm đạt 53.754 triệu đồng bằng 72% KHN.
- Tổng quỹ lương thực hiện đạt 16.180/18.615 triệu đồng bằng 87% KHN.
- Lao động sử dụng bình quân thực hiện đạt 123 người bằng 84% KHN.
- Tiền lương bình quân thực hiện đạt 10,96 tr.đ/ng-thg bằng 104% KHN.

- Đầu tư xây dựng cơ bản thực hiện năm 2022 đạt 9.568/21.898 tr đồng bằng 44% KNH.

- Hệ số bảo toàn vốn : 1,67 lần (Hệ số bảo toàn vốn >1 phản ánh tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty có hiệu quả, nguồn vốn được bảo toàn).

- Hệ số nợ/ Vốn CSH : 4,48 lần vượt mức quy định của Bộ tài chính (< 3 lần), Công ty vẫn thuộc diện giám sát tài chính đặc biệt.

* Chỉ tiêu sản xuất:

- Tinh quặng sắt Kíp Tước: 65.366 tấn/91.503 tấn, đạt 71% NQ ĐHĐCĐ 2022.

- Tinh quặng sắt Làng Vinh, Làng Cọ: 0 tấn/60.000 tấn, đạt 0% NQ ĐHĐCĐ 2022.

- Bốc xúc Sin Quyền: 2.250.582/1.500.000 m³, đạt 150% NQ ĐHĐCĐ 2022.

- Vận chuyển Sin Quyền: 27.221.353 /21.362.082 T.km, đạt 127% NQ ĐHĐCĐ 2022.

a.2 Kết quả thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ nhiệm kỳ 2018 – 2023:

STT	Các chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2018 - 2022	Thực hiện 2018 - 2022	So sánh (%)
I	Các chỉ tiêu sản lượng				
1	Tinh quặng sắt Kíp Tước	Tấn	374.238	317.754	84,91
2	Tinh quặng sắt LVLC	Tấn	563.148	225.153	39,98
3	Bốc xúc Sin Quyền	m ³	5.650.000	7.363.552	130,33
4	Vận chuyển Sin Quyền	Tấn/km	56.787.296	69.203.370	121,86
II	Các chỉ tiêu giá trị				
1	Tổng doanh thu	Tr.đồng	1.062.456	980.884	92,32
2	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	28.593	(38)	
3	Nộp ngân sách	Tr.đồng	310.492	195.719	63,04
4	Tổng quỹ lương	Tr.đồng	86.481	73.459	84,94
5	Tiền lương bình quân	Tr.đ/ng-thg	7,78	8,19	105,24
6	Lao động sử dụng bình quân	Người	191	152	79,96
7	Đầu tư xây dựng	Tr.đồng	73.642	19.702	26,75

b. Kế hoạch SXKD năm 2023, nhiệm kỳ 2023 – 2028 :

b.1 Kế hoạch SXKD năm 2023

* Các chỉ tiêu về sản lượng

a. Sản lượng sản xuất

- Tinh quặng sắt Kíp Tước: 65.000 tấn.
- Bốc xúc Sin Quyền: 1.500.000 m³.
- Vận chuyển Sin Quyền: 27.736.190 tấn.km.

b. Sản lượng tiêu thụ

- Tinh quặng sắt Kíp Tước: 87.000 tấn.
- Bốc xúc Sin Quyền: 1.500.000 m³.
- Vận chuyển Sin Quyền: 27.736.190 tấn.km.

* Các chỉ tiêu về giá trị

- Doanh thu: 330.208 triệu đồng.
- Lợi nhuận trước thuế: 8.615 triệu đồng.
- Nộp NSNN: 45.746 triệu đồng.
- Lao động BQ sử dụng: 126 người.

- Quỹ lương: 16.598 triệu đồng.
- Tiền lương bình quân: 10,98 triệu đồng/người/tháng.
- Đầu tư XDCB: 15.500 triệu đồng.

b.2 Kế hoạch SXKD nhiệm kỳ 2023 – 2028

STT	Nội dung	ĐVT	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Năm 2026	Năm 2027	Cộng
I	Sản phẩm sản xuất							
1	Tinh quặng sắt Kíp Tước	Tấn	65.000	71.500	71.500	64.000	70.000	342.000
2	Tinh quặng sắt LVLC	Tấn		50.000	100.000	150.000	220.000	520.000
II	Sản phẩm tiêu thụ							
1	Tinh quặng sắt Kíp Tước	Tấn	87.000	71.500	71.500	64.000	70.000	364.000
2	Tinh quặng sắt LVLC			50.000	100.000	150.000	220.000	520.000
III	Dịch vụ BXVC	Tr đ	186.658	177.000	164.800	164.800	164.800	858.058
VI	Các chỉ tiêu giá trị							
1	Doanh thu	Tr đ	330.208	313.540	326.340	339.640	384.000	1.693.728
2	Lợi nhuận	Tr đ	8.615	5.600	6.000	6.500	7.000	33.715
3	Nộp NS	Tr đ	45.746	44.448	57.213	60.862	76.193	284.461
4	Quỹ tiền lương	Tr đ	16.598	19.361	21.679	24.243	27.797	109.678
5	Lao động bình quân	Người	126	136	141	146	155	141
6	Tiền lương BQ	trđ/ng	10,98	11,86	12,81	13,84	14,94	12,89
7	Đầu tư XDCB	Tr đ	15.500	-	7.500	9.400	-	32.400

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty trong quá trình triển khai thực hiện kế hoạch, căn cứ vào tình hình thực tế, biến động giá cả của thị trường chủ động điều chỉnh kế hoạch phù hợp nhằm đảm bảo được mục tiêu kế hoạch, lợi nhuận, duy trì sản xuất ổn định, bảo toàn, phát triển vốn.

2. Thông qua báo cáo hoạt động của HĐQT nhiệm kỳ 2018-2023 và phương hướng, kế hoạch hoạt động nhiệm kỳ 2023-2028:

Ông Bùi Tiến Hải – Chủ tịch HĐQT thay mặt Đoàn chủ tọa trình bày Báo cáo số 65/BC-HĐQT về việc báo cáo hoạt động của HĐQT nhiệm kỳ 2018-2023 và phương hướng, kế hoạch hoạt động nhiệm kỳ 2023-2028 (có văn bản trình tại Đại hội).

3. Thông qua báo cáo hoạt động của BKS nhiệm kỳ 2018-2023 và phương hướng, kế hoạch hoạt động nhiệm kỳ 2023-2028:

Ông Lê Thanh Tùng – Trưởng ban kiểm soát Công ty thay mặt BKS trình bày Báo cáo số 66 /BC-BKS về báo cáo hoạt động của HĐQT nhiệm kỳ 2018-2023 và phương hướng, kế hoạch hoạt động nhiệm kỳ 2023-2028 (có văn bản trình tại Đại hội).

4. Bầu cử thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2023 – 2028

Ông Bùi Tiến Hải – Chủ tịch HĐQT thay mặt Đoàn chủ tịch trình bày tờ trình số 89/TTr-HĐQT về việc bầu cử thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2023 - 2028 Công ty.

Ông Bùi Tiến Hải đề nghị Đại hội tiến hành biểu quyết bằng thẻ biểu quyết để thông qua (i) Cơ cấu số lượng thành viên HĐQT, BKS và (ii) Danh sách ứng viên bầu HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2023-2028.

(i) Thông qua cơ cấu số lượng thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2023-2028

- Số lượng thành viên Hội đồng quản trị : 5 người

- Số lượng thành viên Ban kiểm soát : 3 người

* *Kết quả biểu quyết: Tổng số phiếu tán thành 3.362.980 cổ phần/ 3.362.980 cổ phần đạt tỷ lệ 100%; số phiếu không tán thành 0 cổ phần đạt tỷ lệ 0%; số phiếu không có ý kiến 0 cổ phần đạt tỷ lệ 0%.*

(ii) Thông qua danh sách ứng viên bầu thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2023-2028:

➤ Hội đồng quản trị:

1) Ông Bùi Tiến Hải

2) Ông Hoàng Minh Thắng

3) Ông Cao Anh Hào

4) Ông Lê Duy Thanh

5) Ông Phạm Ngọc Sơn

➤ Ban kiểm soát:

1) Ông Lê Thanh Tùng

2) Bà Vũ Thị Thanh Hào

3) Ông Nguyễn Thanh Quỳnh

* *Kết quả biểu quyết: Tổng số phiếu tán thành 3.362.980 cổ phần/ 3.362.980 cổ phần đạt tỷ lệ 100%; số phiếu không tán thành 0 cổ phần đạt tỷ lệ 0%; số phiếu không có ý kiến 0 cổ phần đạt tỷ lệ 0%.*

Ông Mai Văn Thành – Trình bày tại Đại hội Quy chế bầu cử thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2023 – 2028 (có văn bản trình bày tại Đại Hội) và biểu quyết thông qua quy chế bầu cử thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2023-2028

* *Kết quả biểu quyết: Tổng số phiếu tán thành 3.362.980 cổ phần/ 3.362.980 cổ phần đạt tỷ lệ 100%; số phiếu không tán thành 0 cổ phần đạt tỷ lệ 0%; số phiếu không có ý kiến 0 cổ phần đạt tỷ lệ 0%.*

Ban kiểm phiếu đã hướng dẫn Cổ đông thực hiện quyền bầu cử. Đại hội tiến hành thủ tục bỏ phiếu bầu cử HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2023-2028.

5. Thông qua báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán

Bà Trần Kiều Minh – Phụ trách kế toán Công ty trình bày báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2022 tại Tờ trình số 70/TTr-HĐQT về việc thông qua BC tài chính năm 2022 đã được kiểm toán. Nội dung này đã được đăng tải tại Website Công ty. Nội dung này đã được đăng tải tại Wenside Công ty.

6. Tờ trình phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ năm 2022 và kế hoạch năm 2023

Ông Hoàng Minh Thắng – Giám đốc Công ty thay mặt Đoàn Chủ tọa trình bày Tờ trình số 71/TTr-HĐQT về việc thực hiện chi trả thù lao của HĐQT, BKS năm 2022 và Kế hoạch chi trả thù lao năm 2023 (Có văn bản trình tại Đại hội)

7. Tờ trình thông qua mức chi trả thù lao của HĐQT, BKS Công ty năm 2022 và kế hoạch chi trả năm 2023.

Ông Hoàng Minh Thắng – Giám đốc Công ty thay mặt Đoàn Chủ tọa trình bày Tờ trình số 72/TTr-HĐQT về việc thực hiện chi trả thù lao của HĐQT, BKS năm 2022 và Kế hoạch chi trả thù lao năm 2023 (có văn bản trình tại Đại hội).

8. Lựa chọn Công kiểm toán thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022.

Ông Lê Thanh Tùng - Trưởng Ban kiểm soát Công ty thay mặt Ban kiểm soát trình bày Tờ trình số 73/TTr-BKS về việc lựa chọn Công ty kiểm toán báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/12/2023 (có văn bản trình tại Đại hội).

9. Thông qua việc mua/bán tinh quặng sắt được sản xuất tại mỏ Kíp Tước năm 2023 với Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP

Ông Hoàng Minh Thắng – Giám đốc Công ty thay mặt Đoàn Chủ tọa trình bày Tờ trình số 74/TTr-HĐQT về việc mua/bán tinh quặng sắt Manhetit được sản xuất tại mỏ Kíp Tước năm 2023 với Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP (có văn bản trình tại Đại hội).

10. Đại hội tiến thành thảo luận:

10.1. Ý kiến của cổ đông Lê Duy Thanh : đề nghị Công ty làm rõ tiến độ việc bổ sung quy hoạch khoáng sản tại mỏ sắt Kíp Tước.

Ông Bùi Tiến Hải – Chủ tọa Đại hội trả lời : Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản đã được lập và dự kiến hoàn thành từ năm 2021, tuy nhiên hiện nay có 1 số thay đổi thành phần HĐ thăm định, nên dự kiến trong năm 2023 quy hoạch sẽ được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

10.2 Ý kiến của cổ đông Phạm Ngọc Sơn:

10.2.1 Ý kiến 01 : Phương án dự phòng của Công ty trong trường hợp quý I/2024 công ty chưa triển khai xin được giấy phép khai thác tại mỏ sắt Kíp Tước.

Ông Bùi Tiến Hải – Chủ tọa Đại hội trả lời cổ đông : Công ty sẽ tập trung mọi nguồn lực coi đây là nhiệm vụ sống còn để xin gia hạn giấy phép khai thác tại mỏ sắt Kíp Tước. Bên cạnh đó Công ty cũng sẽ tiếp tục đẩy nhanh việc hoàn thiện điều chỉnh dự án mỏ sắt Làng Vinh – Làng Cọ, điều chỉnh ĐTM để sớm đưa mỏ sắt Làng Vinh – Làng Cọ đi vào hoạt động trong năm 2024-2025.

Tổng công ty Khoáng sản TKV là đơn vị chiếm 51% cổ phần, là cổ đông lớn của Công ty sẽ hỗ trợ Công ty trong việc triển khai xin gia hạn giấy phép khai thác mỏ sắt Kíp Tước.

10.2.2 Ý kiến 02: Phương án bán quặng sắt cho Tổng công ty Khoáng sản TKV về thời gian giao nhận, chào thầu còn chậm vì vậy đề nghị Công ty Khoáng sản 3 – Vimico được tự mời thầu và tự bán cho các đối tác khách hàng.

Ông Bùi Tiến Hải – Chủ tọa Đại hội trả lời cổ đông: Tổng công ty Khoáng sản TKV là 1 doanh nghiệp Nhà nước vì vậy việc thực hiện mua bán cũng phải tuân thủ theo các quy trình, quy định hiện hành của pháp luật. Tuy nhiên việc thực

hiện Hợp đồng với Tổng công ty đã giúp Công ty ổn định dòng tiền để duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh.

11. Đại hội tiến hành biểu quyết các nội dung tại Đại hội (Mục 1,2,3 và từ mục 5 đến mục 9)

Ông Bùi Tiến Hải đề nghị Đại hội tiến hành biểu quyết bằng thẻ biểu quyết từng nội dung đã được quy định tại Chương trình Đại hội. Ban kiểm phiếu tiến hành làm việc.

12. Ban kiểm phiếu công bố kết quả bầu cử thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2023-2028

- Ông Bùi Tiến Hải - Chủ tọa đại hội mời Ban kiểm phiếu lên công bố Biên bản kết quả kiểm phiếu bầu cử thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2023 - 2028.

- Ông Mai Văn Thành - Trưởng ban kiểm phiếu công bố Biên bản kiểm phiếu bầu cử thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2023 - 2028. *(có biên bản kiểm phiếu kèm theo)*. Kết quả kiểm phiếu như sau:

13. Đại hội nghỉ giải lao. HĐQT tiến hành họp phiên thứ nhất bầu ra chủ tịch HĐQT và Trưởng BKS nhiệm kỳ 2023 – 2028.

14. Hội đồng quản trị, BKS tiến hành họp phiên thứ nhất đã bầu ra các chức danh. Kết quả như sau:

- Ông Bùi Tiến Hải được bầu làm Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Khoáng sản 3 - Vimico nhiệm kỳ 2023-2028 (Có Nghị quyết kèm theo)

- Ông Lê Thanh Tùng được bầu làm Trưởng BKS Công ty cổ phần Khoáng sản 3 – Vimico nhiệm kỳ 2023-2028 (Có Nghị quyết kèm theo)

15. Ban kiểm phiếu công bố kết quả kiểm phiếu:

- Ông Bùi Tiến Hải - Chủ tọa đại hội mời Ban kiểm phiếu lên công bố Biên bản kết quả kiểm phiếu biểu quyết các nội dung, tờ trình nêu trên.

- Ông Mai Văn Thành - Trưởng ban kiểm phiếu trình bày Biên bản kiểm phiếu biểu quyết. Những nội dung đã được Đại hội biểu quyết, tỷ lệ biểu quyết theo thứ tự tán thành, không tán thành, không có ý kiến được công bố chi tiết đầy đủ theo từng nội dung *(có biên bản kiểm phiếu kèm theo)*.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Điều lệ của Công ty và Quy chế tổ chức đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023; Căn cứ kết quả ghi tại Biên bản kiểm phiếu biểu quyết. Chủ tọa Đại hội kết luận những vấn đề đã được Đại hội thông qua như sau:

Nội dung 1. Báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2022, nhiệm kỳ 2018-2023 và Kế hoạch SXKD năm 2023, nhiệm kỳ 2023-2028 của Giám đốc Công ty.

* *Kết quả biểu quyết: Tổng số phiếu tán thành 3.362.980 cổ phần/ 3.362.980 cổ phần đạt tỷ lệ 100%; số phiếu không tán thành 0 cổ phần đạt tỷ lệ 0%; số phiếu không có ý kiến 0 cổ phần đạt tỷ lệ 0%.*

Nội dung 2. Thông qua báo cáo hoạt động của HĐQT nhiệm kỳ 2018-2023 và phương hướng, kế hoạch hoạt động nhiệm kỳ 2023-2028:

* Kết quả biểu quyết: Tổng số phiếu tán thành 3.362.980 cổ phần/ 3.362.980 cổ phần đạt tỷ lệ 100%; số phiếu không tán thành 0 cổ phần đạt tỷ lệ 0%; số phiếu không có ý kiến 0 cổ phần đạt tỷ lệ 0%.

Nội dung 3. Thông qua báo cáo hoạt động của HĐQT nhiệm kỳ 2018-2023 và phương hướng, kế hoạch hoạt động nhiệm kỳ 2023-2028:

* Kết quả biểu quyết: Tổng số phiếu tán thành 3.362.980 cổ phần/ 3.362.980 cổ phần đạt tỷ lệ 100%; số phiếu không tán thành 0 cổ phần đạt tỷ lệ 0%; số phiếu không có ý kiến 0 cổ phần đạt tỷ lệ 0%.

Nội dung 4. Bầu cử thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2023-2028

(1). Thông qua Quy chế bầu cử thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2023 - 2028 với cơ cấu, số lượng:

* Kết quả biểu quyết: Tổng số phiếu tán thành 3.362.980 cổ phần/ 3.362.980 cổ phần đạt tỷ lệ 100%; số phiếu không tán thành 0 cổ phần đạt tỷ lệ 0%; số phiếu không có ý kiến 0 cổ phần đạt tỷ lệ 0%.

(2) Thông qua cơ cấu số lượng thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2023-2028

- Thành viên HĐQT : 5 thành viên

- Thành viên BKS : 3 thành viên

* Kết quả biểu quyết: Tổng số phiếu tán thành 3.362.980 cổ phần/ 3.362.980 cổ phần đạt tỷ lệ 100%; số phiếu không tán thành 0 cổ phần đạt tỷ lệ 0%; số phiếu không có ý kiến 0 cổ phần đạt tỷ lệ 0%.

(3) Thông qua danh sách ứng viên bầu thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2023-2028:

➤ Hội đồng quản trị:

- 1) Ông Bùi Tiến Hải
- 2) Ông Hoàng Minh Thắng
- 3) Ông Cao Anh Hào
- 4) Ông Phạm Ngọc Sơn
- 5) Ông Lê Duy Thanh

➤ Ban kiểm soát:

- 1) Ông Lê Thanh Tùng
- 2) Bà Vũ Thị Thanh Hào
- 3) Ông Nguyễn Thanh Quỳnh

* Kết quả biểu quyết: Tổng số phiếu tán thành 3.362.980 cổ phần/ 3.362.980 cổ phần đạt tỷ lệ 100%; số phiếu không tán thành 0 cổ phần đạt tỷ lệ 0%; số phiếu không có ý kiến 0 cổ phần đạt tỷ lệ 0%.

(4) Thông qua kết quả bầu cử thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2023-2028

* **Danh sách trúng cử thành viên HĐQT : 05 thành viên**

STT	Thành viên HĐQT	Số phiếu
01	Bùi Tiến Hải	3.241.000
02	Hoàng Minh Thắng	3.238.650
03	Cao Anh Hào	3.241.000
04	Phạm Ngọc Sơn	2.559.250



STT	Thành viên HĐQT	Số phiếu
05	Lê Duy Thanh	4.535.000

** Danh sách trúng cử thành viên BKS : 03 thành viên*

STT	Thành viên HĐQT	Số phiếu
01	Lê Thanh Tùng	2.943.385
02	Vũ Thị Thanh Hảo	2.935.695
03	Nguyễn Thanh Quỳnh	4.209.860

Nội dung 5. Thông qua báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán.

** Kết quả biểu quyết: Tổng số phiếu tán thành 3.362.980 cổ phần/ 3.362.980 cổ phần đạt tỷ lệ 100%; số phiếu không tán thành 0 cổ phần đạt tỷ lệ 0%; số phiếu không có ý kiến 0 cổ phần đạt tỷ lệ 0%.*

Nội dung 6. Thông qua phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ năm 2022 và kế hoạch năm 2023.

** Kết quả biểu quyết: Tổng số phiếu tán thành 3.362.980 cổ phần/ 3.362.980 cổ phần đạt tỷ lệ 100%; số phiếu không tán thành 0 cổ phần đạt tỷ lệ 0%; số phiếu không có ý kiến 0 cổ phần đạt tỷ lệ 0%.*

Nội dung 7. Thông qua mức chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2022 và Kế hoạch chi trả năm 2023.

** Kết quả biểu quyết: Tổng số phiếu tán thành 3.362.980 cổ phần/ 3.362.980 cổ phần đạt tỷ lệ 100%; số phiếu không tán thành 0 cổ phần đạt tỷ lệ 0%; số phiếu không có ý kiến 0 cổ phần đạt tỷ lệ 0%.*

Nội dung 8. Thông qua lựa chọn Công ty kiểm toán báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/12/2023.

** Kết quả biểu quyết: Tổng số phiếu tán thành 3.362.980 cổ phần/ 3.362.980 cổ phần đạt tỷ lệ 100%; số phiếu không tán thành 0 cổ phần đạt tỷ lệ 0%; số phiếu không có ý kiến 0 cổ phần đạt tỷ lệ 0%.*

Nội dung 9. Thông qua việc mua/bán tinh quặng sắt sản xuất tại mỏ sắt Kíp Tước với Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP năm 2023. (Người đại diện phần vốn của VIMICO không thực hiện biểu quyết nội dung này)

** Kết quả biểu quyết: Tổng số phiếu tán thành 1.577.980 cổ phần/1.577.980 cổ phần đạt tỷ lệ 100%; số phiếu không tán thành 0 cổ phần đạt tỷ lệ 0%; số phiếu không có ý kiến 0 cổ phần đạt tỷ lệ 0%.*

14. Trình bày dự thảo Biên bản và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông 2023

Bà Chu Thị Ngọc Huyền - Thay mặt Ban thư ký trình bày trước Đại hội toàn văn dự thảo Biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.

15. Thông qua dự thảo Biên bản, Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên 2023

Ý kiến thảo luận về Biên bản và Nghị quyết của Đại hội : không

Ông Bùi Tiến Hải - Chủ tọa Đại hội đề nghị Đại hội biểu quyết thông qua Biên bản và Nghị quyết của Đại hội

** Kết quả biểu quyết: Tổng số phiếu tán thành 3.362.980 cổ phần/ 3.362.980 cổ phần đạt tỷ lệ 100%; số phiếu không tán thành 0 cổ phần đạt tỷ lệ 0%; số phiếu không có ý kiến 0 cổ phần đạt tỷ lệ 0%.*



E. BẾ MẠC ĐẠI HỘI

Ông Bùi Tiến Hải - Chủ tọa Đại hội đọc diễn văn bế mạc Đại hội, cảm ơn các Quý vị cổ đông đã tới tham dự Đại hội.

Toàn văn Biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 Công ty cổ phần Khoáng sản 3 – Vimico đã được đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua với sự chấp thuận của 100% cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

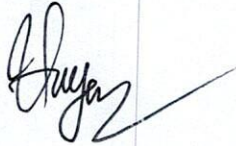
Biên bản này được lập vào hồi 11h30' ngày 24/4/2023 ngay sau khi Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty cổ phần Khoáng sản 3 – Vimico kết thúc chương trình nghị sự.

Biên bản này được lập thành 04 bản có giá trị pháp lý như nhau và công bố theo quy định của Pháp luật hiện hành.

Nơi nhận:

- Cổ đông Công ty;
- HĐQT, BKS, BGĐ;
- Webservice công ty.

THƯ KÝ ĐẠI HỘI



Chu Thị Ngọc Huyền

CHỦ TRÌ CUỘC HỌP CHỦ TỊCH HĐQT



Bùi Tiến Hải



Lào Cai, ngày 24 tháng 4 năm 2023

BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU BẦU CỬ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT
NHIỆM KỲ 2023-2028

Hôm nay, vào 10 giờ 30 phút ngày 24 tháng 04 năm 2023, tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 Công ty Cổ phần Khoáng sản 3 - Vimico, chúng tôi – Ban kiểm phiếu gồm các thành viên sau:

I. Thành phần Ban kiểm phiếu

STT	Họ và tên	Chức danh
01	Ông Mai Văn Thành	Trưởng ban
02	Ông Trần Thanh Tùng	Thành viên
03	Bà Hà Ngọc Huệ	Thành viên

Đã tiến hành kiểm phiếu bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2023-2028 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 Công ty Cổ phần Khoáng sản 3 - Vimico. Kết quả như sau:

II. Kết quả bầu thành viên Hội đồng quản trị

Ban kiểm phiếu đã tiến hành phát phiếu bầu cử, giám sát quá trình bầu, thu phiếu bầu và tiến hành kiểm phiếu. Kết quả kiểm phiếu cụ thể như sau:

1. Tổng số phiếu phát ra: 5 tờ phiếu, đại diện cho 3.362.980 cổ phần tương đương với 16.814.900 phiếu bầu HĐQT, bằng 96,1% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

2. Tổng số phiếu thu về: 05 tờ phiếu.

Trong đó:

- Số phiếu hợp lệ: 05 tờ phiếu.
- Số phiếu không hợp lệ: .0 tờ phiếu.

3. Kết quả kiểm phiếu như sau:

STT	Họ và tên	Số phiếu bầu
1	Ông Bùi Tiến Hải	3.241.000 phiếu
2	Ông Hoàng Minh Thắng	3.238.650 phiếu
3	Ông Cao Anh Hào	3.241.000 phiếu

4	Ông Lê Duy Thanh	4.535.000 phiếu
5	Ông Phạm Ngọc Sơn	2.559.250 phiếu

Căn cứ vào kết quả kiểm phiếu, Quy chế bầu cử đã được thông qua, các ông/ bà đã trúng cử vào Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Khoáng sản 3 - Vimico nhiệm kỳ 2023-2028 gồm:

1. Ông Bùi Tiến Hải
2. Ông Hoàng Minh Thắng
3. Ông Cao Anh Hào
4. Ông Lê Duy Thanh
5. Ông Phạm Ngọc Sơn

III. Kết quả bầu thành viên Ban Kiểm soát

Ban kiểm phiếu đã tiến hành phát phiếu bầu cử, giám sát quá trình bầu, thu phiếu bầu và tiến hành kiểm phiếu. Kết quả kiểm phiếu cụ thể như sau:

1. Tổng số phiếu phát ra: 05 tờ phiếu, đại diện cho 3.362.980 cổ phần tương đương với 10.088.940 phiếu bầu BKS, bằng 96,1% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

2. Tổng số phiếu thu về: 05 tờ phiếu.

Trong đó:

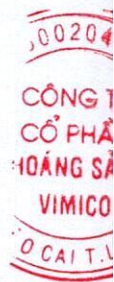
- Số phiếu hợp lệ: .05 tờ phiếu.
- Số phiếu không hợp lệ: 05 tờ phiếu.

3. Kết quả kiểm phiếu như sau:

STT	Họ và tên	Số phiếu bầu
1	Ông Lê Thanh Tùng	2.943.385 phiếu
2	Bà Vũ Thị Thanh Hào	2.935.695 phiếu
3	Ông Nguyễn Thanh Quỳnh	4.209.860 phiếu

Căn cứ vào kết quả kiểm phiếu, Quy chế bầu cử đã được thông qua, các ông/ bà đã trúng cử vào Ban kiểm soát Công ty cổ phần Khoáng sản 3 - Vimico nhiệm kỳ 2023-2028 gồm

1. Ông Lê Thanh Tùng
2. Bà Vũ Thị Thanh Hào



3. Ông Nguyễn Thanh Quỳnh

Biên bản được lập xong hồi 11 giờ 0 phút ngày 24 tháng 04 năm 2023 với 100% thành viên Ban kiểm phiếu nhất trí và được thông qua trước Đại hội.

TV BAN KIỂM PHIẾU

TV BAN KIỂM PHIẾU

TRƯỞNG BAN KIỂM PHIẾU



Trần Thanh Tùng



Lưu Ngọc Huệ



Mai Văn Thành





Lào Cai, ngày 24 tháng 04 năm 2023

**BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU BIỂU QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023
CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN 3 – VIMICO**

- Thời gian: 11 h 00 ngày 24 tháng 04 năm 2023.
- Địa điểm: Hội trường Công ty cổ phần Khoáng sản 3 – Vimico, tổ 7, phường Duyên Hải, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.

I. Thành phần Ban kiểm phiếu:

STT	Họ và tên	Chức danh
01	Mai Văn Thành	Trưởng Ban kiểm phiếu
02	Trần Thanh Tùng	Thành viên Ban kiểm phiếu
03	Hà Ngọc Huệ	Thành Viên ban kiểm phiếu

II. Kết quả kiểm phiếu biểu quyết như sau:

1. Thông qua Báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2022, nhiệm kỳ 2018-2023 và Kế hoạch SXKD năm 2023, nhiệm kỳ 2023-2028

Tán thành:	3.362.980 cổ phần	Chiếm 100 % cổ phiếu có quyền biểu quyết tại ĐH
Không tán thành:	0 cổ phần	Chiếm 0 % cổ phiếu có quyền biểu quyết tại ĐH
Ý kiến khác:	0 cổ phần	Chiếm 0 % cổ phiếu có quyền biểu quyết tại ĐH

2. Thông qua Báo cáo hoạt động của HĐQT nhiệm kỳ 2018-2023 và phương hướng, kế hoạch hoạt động nhiệm kỳ 2023-2028

Tán thành:	3.362.980 cổ phần	Chiếm 100 % cổ phiếu có quyền biểu quyết tại ĐH
Không tán thành:	0 cổ phần	Chiếm 0 % cổ phiếu có quyền biểu quyết tại ĐH
Ý kiến khác:	0 cổ phần	Chiếm 0 % cổ phiếu có quyền biểu quyết tại ĐH

3. Thông qua Báo cáo hoạt động của BKS nhiệm kỳ 2018-2023 và phương hướng, kế hoạch hoạt động nhiệm kỳ 2023-2028

Tán thành:	3.362.980 cổ phần	Chiếm 100 % cổ phiếu có quyền biểu quyết tại ĐH
Không tán thành:	0 cổ phần	Chiếm 0 % cổ phiếu có quyền biểu quyết tại ĐH
Ý kiến khác:	0 cổ phần	Chiếm 0 % cổ phiếu có quyền biểu quyết tại ĐH

4. Thông qua Tờ trình bầu thành viên HĐQT, thành viên BKS của Công ty nhiệm kỳ 2023-2028

Tán thành:	3.362.980 cổ phần	Chiếm 100 % cổ phiếu có quyền biểu quyết tại ĐH
Không tán thành:	0 cổ phần	Chiếm 0 % cổ phiếu có quyền biểu quyết tại ĐH
Ý kiến khác:	0 cổ phần	Chiếm 0 % cổ phiếu có quyền biểu quyết tại ĐH

5. Thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2022

Tán thành:	3.362.980 cổ phần	Chiếm 100 % cổ phiếu có quyền biểu quyết tại ĐH
Không tán thành:	0 cổ phần	Chiếm 0 % cổ phiếu có quyền biểu quyết tại ĐH
Ý kiến khác:	0 cổ phần	Chiếm 0 % cổ phiếu có quyền biểu quyết tại ĐH

6. Thông qua Tờ trình Phương án phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2022 và kế hoạch chi trả năm 2023

Tán thành:	3.362.980 cổ phần	Chiếm 100 % cổ phiếu có quyền biểu quyết tại ĐH
Không tán thành:	0 cổ phần	Chiếm 0 % cổ phiếu có quyền biểu quyết tại ĐH
Ý kiến khác:	0 cổ phần	Chiếm 0 % cổ phiếu có quyền biểu quyết tại ĐH

7. Thông qua Tờ trình về việc lựa chọn Công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023

Tán thành:	3.362.980 cổ phần	Chiếm 100 % cổ phiếu có quyền biểu quyết tại ĐH
Không tán thành:	0 cổ phần	Chiếm 0 % cổ phiếu có quyền biểu quyết tại ĐH
Ý kiến khác:	0 cổ phần	Chiếm 0 % cổ phiếu có quyền biểu quyết tại ĐH



8. Thông qua Tờ trình thông qua mức chi trả thù lao HĐQT, Ban kiểm soát năm 2022 và Kế hoạch năm 2023.

Tán thành:	3.362.980 cổ phần	Chiếm 100 % cổ phiếu có quyền biểu quyết tại ĐH
Không tán thành:	0 cổ phần	Chiếm 0 % cổ phiếu có quyền biểu quyết tại ĐH
Ý kiến khác:	0 cổ phần	Chiếm 0 % cổ phiếu có quyền biểu quyết tại ĐH

9. Thông qua việc mua bán tinh quặng sắt sản xuất tại mỏ sắt Kíp Tước với Tổng công ty khoáng sản TKV - CTCP.

Tán thành:	1.577.980 cổ phần	Chiếm 100 % cổ phiếu có quyền biểu quyết tại ĐH
Không tán thành:	0 cổ phần	Chiếm 0 % cổ phiếu có quyền biểu quyết tại ĐH
Ý kiến khác:	0 cổ phần	Chiếm 0 % cổ phiếu có quyền biểu quyết tại ĐH

10. Công nhận kết quả bầu thành viên HĐQT và Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2023-2028

Danh sách trúng cử HĐQT: 05 thành viên

STT	ỨNG VIÊN HĐQT	SỐ PHIẾU	TỶ LỆ
1	Bùi Tiến Hải	3.241.000	19,27%
2	Hoàng Minh Thắng	3.238.650	19,26%
3	Cao Anh Hào	3.241.000	19,27%
4	Phạm Ngọc Sơn	2.559.250	15,23%
5	Lê Duy Thanh	4.535.000	26,97%

Danh sách trúng cử thành viên Ban kiểm soát: 03 thành viên

STT	ỨNG VIÊN BKS	SỐ PHIẾU	TỶ LỆ
1	Lê Thanh Tùng	2.943.385	29,17%
2	Vũ Thị Thanh Hào	2.935.695	29,09%
3	Nguyễn Thanh Quỳnh	4.209.860	41,74%

020437
CÔNG TY
CỔ PHẦN
KHOÁNG SẢN
VIMICO
CAI L. L.

Hội đồng quản trị đã tiến hành phiên họp đầu tiên bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2023-2028. Kết quả **ông Bùi Tiến Hải**, Thành viên HĐQT kiêm Phó tổng giám đốc Tổng công ty Khoáng sản - TKV được bầu giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Khoáng sản 3 - Vimico nhiệm kỳ 2023-2028. Tỷ lệ trúng cử 5/5.

Ban kiểm soát đã tiến hành phiên họp đầu tiên bầu Trưởng ban kiểm soát nhiệm kỳ 2023 – 2028. Kết quả **ông Lê Thanh Tùng**, chuyên viên phòng Tài chính kế toán Tổng công ty Khoáng sản - TKV được bầu giữ chức vụ Trưởng ban kiểm soát Công ty Cổ phần Khoáng sản 3 - Vimico nhiệm kỳ 2023-2028. Tỷ lệ trúng cử 3/3.

Căn cứ vào kết quả kiểm phiếu biểu quyết như trên, Đại hội cổ đông quyết định thông qua các nội dung trên của biên bản này.

Biên bản được lập xong hồi 11h ngày 24 tháng 04 năm 2023; với 100% thành viên Ban kiểm phiếu nhất trí và được thông qua trước Đại hội.

THÀNH VIÊN

Ông Trần Thanh Tùng



Bà Hà Ngọc Huệ



T.M BAN KIỂM PHIẾU

Trưởng ban



Mai Văn Thành



**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023
CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN 3 - VIMICO**



**ĐẠI HỘI
ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023**

Lào Cai, ngày 24 tháng 4 năm 2023



CHƯƠNG TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023
Công ty cổ phần Khoáng sản 3 - Vimico

Thời gian: 8h00' ngày 24 tháng 4 năm 2023 (Thứ hai)

Địa điểm: Hội trường Công ty cổ phần Khoáng sản 3 – Vimico (Tổ 7, phường Duyên Hải, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai)

Chủ tọa Đại hội: Ông Bùi Tiến Hải - Chủ tịch HĐQT Công ty.

Thời gian	TT	Nội dung	Thực hiện
8h00-8h45	1	Tiếp đón Đại biểu và cổ đông	Ban tổ chức
	2	Đăng ký và kiểm tra thông tin cổ đông	Ban Thẩm tra thông tin cổ đông
	3	Báo cáo kết quả thẩm tra thông tin cổ đông tham dự Đại hội	Ban Thẩm tra thông tin cổ đông
8h45-9h15	4	Chào cờ, tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu	Ban tổ chức
	5	Thông qua Quy chế tổ chức Đại hội	Ban tổ chức
	6	Giới thiệu và mời Chủ tịch HĐQT làm Chủ tọa	Ban tổ chức
	7	- Thông qua Ban thư ký - Thông qua Ban kiểm phiếu	Chủ tọa Đại hội
	8	Thông qua chương trình Đại hội	Chủ tọa Đại hội
9h15-11h30	9	Thông qua Báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2022, nhiệm kỳ 2018-2023 và Kế hoạch SXKD năm 2023, nhiệm kỳ 2023-2028 của Giám đốc Công ty.	Chủ tọa Đại hội
	10	Thông qua báo cáo hoạt động của HĐQT nhiệm kỳ 2018-2023 và phương hướng, kế hoạch hoạt động nhiệm kỳ 2023-2028	Chủ tọa Đại hội
	11	Thông qua Báo cáo hoạt động của BKS nhiệm kỳ 2018-2023 và phương hướng, kế hoạch hoạt động nhiệm kỳ 2023-2028	Ban kiểm soát
	12	Thông qua Tờ trình Bầu cử thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2023 – 2028, tiến hành bầu cử thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2023 – 2028.	Chủ tọa Đại hội
	13	Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán	Phụ trách Kế toán



Thời gian	TT	Nội dung	Thực hiện
9h15-11h30	14	Tờ trình phân phối lợi nhuận năm 2022 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2023	Chủ tọa Đại hội
	15	Tờ trình chi trả thù lao của HĐQT, BKS năm 2022 và Kế hoạch chi trả thù lao năm 2023	Chủ tọa Đại hội
	16	Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023	Ban kiểm soát
	17	Tờ trình thông qua về việc mua/bán tinh quặng sắt được sản xuất tại mỏ sắt Kíp Tước, xã Hợp Thành, TP Lào Cai năm 2023 với Tổng công ty Khoáng sản TKV – CTCP.	Chủ tọa Đại hội
	18	Thảo luận và biểu quyết thông qua các nội dung báo cáo và tờ trình nêu trên	Chủ tọa Đại hội
	19	Công bố kết quả bầu cử Thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2023-2028, Hội đồng quản trị ra mắt Đại hội.	Ban kiểm phiếu
	20	Đại hội nghỉ giải lao. HĐQT tiến hành họp phiên thứ nhất.	
	21	Công bố kết quả bầu chức danh chủ tịch HĐQT, TBKS nhiệm kỳ 2023 -2028, công bố biên bản kiểm phiếu biểu quyết các nội dung của Đại hội.	Ban kiểm phiếu
	22	Thông qua Biên bản và Nghị quyết của Đại hội.	Thư ký Đại hội
11h30-11h35	23	Tuyên bố bế mạc Đại hội	Chủ tọa Đại hội

BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI

Số: 03 /TB-KS3

Lào Cai, ngày 03 tháng 4 năm 2023

THÔNG BÁO
Về việc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023

Kính gửi: Quý Cổ đông Công ty cổ phần Khoáng sản 3 - Vimico

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Khoáng sản 3 – Vimico được ban hành theo Quyết định số 55/QĐ-KS3 ngày 05/7/2021 của Hội đồng quản trị Công ty,

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Khoáng sản 3 - Vimico trân trọng thông báo đến Quý cổ đông về việc tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty như sau:

- 1. Thời gian:** Từ 8h00', ngày 24 tháng 4 năm 2023 (thứ hai).
- 2. Địa điểm:** Hội trường – Công ty cổ phần Khoáng sản 3 - Vimico. (Tổ 7 phường Duyên Hải, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.)

3. Thành phần tham dự Đại hội

- Đại biểu, khách mời tham dự Đại hội.
- Là cổ đông của Công ty cổ phần Khoáng sản 3 - Vimico có tên trong danh sách cổ đông chốt đến thời điểm ngày 23/3/2023 tại sổ đăng ký cổ đông Công ty.
- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát Công ty.
- Ban Giám đốc Công ty, Phụ trách kế toán.

4. Nội dung, chương trình, tài liệu họp ĐHĐCĐ đăng tại địa chỉ website <http://khoangsan3.com.vn>

5. Xác nhận tham dự

Để tạo điều kiện cho công tác tổ chức Đại hội được chu đáo, đề nghị Quý cổ đông gửi giấy xác nhận việc tham dự hoặc ủy quyền tham dự (theo mẫu gửi kèm) tới Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông qua đường bưu điện, fax, email trước **16h00 ngày 20/4/2023** theo địa chỉ sau:

Văn phòng, Công ty cổ phần Khoáng sản 3 - Vimico. (Tổ 7, phường Duyên Hải, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.)

Điện thoại: 02143.821.292.

Người liên hệ trực tiếp bà Chu Thị Ngọc Huyền - Thư ký Công ty. Số điện thoại: 0985560602. Email: ngochuyen.chu@gmail.com



Quý vị cổ đông vui lòng đến tham dự đúng giờ. Khi đến tham dự Đại hội, Cổ đông hoặc người được ủy quyền tham dự hợp pháp phải xuất trình các giấy tờ sau:

- a) Giấy chứng minh thư nhân dân hoặc thẻ căn cước hoặc hộ chiếu;
- b) Giấy đăng ký tham dự/ ủy quyền tham dự ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 (bản gốc trong trường hợp đã gửi chuyển fax hoặc email);

Thông báo này thay cho Giấy mời họp.

Trân trọng thông báo!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: VP, HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Bùi Tiến Hải



Lào Cai, ngày 02 tháng 4 năm 2023

QUY CHẾ
TỔ CHỨC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023
CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN 3 - VIMICO

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi áp dụng

1. Quy chế này áp dụng cho việc tổ chức và điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 (sau đây gọi tắt là Đại hội) của Công ty cổ phần Khoáng sản 3 - Vimico.

2. Quy chế này quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia Đại hội, điều kiện, thể thức tiến hành Đại hội và thể lệ biểu quyết thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội.

3. Cổ đông và các bên tham gia Đại hội có trách nhiệm thực hiện theo các nội dung được quy định tại Quy chế này.

Điều 2. Mục tiêu

1. Đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch.
2. Tạo điều kiện thuận lợi cho công tác tổ chức và tiến hành cuộc họp Đại hội được thực hiện thành công và tuân thủ các quy định pháp luật và Điều lệ của Công ty.

Chương II
ĐIỀU KIỆN THAM DỰ ĐHĐCĐ,
QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CỔ ĐÔNG, NGƯỜI THAM DỰ ĐHĐCĐ

Điều 3. Điều kiện tham dự ĐHĐCĐ

- Là đại biểu khách mời tham dự.
- Thành viên HĐQT, thành viên BKS và Ban điều hành Công ty.
- Là các cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền bằng văn bản (theo mẫu của Công ty) của một hoặc nhiều cổ đông có tên trong danh sách cổ đông của Công ty tại thời điểm chốt danh sách ngày 23/3/2023 tại sổ đăng ký cổ đông của Công ty.

Điều 4. Quyền của cổ đông và người được đại diện theo ủy quyền khi tham dự ĐHĐCĐ

Cổ đông có thể tham dự Đại hội đồng cổ đông theo một trong các hình thức sau đây:

1. Trực tiếp tham dự họp Đại hội đồng cổ đông.
2. Ủy quyền cho người khác dự họp ĐHĐCĐ. Trường hợp cổ đông là tổ chức không có người đại diện theo ủy quyền thì ủy quyền cho người khác dự họp ĐHĐCĐ, người được ủy quyền không nhất thiết phải là cổ đông.

Trường hợp cổ đông là tổ chức có quyền cử một hoặc một số người đại diện theo ủy quyền thực hiện các quyền cổ đông của mình theo quy định của pháp luật; trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi đại diện.

3. Được Ban tổ chức thông báo công khai nội dung chương trình ĐHĐCĐ.

4. Phát biểu, thảo luận và biểu quyết tất cả các nội dung trong chương trình ĐHĐCĐ thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

5. Tại ĐHĐCĐ, mỗi cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền khi tới tham dự ĐHĐCĐ được nhận Thẻ biểu quyết (trong đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số cổ phần có quyền biểu quyết) của cổ đông đó sau khi đăng ký tham dự họp ĐHĐCĐ với Ban kiểm tra thông tin cổ đông.

6. Giá trị biểu quyết của Thẻ biểu quyết tương ứng với tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết mà người đó sở hữu hoặc đại diện theo đăng ký tham dự ĐHĐCĐ trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các đại biểu có mặt tại ĐHĐCĐ.

7. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc được đăng ký ngay, sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại ĐHĐCĐ. Chủ tọa không được dừng cuộc họp để những người đến muộn đăng ký, trong trường hợp này, hiệu lực của những biểu quyết đã tiến hành trước đó sẽ không bị ảnh hưởng.

Điều 5. Nghĩa vụ của cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền khi tham dự ĐHĐCĐ

1. Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền đến dự ĐHĐCĐ mang theo các giấy tờ sau:

a) Giấy chứng minh thư nhân dân, thẻ căn cước công dân hoặc Hộ chiếu còn hiệu lực.

b) Giấy ủy quyền theo mẫu gửi kèm theo Thông báo mời họp ĐHĐCĐ. Trường hợp được ủy quyền tham dự ĐHĐCĐ: nếu cổ đông là cá nhân thì văn bản ủy quyền phải được ký bởi cổ đông đó; nếu cổ đông là pháp nhân/ tổ chức thì văn bản ủy quyền phải được đóng dấu và ký bởi đại diện theo pháp luật của pháp nhân/tổ chức đó.

c) Cổ đông chỉ được chính thức tham dự và biểu quyết tại ĐHĐCĐ sau khi đã thực hiện các thủ tục đăng ký và chứng minh tư cách cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền của mình là hợp lệ với Ban kiểm tra thông tin cổ đông.

2. Trường hợp cổ đông đã ủy quyền cho người khác mà không có thông báo bằng văn bản về việc hủy ủy quyền thì cổ đông đó khi tham dự ĐHĐCĐ không nhận Thẻ biểu quyết tại ĐHĐCĐ nếu người được ủy quyền của họ đã làm thủ tục nhận Thẻ biểu quyết.

3. Người được ủy quyền tham dự ĐHĐCĐ không được ủy quyền lại cho bên thứ ba.

4. Trong thời gian diễn ra ĐHĐCĐ, cổ đông/đại diện của cổ đông phải tuân thủ theo hướng dẫn, điều khiển của Chủ tọa, tôn trọng kết quả làm việc của ĐHĐCĐ, ứng xử văn minh, lịch sự, không gây mất trật tự.

5. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền tham dự họp ĐHĐCĐ phải chấp hành nghiêm chỉnh Quy chế này, nếu vi phạm thì tùy theo mức độ cụ thể Chủ tọa sẽ xem xét và có hình thức xử lý theo quy định của Điều lệ Công ty.

6. Trường hợp cổ đông rời cuộc họp trước khi ĐHĐCĐ biểu quyết mà không thông báo với Ban kiểm phiếu thì cổ đông đó coi như là "không có ý kiến" với tất cả những vấn đề sẽ được biểu quyết tại ĐHĐCĐ sau đó. Trường hợp cổ đông rời cuộc họp trước khi ĐHĐCĐ biểu quyết, nhưng đã thông báo với Ban kiểm phiếu thì cổ đông đó được coi là không tham gia biểu quyết tại Đại hội.

Điều 6. Chủ tọa Đại hội

1. Chủ tịch HĐQT là Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do HĐQT triệu tập. Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt thì các thành viên HĐQT còn lại bầu một người trong số họ làm Chủ tọa Đại hội.

2. Chủ tọa Đại hội có thể mời thêm thành viên HĐQT, Ban điều hành Công ty để cùng điều hành ĐHĐCĐ.

3. Chủ tọa Đại hội có trách nhiệm sau:

- a) Chủ trì, điều khiển ĐHĐCĐ;
- b) Hướng dẫn Đại hội thảo luận, lấy ý kiến biểu quyết các vấn đề nằm trong nội dung chương trình của Đại hội;
- c) Trình dự thảo, kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội biểu quyết;
- d) Trả lời hoặc chỉ định thành viên Ban chủ tọa trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu;
- đ) Làm việc theo nguyên tắc tập thể, tập trung, dân chủ, điều hành Đại hội một cách hợp lệ, nghiêm túc và phản ánh được mong muốn của đa số cổ đông, đại diện cổ đông tham dự.

4. Chủ tọa Đại hội có quyền sau:

- a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh khác;
- b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp, trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của Chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến hành cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi Đại hội;
- c) Chủ tọa Đại hội có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác theo quy định tại Khoản 8 Điều 146, Luật Doanh nghiệp và Khoản 7 Điều 20, Điều lệ công ty.

Điều 7. Nhiệm vụ và quyền hạn của Thư ký Đại hội

1. Thư ký Đại hội gồm 02 thành viên do Chủ tọa đề cử để giúp việc ĐHĐCĐ và được Đại hội biểu quyết thông qua.

2. Thư ký Đại hội có nhiệm vụ:

- a) Ghi chép đầy đủ, trung thực các nội dung của Đại hội.
- b) Dự thảo kết luận và thông báo của Chủ tọa gửi đến các cổ đông khi được yêu cầu. Trình bày trước ĐHĐCĐ về biên bản họp và dự thảo Nghị quyết của Đại hội.
- c) Tiếp nhận phiếu đăng ký phát biểu, ý kiến khiếu nại (nếu có) của cổ đông.

Điều 8. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm phiếu

1. Ban kiểm phiếu tối đa không quá 11 (mười một) thành viên, gồm 01 (một) Trưởng ban và các thành viên kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua theo đề nghị của Chủ tọa.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm phiếu

a) Hướng dẫn cổ đông tham dự ĐHĐCĐ cách sử dụng thẻ biểu quyết. Thực hiện việc kiểm, đếm thẻ biểu quyết theo từng loại: tán thành, không tán thành, không có ý kiến ngay sau khi ĐHĐCĐ biểu quyết.

b) Ghi nhận kết quả biểu quyết của các cổ đông và đại diện cổ đông đối với các vấn đề được lấy ý kiến thông qua tại ĐHĐCĐ.

c) Tổng hợp và báo cáo Chủ tọa kết quả biểu quyết các vấn đề của ĐHĐCĐ.

d) Lập Biên bản kiểm phiếu và công bố kết quả kiểm phiếu trước Đại hội.

e) Bàn giao lại Biên bản kiểm phiếu biểu quyết cho Thư ký Đại hội.

f) Thực hiện các nhiệm vụ khác được giao.

Điều 9. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm tra thông tin cổ đông

1. Ban kiểm tra thông tin cổ đông tối đa không quá 3 (ba) thành viên, gồm Trưởng ban và các thành viên để thực hiện chức năng và nhiệm vụ như sau:

a) Kiểm tra thông tin cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền của cổ đông đến dự họp: Yêu cầu cổ đông tham dự ĐHĐCĐ và khách mời xuất trình Giấy chứng minh thư nhân dân hoặc Hộ chiếu, Giấy ủy quyền (đối với đại diện được ủy quyền).

b) Phát cho cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến dự họp: Thẻ biểu quyết và các tài liệu khác có liên quan đến cuộc họp.

c) Báo cáo trước ĐHĐCĐ về kết quả kiểm tra thông tin cổ đông dự họp ĐHĐCĐ tại các thời điểm sau:

- Trước khi khai mạc ĐHĐCĐ;

- Trước mỗi lần biểu quyết của Đại hội nếu có sự thay đổi về số cổ đông đăng ký tham dự ĐHĐCĐ (khi cổ đông đến muộn đăng ký dự họp).

d) Thực hiện các công việc khác do Ban tổ chức ĐHĐCĐ hoặc Chủ tọa Đại hội phân công.

2. Trường hợp người đến dự họp không đầy đủ tư cách tham dự ĐHĐCĐ thì Ban kiểm tra thông tin cổ đông có quyền từ chối quyền dự họp của người đó, từ chối cấp thẻ biểu quyết và các tài liệu khác có liên quan đến cuộc họp.

Chương III

CHƯƠNG TRÌNH, NỘI DUNG LÀM VIỆC CỦA ĐẠI HỘI

Điều 10. Tiến hành Đại hội

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết theo danh sách cổ đông đã chốt ngày 23/3/2023 tại sổ đăng ký cổ đông của Công ty. Ban kiểm tra thông tin cổ đông thông báo số lượng tham dự, tổng số cổ phần có quyền biểu quyết mà các cổ đông đại diện và tỷ lệ tham dự để Đại hội có thể tiến hành theo quy định.

2. Trường hợp ĐHĐCĐ không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 nói trên thì việc triệu tập và ĐHĐCĐ các lần tiếp theo sẽ được tiến hành theo quy định tại Điều 19 Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp.

Điều 11. Chương trình, nội dung làm việc của Đại hội

1. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội thông qua ngay trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ thời gian đối với các nội dung trong chương trình họp.

2. Trình tự tổ chức Đại hội (*Xem chương trình Đại hội gửi kèm theo*)

3. Trường hợp có thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp, các thay đổi phải được ĐHĐCĐ thông qua.

Điều 12. Thảo luận và chất vấn tại Đại hội

1. Căn cứ vào số lượng cổ đông tham dự và thời lượng cho phép của Đại hội, Chủ tọa Đại hội có thể lựa chọn phương pháp điều khiển cuộc họp hợp lý nhất. Cổ đông tham dự Đại hội phát biểu ý kiến thảo luận, đưa ra ý kiến chất vấn bằng cách giơ tay đề nghị phát biểu và được sự đồng ý của Chủ tọa hoặc điền vào phiếu câu hỏi gửi cho Thư ký đại hội để chuyển tới Chủ tọa đại hội.

2. Cổ đông phát biểu ngắn gọn, tập trung vào đúng những nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với nội dung chương trình của Đại hội thông qua. Chủ tọa Đại hội có quyền đề nghị cổ đông tập trung vào nội dung trọng tâm cần phát biểu để tiết kiệm thời gian và đảm bảo chất lượng thảo luận.

3. Đại hội thống nhất tổng thời lượng phát biểu của một cổ đông tối đa không quá 5 phút. Nếu quá thời lượng này, Chủ tọa Đại hội có thể yêu cầu cổ đông lập các câu hỏi, kiến nghị thành văn bản, Chủ tọa phải ghi nhận và Hội đồng quản trị trong phạm vi thẩm quyền của mình sẽ trả lời bằng văn bản cho cổ đông trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ thời điểm nhận được kiến nghị của cổ đông.

Điều 13. Thẻ lệ biểu quyết tại Đại hội

1. Nguyên tắc biểu quyết: Các nội dung trong chương trình của Đại hội đều phải được thông qua biểu quyết trực tiếp tại Đại hội.

2. Hình thức biểu quyết: Cổ đông biểu quyết từng nội dung theo chương trình Đại hội bằng hình thức giơ thẻ biểu quyết nội dung biểu quyết được quy định cụ thể tại chương trình đại hội).

a) Khi biểu quyết một nội dung được Đại hội đưa ra, các cổ đông biểu quyết như sau:

- Bằng hình thức giơ thẻ: Cổ đông giơ thẻ biểu quyết lên cao;

b) Đối với từng nội dung cần biểu quyết, Chủ tọa sẽ hỏi ý kiến theo trình tự: tán thành; không tán thành; không có ý kiến.

4. Điều kiện thông qua

4.1. Nghị quyết về các nội dung trình Đại hội đồng cổ đông được thông qua khi có trên 50% tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông.

4.2. Nghị quyết về các nội dung sau đây được thông qua khi có từ 65% tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông:

- a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- b) Thay đổi ngành nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty về mô hình hoạt động và Người đại diện theo pháp luật quy định tại Điều 137 Luật Doanh nghiệp;
- d) Quyết định dự án đầu tư, giao dịch mua, bán tài sản của Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua do Công ty hoặc chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán;
- đ) Quyết định việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác với tổng giá trị góp vốn, mua cổ phần từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán;
- e) Các hình thức tổ chức lại, giải thể, phá sản Công ty;
- g) Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ Công ty.

Điều 14. Thẻ biểu quyết

1. Thẻ biểu quyết được đóng dấu của Công ty do Ban kiểm tra thông tin cổ đông phát cho các cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham dự cuộc họp. Thẻ biểu quyết được ghi mã số, họ tên của cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền của cổ đông và các yếu tố kỹ thuật khác giúp việc cho việc kiểm phiếu chính xác, thuận tiện.

2. Giá trị biểu quyết của Thẻ biểu quyết được xác định bằng số cổ phần có quyền biểu quyết mà cổ đông đó sở hữu hoặc đại diện được ủy quyền tham dự ĐHĐCĐ.

Điều 15. Bầu cử HĐQT, Ban kiểm soát

1. Nguyên tắc bầu cử HĐQT, BKS

Việc bầu cử thành viên HĐQT, BKS sẽ được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo hình thức công khai, trực tiếp và bỏ phiếu kín.

Phiếu bầu do Ban kiểm phiếu phát. Trên mỗi phiếu có ghi tên ứng viên được đề cử vào HĐQT, Ban kiểm soát và được đóng dấu cơ quan treo trên góc phiếu bầu.

Khi được phát phiếu bầu, cổ đông/đại diện cổ đông phải kiểm tra lại tổng số cổ phần sở hữu mà họ đại diện (Tổng số phiếu biểu quyết mà họ đại diện) ghi trên các phiếu bầu, nếu có sai sót phải thông báo ngay tại thời điểm nhận phiếu. Phiếu bầu cử được coi là hợp lệ khi có đầy đủ, chính xác các thông tin theo yêu cầu trên Phiếu bầu.

2. Tổ chức kiểm phiếu

Việc kiểm phiếu phải được Ban kiểm phiếu tiến hành tại địa điểm họp Đại hội ngay sau khi cuộc bỏ phiếu kết thúc. Trước khi mở thùng phiếu, Ban kiểm phiếu phải thống kê, lập biên bản, niêm phong số phiếu không được sử dụng.

Ban kiểm phiếu không được gạch xóa, sửa chữa trên phiếu bầu.

Những phiếu sau đây được coi là không hợp lệ:

- Phiếu không do Ban kiểm phiếu phát.
- Ban tổ chức không chịu trách nhiệm những trường hợp cổ đông làm mất phiếu bầu hoặc viết sai trên phiếu bầu.
- Phiếu tẩy xóa hoặc ghi tên người ngoài ứng cử viên đã được ĐHĐCĐ thông qua trước khi tiến hành bỏ phiếu.

3. Nguyên tắc lựa chọn ứng cử viên trúng cử vào HĐQT, Ban kiểm soát

Việc lựa chọn ứng cử viên trúng cử vào Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát được căn cứ vào tổng số phiếu biểu quyết mà các ứng cử viên nhận được, tỷ lệ trúng cử được tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số quyền bầu cử cao nhất cho đến khi đủ số lượng thành viên HĐQT, BKS cần bầu.

Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau để lựa chọn.

4. Lập và công bố Biên bản kiểm phiếu:

Sau khi kiểm phiếu, Ban Kiểm phiếu phải lập biên bản kiểm phiếu. Nội dung biên bản kiểm phiếu bao gồm: Tổng số cổ đông tham gia dự họp, tổng số cổ đông tham gia bỏ phiếu, tỷ lệ quyền biểu quyết của cổ đông tham gia bỏ phiếu so với tổng số quyền biểu quyết của cổ đông tham dự họp, số và tỷ lệ phiếu hợp lệ, phiếu không hợp lệ, phiếu trống; số và tỷ lệ quyền biểu quyết cho ứng cử viên vào HĐQT, BKS.

Toàn văn Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trước Đại hội.

Điều 16. Biên bản họp Đại hội, dự thảo nghị quyết Đại hội

1. Biên bản họp Đại hội: Tất cả các nội dung tại Đại hội phải được Thư ký ghi vào biên bản họp Đại hội. Chủ tọa và Thư ký Đại hội chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của Biên bản họp ĐHĐCĐ.

2. Biên bản họp phải được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội. Biên bản ĐHĐCĐ phải được công bố trên website Công ty trong thời hạn 24 giờ và gửi tới các cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bế mạc ĐHĐCĐ.

3. Căn cứ biên bản họp Đại hội, báo cáo kết quả kiểm tra thông tin cổ đông, báo cáo kết quả kiểm phiếu của Ban kiểm phiếu và các tài liệu ghi nhận diễn biến, kết quả của ĐHĐCĐ phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

4. Biên bản ĐHĐCĐ là cơ sở để đưa ra Nghị quyết ĐHĐCĐ.

Điều 17. Nghị quyết cuộc họp ĐHĐCĐ

Căn cứ biên bản họp Đại hội, báo cáo kết quả kiểm phiếu của Ban kiểm phiếu. Thư ký Đại hội sẽ tổng hợp kết quả và đưa vào dự thảo Nghị quyết. Nghị quyết của ĐHĐCĐ gửi tới các cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày ĐHĐCĐ bế mạc.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 18. Điều khoản thi hành

1. Quy chế tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 Công ty cổ phần Khoáng sản 3 - Vimico bao gồm 04 Chương, 18 Điều. Quy chế này có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua.
2. Chủ tọa chịu trách nhiệm điều hành Đại hội theo Quy chế này. Các cổ đông tham dự Đại hội có trách nhiệm thực hiện theo Quy chế này.
3. ĐHĐCĐ quyết định việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Bùi Tiến Hải

**BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG
CỔ ĐÔNG NĂM 2022, NHIỆM KỲ 2018 – 2023 VÀ KẾ HOẠCH SẢN
XUẤT KINH DOANH NĂM 2023, NHIỆM KỲ 2023 - 2028**

PHẦN THỨ NHẤT

**BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG
CỔ ĐÔNG NĂM 2022, NHIỆM KỲ 2018 - 2023**

**A. BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG
CỔ ĐÔNG NĂM 2022**

I. Đặc điểm tình hình

1. Thuận lợi: Công ty luôn nhận được sự quan tâm, giúp đỡ của địa phương; Sự chỉ đạo sát sao của HĐQT Công ty, của Tổng Công ty; Cùng với tinh thần Đoàn kết - Kỷ luật - Đồng tâm, chịu khó, nỗ lực phấn đấu khắc phục mọi khó khăn hoàn thành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của cán bộ công nhân viên.

2. Khó khăn:

Bên cạnh những thuận lợi, Công ty cũng gặp một số khó khăn trong việc thực hiện nhiệm vụ SXKD, ĐTXD năm 2022:

- Công ty tiếp tục chịu tác động của dịch bệnh Covid -19 trong những tháng đầu năm và ảnh hưởng của xung đột Nga- Ukraine (dẫn đến chi phí đầu vào tăng cao đặc biệt là nhiên liệu, sắt thép, thuốc nổ, dầu mỡ phụ...).

- Công trường khai thác mỏ sắt Kíp Tước xuống sâu, chật hẹp, các thân quặng nằm xen kẹt, trữ lượng và hàm lượng biến động lớn.

- Từ quý 3/2022, giá tinh quặng sắt giảm sâu, tiêu thụ chậm, lượng tinh quặng sắt tồn kho trên bãi chứa lớn.

- Công tác đền bù GPMB mỏ Kíp Tước triển khai chậm ảnh hưởng lớn đến công tác đổ thải.

- Mỏ sắt Làng Vinh, Làng Cọ dừng sản xuất do chưa hoàn thiện thủ tục pháp lý.

- Công tác ĐTXD năm 2022 không thực hiện do chưa sắp xếp được nguồn vốn.

II. Kết quả thực hiện chỉ tiêu chủ yếu năm 2022

1. Chỉ tiêu kinh tế

- Doanh thu thực hiện cả năm đạt 307.249 triệu đồng bằng 97% KHN và bằng 131,52% so với thực hiện năm 2021.

- Lợi nhuận trước thuế đạt 13.727 triệu đồng bằng 75% KHN và bằng 131,41% so với thực hiện năm 2021.

- Nộp ngân sách thực hiện cả năm đạt 53.754 triệu đồng bằng 72% KHN và bằng 102% so với thực hiện năm 2021.

- Tổng quỹ lương thực hiện cả năm đạt 16.180/18.615 triệu đồng bằng 87% KHN và bằng 117% so với thực hiện năm 2021.

- Lao động sử dụng bình quân thực hiện cả năm đạt 123 người bằng 84% KHN và bằng 96,85% so với thực hiện năm 2021.

- Tiền lương bình quân thực hiện cả năm đạt 10,96 tr.đ/ng-thg bằng 104% KHN và bằng 121% so với thực hiện năm 2021.

- Đầu tư xây dựng cơ bản thực hiện năm 2022 đạt 9.568/21.898 tr đồng bằng 44% KNH và bằng 298% so với thực hiện năm 2021.

2. Chỉ tiêu sản lượng

- Tinh quặng sắt Kíp Tước đạt 65.366/91.503 tấn bằng 71% KHN và bằng 97,43% so với thực hiện năm 2021.

- Bốc xúc Sin Quyền: 2.250.582/1.500.000 m³ đạt 150,04% KHN và bằng 104,35% so với thực hiện năm 2021.

III. Đánh giá kết quả thực hiện SXKD, ĐTXD năm 2022

1. Công tác chỉ đạo sản xuất:

Trong bối cảnh tình hình giá kim loại giảm sâu, vật tư nhiên liệu đầu vào của Công ty tăng cao; Trên cơ sở kế hoạch được Hội đồng quản trị Tổng công ty phê duyệt, Ban lãnh đạo Công ty đã linh hoạt điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Kết quả năm 2022, Công ty đã hoàn thành được một số chỉ tiêu đề ra, từng bước bù đắp được các khoản lỗ lũy kế các năm trước, không có tai nạn lao động nghiêm trọng, đảm bảo đời sống và thu nhập ổn định cho người lao động.

2. Công tác quản lý kỹ thuật cơ bản

Mặc dù gặp rất nhiều khó khăn về điều kiện khai thác, tuy nhiên ngay từ đầu năm Công ty đã bám sát các giải pháp điều hành để triển khai thực hiện đảm bảo yêu cầu đối với công tác khoan nổ mìn, bốc xúc, vận tải. Một số chỉ tiêu thực hiện cụ thể như sau:

- *Công tác Khai thác mỏ:* Trong năm 2022 công ty đã khai thác được 128.899 tấn quặng NK đạt 106,53% KHN. Đồng thời tiến hành tăng sản lượng bốc đất đá với khối lượng 353.541 m³, đạt 65,41%KHN, tuy nhiên do ảnh hưởng lớn bởi thời tiết mưa nhiều và kéo dài trong quý II và quý III nên khối lượng đất đá bốc không đạt kế hoạch đề ra.

- *Công tác tuyển khoáng:* Trong năm 2022, công ty triển khai 1 số giải pháp để đẩy mạnh sản xuất tinh quặng sắt tại mỏ sắt Kíp Tước: Điều chỉnh, nâng cao năng suất cấp liệu vào máy nghiền bi, phân tích, lấy mẫu 3 ca liên tục để điều chỉnh cỡ hạt, tỷ lệ rắn lỏng, kịp thời điều chỉnh công nghệ; thực hiện bảo dưỡng định kỳ, sửa chữa thường xuyên thiết bị tuyển khoáng theo đúng kỳ hạn. Lắp đặt và chạy chỉnh định xưởng tuyển tận thu, thay thế các thiết bị bàn đãi xưởng tuyển chính... Các giải pháp trên đã giúp dây chuyền nghiền tuyển hoạt động ổn định, tuy nhiên do hàm lượng quặng đầu vào thấp dẫn đến sản lượng tinh quặng sắt không đạt kế hoạch đề ra.

- *Công tác Cơ điện:*

+ *Về công tác huy động máy móc thiết bị:* Việc huy động máy móc thiết bị vào sản xuất năm 2022 chưa đáp ứng yêu cầu sản xuất do các thiết bị đã xuống cấp, thời gian vận hành không đảm bảo.

+ Về việc sử dụng vật tư chủ yếu: cơ bản đạt chỉ tiêu định mức đề ra. Trong thời gian tới, công ty sẽ tăng cường thực hiện quản lý và điều hành nhằm tiết kiệm chi phí trong công tác cơ điện.

3. Công tác An toàn lao động - Môi trường:

Triển khai các biện pháp thực hiện phù hợp với tình hình thực tế của Công ty. Giá trị thực hiện đạt 739/758 tr đồng, đạt 97,05% kế hoạch năm. Thực hiện đầy đủ các biện pháp để khắc phục kiến nghị của các đoàn kiểm tra về công tác ATVSLĐ. Trong năm sản xuất đảm bảo tuyệt đối an toàn, không để xảy ra sự cố nào về môi trường và TNLĐ.

4. Công tác Đầu tư, phát triển tài nguyên

4.1. Công tác đầu tư: Trong năm 2022, Công ty thực hiện chuyển tiếp giá trị đầu tư XDCB năm 2021 chuyển sang năm 2022 với giá trị 9.568 triệu đồng (mua 01 máy xúc thủy lực gầu 1,4 m³ và mua 04 xe ô tô tải tự đổ 20 tấn)

Kế hoạch đầu tư XD năm 2022: 21.898 Công ty không thực hiện do tình hình tài chính của Công ty đang gặp khó khăn, chưa thu xếp được nguồn vốn.

Giá trị sửa chữa các công trình kiến trúc 3.868/2.810 triệu đồng bằng 137,65%KHN trong đó phân xưởng mỏ sắt Kíp Tước: 2.068 triệu đồng và khu vực văn phòng Công ty 1.800 triệu đồng.

4.2. Công tác xin cấp phép khai thác khoáng sản và phát triển tài nguyên:

- Ngày 20/03/2023, Công ty đã tiến hành nộp đầy đủ hồ sơ theo quy định để xin gia hạn giấy phép khai thác mỏ sắt Kíp Tước (tháng 1/2024 hết hạn).

- Công ty đã ký Hợp đồng với Chi nhánh Công ty cổ phần địa chất Việt Bắc –TKV- Xí nghiệp địa chất 109 lập đề án thăm dò mở rộng mỏ sắt Kíp Tước.

- Công tác xin cấp phép mỏ Kaolin – Fenspat Hang Dơi: Công ty đã lập báo cáo đánh giá hiệu quả mỏ Kaolin trình HĐQT xem xét quyết định.

5. Công tác quản trị chi phí, vật tư

- **Công tác quản trị chi phí:** Trong năm 2022, công tác quản trị chi phí đã thực hiện tốt hơn. Chi phí tại mỏ sắt Kíp Tước được quản lý chặt chẽ, hàng tháng tổ chức kiểm tra nghiệm thu đánh giá kịp thời.

- Công tác tiêu thụ sản phẩm: Phối hợp chặt chẽ với Tổng công ty Khoáng sản – TKV và các khách hàng để giao tình quặng sắt đảm bảo đúng thời gian, tiến độ, chất lượng sản phẩm.

- Công tác quản lý, mua sắm vật tư: Cung cấp đầy đủ, kịp thời. Tuy nhiên, việc hoàn thiện hồ sơ mua bán vật tư theo quy định còn nhiều tồn tại, hạn chế. Công tác phối hợp thực hiện nhiệm vụ chưa nhịp nhàng, chặt chẽ giữa các bộ phận.

6. Công tác tài chính kế toán

Công ty gặp nhiều khó khăn về tài chính nên việc nộp NSNN, phải trả người bán và cung cấp dịch vụ chưa đúng hạn.

Chất lượng hồ sơ thanh quyết toán, quy trình thực hiện còn nhiều tồn tại, hạn chế.

7. Công tác Tổ chức, Lao động tiền lương:

7.1 Công tác lao động: Lao động sử dụng bình quân trong năm 2022 là 123 người/năm, đạt 83% so với KHN. Lao động trong năm có nhiều biến động tăng trong kỳ 14 người, giảm trong kỳ 18 người, lao động cuối kỳ theo danh sách 120 người. Trong năm công ty đã giải quyết dứt điểm lao động dôi dư tại xí nghiệp 303 do dừng sản xuất, luân chuyển và điều động 9 cán bộ phù hợp với

năng lực công tác, các trường hợp tiếp nhận, luân chuyển, điều động thực hiện theo đúng quy chế quản lý cán bộ của công ty.

7.2 Công tác tiền lương: Tiền lương bình quân năm 2022 đạt 10,96 trđ/người/tháng bằng 104% KHN 2022 và bằng 121% thực hiện 2021. Để thực hiện đúng chế độ của người lao động, Công ty đã xây dựng thang bảng lương mới và đã được Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt triển khai áp dụng từ 01/11/2022.

IV. Đánh giá chung năm 2022

Mặc dù bước vào triển khai kế hoạch SXKD trong điều kiện còn nhiều khó khăn, vướng mắc nhưng Công ty đã nỗ lực hoàn thành được một số chỉ tiêu kế hoạch đề ra, sản xuất kinh doanh có hiệu quả, đảm bảo thu nhập và đời sống của NLĐ. Bên cạnh những kết quả đã đạt được, vẫn còn một số tồn tại, như: Công tác đền bù Giải phóng mặt bằng mỏ sắt Kíp Tước, thực hiện điều chỉnh dự án ĐT XDCB mỏ Làng Vinh Làng Cọ còn chậm làm ảnh hưởng đến việc thực hiện kế hoạch SXKD; Công tác bốc xúc đất đá thải chưa đạt KH đề ra...

B. KẾT QUẢ SXKD, ĐTXD GIAI ĐOẠN 2018 – 2023

Nhiệm kỳ 2018 – 2023 là giai đoạn Công ty gặp rất nhiều những khó khăn và thách thức. Dịch covid bùng phát ảnh hưởng rất lớn tới quá trình sản xuất, kinh doanh, giá quặng sắt xuống sâu đặc biệt là năm 2019 - 2020... Thực hiện theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hàng năm, Nghị quyết HĐQT hàng kỳ, Ban điều hành đã xác định và triển khai kế hoạch, phương hướng sản xuất kinh doanh phù hợp với từng thời điểm. Qua 5 năm, các chỉ tiêu cơ bản thực hiện như sau:

I. Các chỉ tiêu giai đoạn 2018 - 2023

STT	Các chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2017 - 2022	Thực hiện 2017 - 2022	So sánh (%)
I	Các chỉ tiêu sản lượng				
1	Tinh quặng sắt Kíp Tước	Tấn	374.238	317.754	84,91
2	Tinh quặng sắt LVLC	Tấn	563.148	225.153	39,98
3	Bốc xúc Sin Quyền	m ³	5.650.000	7.363.552	130,33
4	Vận chuyển Sin Quyền	Tấn/km	56.787.296	69.203.370	121,86
II	Các chỉ tiêu giá trị				
1	Tổng doanh thu	Tr.đồng	1.062.456	980.884	92,32
2	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	28.593	(38)	
3	Nộp ngân sách	Tr.đồng	310.492	195.719	63,04
4	Tổng quỹ lương	Tr.đồng	86.481	73.459	84,94
5	Tiền lương bình quân	Tr.đ/ng- thg	7,78	8,19	105,24
6	Lao động sử dụng bình quân	Người	191	152	79,96
7	Đầu tư xây dựng	Tr.đồng	73.642	19.702	26,75

II. Đánh giá kết quả thực hiện giai đoạn 2018 – 2023

1. Công tác chỉ đạo sản xuất:

Trên cơ sở kế hoạch SXKD các năm được Đại hội ĐCĐ thông qua, Ban giám đốc Công ty đã triển khai kế hoạch đến các đơn vị và ban hành các giải

pháp điều hành nhằm quyết tâm hoàn thành kế hoạch đề ra. Tuy nhiên, Công tác điều hành chưa được công ty quan tâm đúng mức, các thành viên trong Ban giám đốc, các phòng công ty, các đơn vị tại một số thời điểm chưa hoàn thành tốt nhiệm vụ. Giai đoạn 5 năm (2018-2023) công tác điều hành chỉ đạo sản xuất về cơ bản chưa hoàn thành nhiệm vụ đề ra.

2. Công tác quản lý kỹ thuật cơ bản

- *Công tác Khai thác mỏ*: Công tác khai thác mỏ có nhiều cố gắng, sản xuất ngày càng đạt kết quả cao, các chỉ tiêu công nghệ, tiêu hao định mức cơ bản hoàn thành kế hoạch đề ra.

- *Công tác tuyển khoáng*: Đã từng bước làm chủ công nghệ, Xưởng tuyển hoạt động ổn định; các chỉ tiêu công nghệ đạt kế hoạch đề ra. Trong quá trình sản xuất áp dụng tốt các giải pháp cải tiến kỹ thuật nhờ đó sản lượng trong những năm gần đây luôn đạt và vượt kế hoạch.

- *Công tác Cơ điện*: Đã ban hành các quy định về công tác sửa chữa thường xuyên và sửa chữa TĐT thiết bị trong Công ty. Trong điều kiện máy móc thiết bị của Công ty lâu năm đã xuống cấp, công tác cơ điện có cố gắng, duy trì sản xuất ổn định.

3. Công tác An toàn lao động - Môi trường: Trong 05 năm từ 2018-2023 Công ty không để xảy ra tai nạn lao động; định kỳ hàng năm thực hiện tuyên truyền, giáo dục về ATVSLĐ; cấp phát đầy đủ trang bị bảo hộ lao động, thực hiện chế độ khám sức khỏe định kỳ, chế độ bồi dưỡng bằng hiện vật đối với lao động làm công việc nặng nhọc, độc hại và các quy chuẩn trong quản lý công tác an toàn vệ sinh lao động.

4. Công tác Tài chính kế toán, Kinh doanh vật tư

- *Công tác Tài chính kế toán*: Giai đoạn 2018-2023 tình hình tài chính tương đối khó khăn nên việc nộp NSNN, thanh toán cho người bán và cung cấp hàng hóa dịch vụ chưa được kịp thời. Tuy nhiên, với những biện pháp tăng cường kỷ luật tài chính, công ty đã từng bước hạn chế các khoản phạt chậm nộp thuế, phạt vi phạm hợp đồng do chậm thanh toán (công ty không có nợ vay ngân hàng quá hạn) cũng như tiết giảm chi phí lãi vay. Từ năm 2021, các chỉ số tài chính đã từng bước được cải thiện nhiều so với các năm trước.

- *Công tác vật tư*: Công ty đã xây dựng quy chế, quy trình mua bán vật tư áp dụng thống nhất trong toàn Công ty, từng bước đảm bảo tỷ lệ tồn kho không vượt quá quy định.

5. Công tác Tổ chức, Lao động tiền lương: Lao động sử dụng bình quân trong kỳ là 152 người/năm. Thực hiện lộ trình tái cơ cấu lao động trong nhiệm kỳ 2018 - 2023, lao động quản lý đã giảm từ 20,7% xuống còn 19,1%; lao động công nghệ, phụ trợ tăng 76,9% lên 78,3%; tiền lương bình quân tăng 12%/năm. Công tác chăm lo đời sống cho CBCNV được Công ty hết sức quan tâm, chú trọng cả về tinh thần và vật chất.

6. Công tác quản trị: Công tác quản trị chi phí từng bước đi vào nề nếp và dần phát huy được hiệu quả.

PHẦN II

KẾ HOẠCH SXKD, ĐTXD NĂM 2023 VÀ NHIỆM KỲ 2023 - 2028

A. KẾ HOẠCH SXKD, ĐTXD NĂM 2023

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

1. Thuận lợi

- Công ty tiếp tục nhận được sự quan tâm, ủng hộ, giúp đỡ của Tổng công ty Khoáng sản – TKV cũng như địa phương nơi đơn vị đứng chân.

- Tập thể CBCNV toàn Công ty gắn bó, đồng thuận với mục tiêu xây dựng Công ty phát triển. Đây là điều kiện để cho Công ty vượt qua những khó khăn hiện tại.

2. Khó khăn

- Cơ chế chính sách thuế, phí, phụ thu... tại tỉnh Lào Cai không thay đổi, tạo sức ép lớn đối với đơn vị, đặc biệt là phí phụ thu cơ sở hạ tầng, tiền cấp quyền khai thác Khoáng sản mỏ sắt LVLC...

- Tình hình tài nguyên của Công ty ngày càng khó khăn do nợ hệ số bóc lớn, khai trường chật hẹp, công trường khai thác xuống sâu, hàm lượng sắt trong quặng nguyên khai giảm, thiết bị xuống cấp,...

- Công tác đền bù giải phóng mặt bằng gặp nhiều vướng mắc, chi phí thực hiện lớn, mỏ Kíp Tước hết hạn cấp phép khai thác vào tháng 01/2024.

II. Các chỉ tiêu SXKD, ĐTXD chủ yếu năm 2023

1. Các chỉ tiêu về sản lượng

a. Sản lượng sản xuất

- Tinh quặng sắt Kíp Tước:	65.000 tấn.
- Bóc xúc Sin Quyền:	1.500.000 m ³ .
- Vận chuyển Sin Quyền:	27.736.190 tấn.km.

b. Sản lượng tiêu thụ

- Tinh quặng sắt Kíp Tước:	87.000 tấn.
- Bóc xúc Sin Quyền:	1.500.000 m ³ .
- Vận chuyển Sin Quyền:	27.736.190 tấn.km.

2. Các chỉ tiêu về giá trị

- Doanh thu:	330.208 triệu đồng.
- Lợi nhuận trước thuế:	8.615 triệu đồng.
- Nộp NSNN:	45.746 triệu đồng.
- Lao động BQ sử dụng:	126 người.
- Quỹ lương:	16.598 triệu đồng.
- Tiền lương bình quân:	10,98 triệu đồng/người/tháng.
- Đầu tư XDCB:	15.500 triệu đồng.

III. Các giải pháp chủ yếu thực hiện KH SXKD năm 2023

Để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ kế hoạch SXKD năm 2023, Công ty xác định thực hiện một số giải pháp chủ yếu sau:

1. Giải pháp công tác chỉ đạo, điều hành:

- Tập trung chỉ đạo bám sát các cơ quan QLNN để thực hiện thủ tục xin gia hạn Giấy phép khai thác mỏ sắt Kíp Tước, triển khai thực hiện đề án thăm dò; phối hợp đơn vị tư vấn điều chỉnh Dự án, điều chỉnh Giấy chứng nhận đầu tư, sau đó điều chỉnh ĐTM mỏ sắt Làng Vinh – Làng Cọ.

- Quyết liệt trong công tác điều hành, chỉ đạo đẩy mạnh sản xuất, bám sát kế hoạch đề ra để thực hiện; Bên cạnh đó phải linh hoạt các phương án sản xuất khi giá kim loại tăng/giảm. Sản xuất phải đảm bảo ATMT, kiên quyết không để xảy ra các vụ mất ATLD nặng và sự cố môi trường loại I, II.

2. Giải pháp công tác quản lý kỹ thuật cơ bản

Công tác khai thác mỏ:

- Quan tâm, chú trọng, đặt lên hàng đầu nhiệm vụ đền bù GPMB bãi thải mỏ sắt Kíp Tước để phục vụ cho việc gia hạn giấy phép khai thác và lấy diện đồ thải năm 2023.

- Cần tập trung đẩy mạnh khai thác tại mỏ sắt Kíp Tước, xây dựng kế hoạch tổng thể, cải tạo bờ vách, phân đầu toàn mỏ đạt sản lượng bóc đất đá 386.500 m³, khai thác quặng NK 121.000 tấn, hàm lượng 34,5% Fe.

Công tác tuyển khoáng

- Quyết tâm tập trung nguồn lực để sản xuất đạt khối lượng tinh quặng sắt tối thiểu 4.584 tấn/tháng với hàm lượng đạt >63% Fe tại xưởng tuyển chính.

- Duy trì xưởng tuyển tận thu sản xuất ổn định, hiệu quả ngay từ tháng 1/2023, phân đầu đạt trung bình đạt 833 tấn/tháng, hàm lượng > 55,50% Fe.

Công tác cơ điện

- Thực hiện tốt công tác kiểm tra, bảo dưỡng, SCTX, giám sát chặt chẽ các chỉ tiêu tiêu hao nguyên nhiên vật liệu, vật tư phụ tùng thay thế.

- Xây dựng kế hoạch và thực hiện sửa chữa lớn đúng chu kỳ. Lập kế hoạch điều hành chi tiết công tác SCL từng tháng, từng thiết bị, hết tháng kiểm điểm tiến độ, đánh giá chất lượng thực hiện.

3. Giải pháp công tác An toàn – Môi trường

Hoàn thiện các văn bản quy định, hướng dẫn về công tác ATLD. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền ATLD trong sản xuất. Bên cạnh đó, cần tăng cường công tác kiểm tra, phúc tra và xử lý nghiêm các trường hợp gây mất ATLD, gắn công tác ATLD với tiền lương sản xuất. Phân đầu năm 2023 không có tai nạn lao động nặng, nghiêm trọng, không có sự cố môi trường loại I, II.

4. Giải pháp công tác đầu tư và phát triển tài nguyên

Công tác đầu tư:

Lập kế hoạch tiến độ đầu tư các công trình theo kế hoạch 2023 được phê duyệt, trong đó trọng tâm thực hiện sớm hạng mục Đầu tư máy lọc đĩa chân không phục vụ ép khô tinh quặng sản xuất, góp phần tiết giảm chi phí và hạ giá thành sản phẩm.

Phối hợp chặt chẽ với đơn vị tư vấn trong việc rà soát, lập kế hoạch hoàn thiện các hồ sơ pháp lý phục vụ cho công tác Quyết toán đầu tư XD/CB tại mỏ sắt Làng Vinh – Làng Cọ.

Công tác phát triển tài nguyên: Bám sát Bộ TNMT, UBND Tỉnh, Cục Khoáng sản Việt Nam... trong công tác xin gia hạn giấy phép khai thác và triển khai thăm dò bổ sung, nâng cấp trữ lượng mỏ sắt Kíp Tước.

5. Giải pháp công tác quản lý kinh tế, quản trị chi phí

- Đẩy mạnh công tác thu hồi công nợ, khoanh nợ; ổn định và cân đối được dòng tiền đáp ứng yêu cầu Đền bù GPMB, phục vụ sản xuất, nộp thuế phí.

- Xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh nội bộ và các giải pháp cụ thể để triển khai xong trước 15/1/2023. Theo đó, bám sát kế hoạch kỹ thuật được phê duyệt về sản lượng, điều hành đảm bảo về hiệu quả kinh tế theo tình hình thị trường tại từng thời điểm giá.

- Thường xuyên rà soát chi phí bán hàng, điều hành một cách hợp lý, đề xuất TCT ưu tiên bán cho các khách hàng là đối tác chiến lược lâu dài, tiềm lực tài chính vững vàng, trả tiền trước và đảm bảo tiến độ giao nhận.

- Duy trì thực hiện việc chào hàng, đấu thầu chào mua vật tư, hàng hóa để tìm được các nhà cung ứng có giá hợp lý, đảm bảo chất lượng nhất là đối với các vật tư có giá trị lớn, phân đầu giữ ổn định giá vật tư đầu vào trong điều kiện thị trường có nhiều biến động...

6. Giải pháp công tác lao động, tiền lương, phát triển nguồn nhân lực

Tiếp tục triển khai Đề án tái cơ cấu Công ty về việc mô hình tổ chức, định biên lao động giai đoạn 2020-2025. Thực hiện quyết liệt các biện pháp đưa tỷ lệ lao động Công ty về theo quy định.

B. KẾ HOẠCH SXKD, ĐTXD GIAI ĐOẠN 2023 - 2028

I. Các chỉ tiêu chính giai đoạn 2023 – 2028

TT	Nội dung	ĐVT	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Năm 2026	Năm 2027	Cộng
I	Sản phẩm sản xuất							-
1	Tinh quặng sắt Kíp Tước	Tấn	65.000	71.500	71.500	64.000	70.000	342.000
2	Tinh quặng sắt LVLC	Tấn		50.000	100.000	150.000	220.000	520.000
II	Sản phẩm tiêu thụ							-
1	Tinh quặng sắt Kíp Tước	Tấn	87.000	71.500	71.500	64.000	70.000	364.000
2	Tinh quặng sắt LVLC	Tấn		50.000	100.000	150.000	220.000	520.000
III	Dịch vụ BXVC	Tr đ	186.658	177.000	164.800	164.800	164.800	858.058
IV	Các chỉ tiêu giá trị							-
1	Doanh thu	Tr đ	330.208	313.540	326.340	339.640	384.000	1.693.728
2	Lợi nhuận	Tr đ	8.615	5.600	6.000	6.500	7.000	33.715
3	Nộp NS	Tr đ	45.746	44.448	57.213	60.862	76.193	284.461
4	Quỹ tiền lương	Tr đ	16.598	19.361	21.679	24.243	27.797	109.678
5	Lao động bình quân	Người	126	136	141	146	155	141
6	Tiền lương BQ	trđ/ng	10,98	11,86	12,81	13,84	14,94	12,89
7	Đầu tư XDCB	Tr đ	15.500	-	7.500	9.400	-	32.400

II. Các giải pháp, nhiệm vụ trọng tâm trong giai đoạn 2023 - 2028

- Chủ động làm việc cùng lãnh đạo UBND; các sở, ngành tỉnh Lào Cai và các địa phương liên quan để giải quyết dứt điểm các vướng mắc trong quá trình đền bù, giải phóng mặt bằng tại mỏ sắt Kíp Tước, coi đây là nhiệm vụ ưu tiên, quyết định sự sống còn của Công ty trong việc xin gia hạn Giấy phép khai thác.

- Điều chỉnh Dự án khai thác mỏ sắt Làng Vinh – Làng Cọ. Tìm kiếm các đối tác quan tâm hoặc có công nghệ chế biến tiên tiến, phù hợp để tìm hướng đi mới, đưa mỏ đi vào hoạt động hiệu quả.

- Song song triển khai thực hiện Đề án thăm dò nâng cấp trữ lượng, xin cấp phép khai thác mỏ sắt Kíp Tước (sau khi Thủ tướng phê duyệt quy hoạch khai thác Khoáng sản).

- Tăng cường công tác bảo dưỡng, sửa chữa máy móc thiết bị do phần lớn các máy móc đã cũ, hết khấu hao.

- Tập trung công tác đào tạo lao động với mục tiêu nâng cao năng lực chuyên môn đội ngũ lao động quản lý – nâng cao trình độ tay nghề đối với đội ngũ lao động trực tiếp. Triển khai phương án và có định hướng để đảm bảo thu nhập, giải quyết chế độ của người lao động phù hợp với chế độ chính sách theo phương châm tinh giản bộ máy, mức tăng thu nhập người lao động cao hơn so với mức tăng bình quân tổng quỹ lương.

- Triển khai đầu tư mới các máy móc thiết bị phục vụ để giảm bớt chi phí sản xuất.

Trên đây là Báo cáo tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2022, nhiệm kỳ 2018 – 2023 và kế hoạch SXKD, ĐTXD năm 2023, nhiệm kỳ 2023-2028 của Công ty Cổ phần Khoáng sản 3 - Vimico.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ Công ty;
- Tổng Cty KS; HĐQT Cty (b/c);
- Ban Giám đốc Công ty;
- Lưu VT, Thư ký, KHVT.

Sinh

GIÁM ĐỐC



Hoàng Minh Thắng

Số: 65 /BC-HĐQT

Lào Cai, ngày 01 tháng 4 năm 2023

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Tại Đại hội ĐCĐ thường niên năm 2023

Kính gửi: Quý vị cổ đông Công ty cổ phần Khoáng sản 3 - Vimico

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Khoáng sản 3 - Vimico xin báo cáo Đại hội ĐCĐ thường niên năm 2023 về kết quả thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2022, hoạt động của HĐQT nhiệm kỳ 2018 - 2023 và phương hướng, kế hoạch hoạt động năm 2023 và nhiệm kỳ 2023-2028, như sau:

PHẦN 1
KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

1. Công ty cổ phần Khoáng sản 3 - Vimico là công ty cổ phần hoạt động theo luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, Công ty có trụ sở tại địa chỉ: Số 162A, tổ 7, phường Duyên Hải, TP Lào Cai, tỉnh Lào Cai; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số 0500204315, đăng ký thay đổi lần 7 ngày 26/8/2022; Ngành nghề sản xuất kinh doanh chính là khai thác, chế biến quặng sắt.

2. Công ty có vốn điều lệ 35 tỷ VNĐ, tại thời điểm 31/12/2022 Công ty có vốn chủ sở hữu là 30,98 tỷ VNĐ (thời điểm 31/12/2021 vốn chủ sở hữu là 18,56 tỷ VNĐ), cổ đông góp vốn lớn nhất là Tổng công ty Khoáng sản TKV, chiếm 51% vốn điều lệ của Công ty.

3. Cơ cấu tổ chức của Công ty, gồm:

3.1. Hội đồng quản trị công ty hiện nay, gồm 5 thành viên:

- (1) Ông Bùi Tiến Hải - Chủ tịch HĐQT công ty;
(2) Ông Hoàng Minh Thắng - Thành viên;
(3) Ông Hoàng Tuấn Anh - Thành viên;
(4) Ông Cao Anh Hào - Thành viên;
(5) Ông Phạm Ngọc Sơn - Thành viên.

Trong nhiệm kỳ 2018 - 2023 nhân sự HĐQT có sự thay đổi như sau:

TT	Thành viên HĐQT	Chức vụ trong HĐQT	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT		Số nghị quyết/quyết định
			Ngày bổ nhiệm	Ngày từ nhiệm	
1	Ngô Quốc Trung	Chủ tịch	26/4/2018	26/4/2021	Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2021
2	Bùi Tiến Hải	Chủ tịch	26/4/2021		Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2021
3	Nguyễn Tuấn Vinh	Thành viên	26/4/2018	26/4/2021	Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2021

TT	Thành viên HĐQT	Chức vụ trong HĐQT	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT		Số nghị quyết/quyết định
			Ngày bổ nhiệm	Ngày từ nhiệm	
4	Đông Quang Huy	Thành viên	26/4/2021	31/3/2022	Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐQT ngày 31/3/2022
5	Nguyễn Cao Khương	Thành viên	26/4/2021	31/3/2022	Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐQT ngày 31/3/2022
6	Hoàng Minh Thắng	Thành viên	31/3/2022		Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐQT ngày 31/3/2022
7	Phạm Ngọc Sơn	Thành viên	10/5/2022		Nghị quyết ĐHCĐ thường niên 2022 ngày 10/5/2022

3.2. Ban kiểm soát công ty hiện nay, gồm 3 thành viên

- (1) Lê Thanh Tùng – Trưởng ban kiểm soát Công ty;
 (2) Mai Văn Thành – Thành viên
 (3) Nguyễn Văn Thành – Thành viên

Trong nhiệm kỳ 2018 - 2023 nhân sự BKS công ty có sự thay đổi như sau:

TT	Thành viên BKS	Chức vụ trong BKS	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT		Số nghị quyết/quyết định
			Ngày bổ nhiệm	Ngày từ nhiệm	
1	Phạm Thị Ngọc Linh	Trưởng ban	26/4/2018	26/4/2021	Nghị quyết ĐHCĐ thường niên 2021
2	Lê Thanh Tùng	Trưởng ban	26/4/2021		Nghị quyết ĐHCĐ thường niên 2021

3.3. Ban Giám đốc, các Phòng chuyên môn và Phân xưởng sản xuất.

3.3.1 Ban lãnh đạo Công ty hiện nay gồm 3 thành viên:

- (1) Ông Hoàng Minh Thắng - Giám đốc Công ty;
 (2) Ông Nguyễn Văn Vĩnh - Phó giám đốc Công ty;
 (3) Bà Trần Kiều Minh - Phụ trách kế toán Công ty

Hiện tại Công ty chưa bổ nhiệm chức danh Kế toán trưởng Công ty.

Trong nhiệm kỳ 2018 - 2023 nhân sự Ban lãnh đạo công ty có sự thay đổi như sau:

TT	Ban Giám đốc	Chức vụ trong BGD	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BGD		Số nghị quyết/quyết định
			Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm	
1	Hoàng Minh Thắng	Giám đốc	05/7/2021		QĐ bổ nhiệm số 68/QĐ-KS3 ngày 05/7/2021 của Chủ tịch HĐQT
2	Nguyễn Cao Khương	Giám đốc		05/7/2021	QĐ miễn nhiệm số 57/QĐ-KS3 ngày 05/7/2021 Chủ tịch HĐQT
3	Trần Trung Thành	Kế toán trưởng		01/8/2022	NQ miễn nhiệm 10/2022/NQ – HĐQT ngày 8/7/2022
4	Trần Kiều Minh	Phụ trách kế toán Công ty		01/8/2022	NQ 11/2022/NQ – HĐQT ngày 8/7/2022 giao nhiệm vụ kế toán trưởng

- 3.3.2 Các phòng ban chuyên môn và phân xưởng sản xuất
- Phòng chuyên môn: 04 Phòng chuyên môn giúp việc
 - + Phòng Tổ chức HC – LĐTL
 - + Phòng Kế hoạch – Đầu tư
 - + Phòng Kỹ thuật cơ điện – ATMT
 - + Phòng Tài chính – Kế toán
 - Phân xưởng sản xuất: 02 Phân xưởng sản xuất.
 - + Phân xưởng mỏ sắt Kíp Tước
 - + Phân xưởng mỏ sắt Làng Vinh – Làng Cọ

PHẦN 2

THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NĂM 2022 VÀ NHIỆM KỲ 2018 – 2023

Nhiệm kỳ 2018 - 2023 với những khó khăn và biến động của thị trường quặng sắt trong nước và trên thế giới, giá bán và nhu cầu thép trên thị trường giảm sâu, một số doanh nghiệp sản xuất quặng sắt trong nước và thế giới phải dừng sản xuất hoặc cắt giảm sản lượng để giảm lỗ, chống phá sản. Công ty cổ phần Khoáng sản 3 - Vimico triển khai kế hoạch SXKD theo Nghị quyết đại hội ĐCĐ trong điều kiện gặp rất nhiều khó khăn, bên cạnh tình trạng hệ thống máy móc thiết bị xuống cấp, không được đầu tư, mỏ Kíp Tước khai thác trong giai đoạn cuối của giấy phép (hết hạn giấy phép quý I/2024), mỏ Làng Vinh – Làng Cọ hàm lượng quặng sắt thấp, hồ sơ pháp lý mỏ chưa hoàn thiện. Trước tình hình khó khăn đó Công ty vẫn nỗ lực duy trì hoạt động sản xuất, ổn định được việc làm và thu nhập cho người lao động và đang dần hồi phục, bù đắp nguồn vốn của Công ty, nâng cao hiệu quả.

1. Kết quả thực hiện chỉ tiêu SXKD

1.1. Kết quả thực hiện chỉ tiêu SXKD năm 2022

1.1.1 Chỉ tiêu kinh tế

- Doanh thu thực hiện cả năm đạt 307.249 triệu đồng bằng 97% KHN và bằng 131,52% so với thực hiện năm 2021.
- Lợi nhuận trước thuế đạt 13.727 triệu đồng bằng 75% KHN và bằng 131,41% so với thực hiện năm 2021.
- Nộp ngân sách thực hiện cả năm đạt 53.754 triệu đồng bằng 72% KHN và bằng 102% so với thực hiện năm 2021.
- Tổng quỹ lương thực hiện cả năm đạt 16.180/18.615 triệu đồng bằng 87% KHN và bằng 117% so với thực hiện năm 2021.
- Lao động sử dụng bình quân thực hiện cả năm đạt 123 người bằng 84% KHN và bằng 96,85% so với thực hiện năm 2021.
- Tiền lương bình quân thực hiện cả năm đạt 10,96 tr.đ/ng-thg bằng 104% KHN và bằng 121% so với thực hiện năm 2021.
- Đầu tư xây dựng cơ bản thực hiện năm 2022 đạt 9.568/21.898 tr đồng bằng 44% KNH và bằng 298% so với thực hiện năm 2021.

1.1.2 Chỉ tiêu sản lượng

- Tinh quặng sắt Kíp Tước đạt 65.366/91.503 tấn bằng 71% KHN và bằng 97,43% so với thực hiện năm 2021.
- Bốc xúc Sin Quyền: 2.250.582/1.500.000 m³ đạt 150,04% KHN và bằng 104,35% so với thực hiện năm 2021.

1.2. Kết quả thực hiện chỉ tiêu SXKD nhiệm kỳ 2018 – 2023

Chỉ tiêu	Đơn vị	TH năm 2018	TH năm 2019	TH năm 2020	TH năm 2021	TH năm 2022	Tổng
1. Tổng D/thu	Tr.đ	178.829	119.922	141.268	233.616	307.249	980.884
2. Lợi nhuận	Tr.đ	3.788	1.074	-29.073	10.446	13.727	-38

2. Đánh giá kết quả hoạt động của công ty

Năm 2022 Công ty cổ phần Khoáng sản 3 bước vào thực hiện kế hoạch SXKD theo nghị quyết Đại hội ĐCĐ trong điều kiện còn nhiều khó khăn của thị trường khi giá bán quặng sắt không ổn định, tình hình nội tại công ty khó khăn về tài chính và công cụ sản xuất, nhưng Công ty đã nỗ lực hoàn thành được một số chỉ tiêu kế hoạch đề ra, sản xuất kinh doanh có hiệu quả, đảm bảo thu nhập và đời sống của NLĐ. Bên cạnh những kết quả đã đạt được, vẫn còn một số tồn tại, như sau:

- Một số chỉ tiêu không đạt so kế hoạch Đại hội ĐCĐ đề ra, như: Tinh quặng sắt mỏ Kíp Tước đạt 71 % KHN; Lợi nhuận đạt 75% KHN;
- Tiến độ đền bù GPMB bằng mỏ sắt Kíp Tước còn chậm;
- Tiến độ điều chỉnh dự án và hoàn thiện hồ sơ pháp lý mỏ Làng Vinh Làng Cọ chậm dẫn đến chưa thể đi vào hoạt động được;
- Công tác lập dự toán, quản trị chi phí còn nhiều hạn chế.

3. Kết quả công tác của HĐQT

Theo nhiệm vụ được phân công, các thành viên HĐQT đã phối hợp tốt với Ban điều hành công ty. Thực hiện đoàn kết, thống nhất, tiếp tục khẳng định vai trò lãnh đạo, dẫn dắt hoạt động SXKD của Công ty, từng bước vượt qua các khó khăn của năm 2022, đặc biệt khó khăn của suy giảm kinh tế và thị trường quặng sắt, kiểm soát tốt các hoạt động SXKD và đầu tư đảm bảo ổn định sản xuất.

Trong năm 2022, HĐQT đã tổ chức, chỉ đạo Ban điều hành triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội ĐCĐ một cách nghiêm túc và tổ chức họp 10 phiên, ban hành 21 nghị quyết liên quan đến hoạt động của Công ty. Các cuộc họp đều có đủ số thành viên HĐQT tham dự. Các thành viên HĐQT đều thể hiện trách nhiệm, các Nghị quyết và Quyết định ban hành trên cơ sở ý kiến thống nhất của tất cả các thành viên, như: Kế hoạch SXKD; Phê duyệt Dự án đầu tư duy trì sản xuất; Bổ nhiệm nhân sự quản lý; Các hợp đồng mua bán thuộc thẩm quyền, ...

Hội đồng quản trị thường xuyên kiểm tra tình hình, đôn đốc Công ty triển khai thực hiện nghị quyết, phối hợp với ban điều hành kịp thời có các biện pháp phù hợp, điều chỉnh hoạt động SXKD của công ty, chấn chỉnh, bổ sung, hoàn thiện các mặt quản lý trong quản trị doanh nghiệp.

Phối hợp với BKS công ty để tăng cường thực hiện chức năng giám sát, quản lý chỉ đạo công ty thực hiện các mục tiêu Đại hội ĐCĐ đề ra và tuân thủ các quy định của Pháp luật và Điều lệ công ty.

4. Kết quả giám sát với Giám đốc và Ban điều hành Công ty

- Hội đồng quản trị Công ty đã thường xuyên thực hiện công tác giám sát, chỉ đạo hoạt động của BĐH Công ty; hỗ trợ tạo điều kiện tối đa để BĐH Công ty chủ động và đẩy mạnh các hoạt động SXKD nhằm hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch hàng năm đề ra.

- Giám đốc và Ban điều hành đã luôn bám sát phương hướng, nhiệm vụ đề ra hàng năm, bám sát tình hình thực tiễn, linh hoạt trong quá trình điều hành SXKD của Công ty, quá trình điều hành luôn thể hiện tinh thần, trách nhiệm cao đảm bảo năng suất, chất lượng sản phẩm. Tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty cổ phần cũng như các quy chế nội bộ.

- Trong nhiệm kỳ qua, Ban điều hành dưới sự chỉ đạo và giám sát của HĐQT đã hoạt động nỗ lực, hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao trong điều kiện sản xuất kinh doanh còn gặp nhiều khó khăn.

- Việc kiểm tra, giám sát của HĐQT đều đúng thẩm quyền không gây cản trở hoạt động của Công ty và bộ máy điều hành. Việc kiểm tra, giám sát này giúp cho HĐQT làm việc tốt hơn. Qua kiểm tra, giám sát, HĐQT đã nắm bắt kịp thời tình hình hoạt động SXKD của Công ty và có những chỉ đạo kịp thời đảm bảo hoạt động SXKD của Công ty đạt hiệu quả, hạn chế các rủi ro.

5. Thù lao của Hội đồng quản trị trong năm

Ngày 10/5/2022, Đại hội ĐCĐ thường niên năm 2022 đã thảo luận và nghị quyết về thực hiện chi trả mức thù lao của TV HĐQT, BKS năm 2022, HĐQT báo cáo về mức thù lao của các Thành viên HĐQT năm 2022 được chi trả trong năm 2022 như sau:

T T	Họ và tên	Chức danh	Mức lương	Thời gian	Thù lao nhận	Ghi chú
1	Bùi Tiên Hải	CT HĐQT	4.800.000	12	57.600.000	
2	Hoàng Tuấn Anh	TV HĐQT	4.200.000	12	50.400.000	
3	Cao Anh Hào	TV HĐQT	4.200.000	12	50.400.000	
4	Hoàng Minh Thắng	TV HĐQT	4.200.000	9	37.800.000	Bỏ nhiệm 31/3/2022
5	Nguyễn Cao Khương	TV HĐQT	4.200.000	3	12.600.000	Miễn nhiệm 31/3/2022
6	Phạm Ngọc Sơn	TV HĐQT	4.200.000	7	32.725.000	Bỏ nhiệm 10/5/2022
7	Đông Quang Huy	TV HĐQT	4.200.000	3	12.600.000	Miễn nhiệm 31/3/2022
	CỘNG				254.125.000	

PHẦN 3

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2023 VÀ NHIỆM KỲ 2023 -2028

1. Mục tiêu chung

- Chỉ đạo thực hiện chiến lược SXKD của Công ty: Duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh với các thị trường, khách hàng truyền thống mà Công ty hiện đang có, đẩy mạnh chính sách bán hàng, tiếp thị sản phẩm của công ty. Tích cực mở rộng thêm thị trường, tạo tiền đề cho phát triển các năm tiếp theo.

- Nâng cao năng lực tài chính: Tăng cường tích lũy nội bộ, gia tăng lợi nhuận. Sử dụng nguồn vốn hợp lý, tích cực thu hồi các khoản nợ vay, phải thu nhằm tăng khả năng cạnh tranh trong kinh doanh, tăng cường năng lực tài chính.

- Thực hiện tốt công tác quản lý chất lượng sản phẩm, đầu tư nâng cấp đổi mới công nghệ nhằm tăng năng suất, chất lượng sản phẩm, dịch vụ; đồng thời tiết kiệm điện năng, nguyên vật liệu. Công ty tập trung vào nhiệm vụ sản xuất kinh doanh nhưng mục tiêu ưu tiên hàng đầu là an toàn vệ sinh lao động, bảo vệ môi trường và cảnh quan xung quanh nhà máy cũng như của người dân địa phương, hướng đến phát triển bền vững, gắn với trách nhiệm xã hội và quan tâm đến lợi ích cộng đồng.

- Nghiên cứu và triển khai chỉ đạo Công ty thực hiện các giải pháp quản trị theo chiều sâu đảm bảo đáp ứng kịp thời yêu cầu nhiệm vụ SXKD và tăng năng lực cho Công ty, mang lại hiệu quả sản xuất kinh doanh.

2. Chỉ tiêu kế hoạch SXKD

TT	Nội dung	ĐVT	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Năm 2026	Năm 2027	Cộng
1	Doanh thu	Tr đ	320.208	313.540	326.340	339.640	384.000	1.693.728
2	Lợi nhuận	Tr đ	8.615	5.600	6.000	6.500	7.000	33.715

III. Phương hướng hoạt động của HĐQT

1. Chỉ đạo Ban điều hành công ty giải quyết dứt điểm các vướng mắc trong quá trình đền bù, giải phóng mặt bằng tại mỏ sắt Kíp Tước, đẩy nhanh tiến độ xin cấp phép gia hạn mỏ sắt Kíp Tước coi đây là nhiệm vụ ưu tiên, quyết định sự sống còn của Công ty.

2. Tốc độ tăng doanh thu sau 5 năm tăng cao hơn so với giai đoạn (2018 - 2023). Xác định rõ định hướng thị trường chủ yếu để xây dựng chiến lược đầu tư, chiến lược phát triển thị trường đảm bảo cho sự phát triển bền vững của Công ty.

3. Thực hiện thành công Nghị quyết của Đại hội cổ đông hàng năm. Chỉ đạo thực hiện tốt các chỉ tiêu tài chính giai đoạn mới, đảm bảo cân đối và thu xếp vốn để thực hiện đầu tư, đáp ứng yêu cầu SXKD, cố gắng từng bước phát triển nguồn vốn. Đẩy mạnh quản trị doanh nghiệp, quản trị rủi ro.

4. Chỉ đạo Ban điều hành công ty thực hiện các giải pháp nâng cao các mặt quản lý, nâng cao, đổi mới công tác quản trị, đẩy mạnh công tác quản lý kỹ thuật cơ bản. Tiếp tục kiện toàn sắp xếp lại tổ chức sản xuất nhằm nâng cao hiệu suất lao động, tăng cường hiệu quả SXKD. Chỉ đạo tổ chức thực hiện hoàn thành cơ bản cơ cấu nhân sự bộ máy tổ chức quản lý điều hành toàn Công ty. Có kế hoạch

cán bộ dài hạn và đào tạo nguồn nhân lực trẻ có trình độ cao trong quy hoạch. Chú trọng phát triển lực lượng sản xuất, đảm bảo đội ngũ công nhân lành nghề và lực lượng cán bộ quản lý có trình độ cao.

5. Phối hợp cùng Ban kiểm soát công ty chỉ đạo Ban điều hành tăng cường nhận diện các rủi ro trong sản xuất, đặc biệt là rủi ro thị trường tiêu thụ để có phương án tiêu thụ tốt hơn.

6. Đẩy mạnh công tác thăm dò, phát triển tài nguyên, định hướng tài nguyên để xây dựng chiến lược đầu tư, chiến lược phát triển đảm bảo cho sự phát triển bền vững của Công ty.

7. Tập trung mọi nguồn lực, chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ hoàn thành dự án điều chỉnh mỏ sắt Làng Vinh – Làng Cọ để phục vụ công tác quyết toán đầu tư và hoàn thành các thủ tục pháp lý theo đúng quy định của Nhà nước.

8. Thực hiện pháp luật về an toàn lao động, an toàn môi trường, an ninh trật tự trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

9. Tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng các cuộc họp của Hội đồng quản trị, nâng cao hơn trách nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị thực hiện đúng quyền hạn và trách nhiệm của mình. Tiếp tục xây dựng hệ thống văn bản quản lý phù hợp với quy định của Pháp luật và tình hình thực tế của Công ty. Chỉ đạo rà soát, sửa đổi và ban hành các quy chế, quy định theo thẩm quyền để ban hành thực hiện thống nhất trong Công ty. Thực hiện và chấp hành nghiêm túc việc quản lý cổ đông, công bố thông tin và các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Trên đây là báo cáo của HĐQT Công ty cổ phần Khoáng sản 3 - Vimico về đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết của Đại hội Đồng cổ đông, hoạt động của HĐQT nhiệm kỳ 2018 - 2023 và phương hướng, kế hoạch hoạt động nhiệm kỳ năm 2023 - 2028, rất mong được các Quý vị Cổ đông và Quý vị đại biểu tham gia đóng góp ý kiến, giúp cho hoạt động của Hội đồng quản trị ngày càng tốt hơn.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VP; HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Bùi Tiến Hải

Số : 06 /BC-BKS

Lào Cai, ngày 01 tháng 4 năm 2023

**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NHIỆM KỲ 2018-2023
VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NHIỆM KỲ 2023-2028**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần khoáng sản 3 - Vimico

Căn cứ chức năng nhiệm vụ của Ban kiểm soát được quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần khoáng sản 3 - Vimico.

Ban Kiểm soát báo cáo Đại hội đồng cổ đông Công ty kết quả hoạt động của BKS nhiệm kỳ 2018 - 2023 và phương hướng, kế hoạch hoạt động nhiệm kỳ 2023 - 2028 như sau:

I. Tổ chức hoạt động của Ban kiểm soát

- Nhân sự của Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2018 - 2022 luôn duy trì số lượng 03 người, chi tiết như sau:

STT	Họ tên	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS	
			Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Lê Thanh Tùng	Trưởng ban KS	26/04/2021	
2	Phạm Thị Ngọc Linh	Trưởng ban KS	26/04/2018	26/04/2021
3	Nguyễn Văn Thanh	Thành viên BKS	26/04/2018	
4	Mai Văn Thành	Thành viên BKS	11/05/2016	

Đến thời điểm hiện tại, BKS Công ty gồm 03 thành viên sau:

- (1) Ông Lê Thanh Tùng - Trưởng Ban;
- (2) Ông Nguyễn Văn Thanh - Thành viên ;
- (3) Ông Mai Văn Thành - Thành viên .

Các thành viên BKS đều độc lập, không giữ các chức vụ quản lý, không làm việc tại bộ phận kế toán của Công ty.

- Quy chế tổ chức và hoạt động của BKS đã được ĐHĐCĐ thông qua và ban hành làm cơ sở, căn cứ cho các hoạt động của Ban.

- BKS có các nhiệm vụ chính sau: Kiểm soát hoạt động quản lý, điều hành của Chủ tịch HĐQT, Giám đốc đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật, chủ sở hữu

công ty, điều lệ và các quy chế quản lý nội bộ của đơn vị: Thực hiện theo quy định về chức năng nhiệm vụ của Ban kiểm soát. Thường xuyên tham gia các cuộc họp của HĐQT để nắm bắt tình hình SXKD của Cty, theo dõi việc thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ và các NQ của HĐQT, lưu ý HĐQT và Ban điều hành về việc thực hiện các NQ này để đảm bảo các NQ đưa ra được triển khai một cách triệt để, đúng quy định; Công tác thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh, các báo cáo khác trước khi trình chủ sở hữu và cơ quan liên quan: thực hiện theo quy định tại Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Cty, chịu trách nhiệm thực hiện chương trình kiểm soát định kỳ 6 tháng và cả năm, lập Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát báo cáo Vimico và trình ĐHĐCĐ thường niên.

Trong nhiệm kỳ 2018 - 2023, các thành viên BKS đã nỗ lực trong việc thực thi dựa trên chức năng và nhiệm vụ được giao.

- Báo cáo thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của BKS: thực hiện theo đúng Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên.

II. Kết quả hoạt động của BKS

1. Kết quả giám sát tình hình thực hiện các nghị quyết của ĐHĐCĐ

Thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên, Công ty đã đạt kết quả như sau:

STT	Các chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2018 - 2022	Thực hiện 2018 - 2022	So sánh (%)
I	Các chỉ tiêu sản lượng				
1	Tinh quặng sắt Kíp Tước	Tấn	374.238	317.754	84,91
2	Tinh quặng sắt LVLC	Tấn	563.148	225.153	39,98
3	Bốc xúc Sin Quyền	m ³	5.650.000	7.363.552	130,33
4	Vận chuyển Sin Quyền	Tấn/km	56.787.296	69.203.370	121,86
II	Các chỉ tiêu giá trị				
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	1.062,456	980,884	92,32
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	28,6	(38)	
3	Nộp ngân sách	Tỷ đồng	310,492	195,719	63,04
4	Tổng quỹ lương	Tỷ đồng	86,5	73,5	84,94
5	Tiền lương bình quân	Tr.đ/ng-thg	7,78	8,19	105,24
6	Lao động sử dụng bình quân	Người	191	152	79,96
7	Đầu tư xây dựng	Tỷ đồng	73,642	19,702	26,75

Giai đoạn 2018-2022 là giai đoạn công ty gặp rất nhiều khó khăn, các chỉ tiêu về sản lượng không đạt được theo kế hoạch của đại hội đồng cổ đông do nhiều yếu tố khách quan lẫn chủ quan như: đại dịch Covid -19 diễn ra trên diện rộng; chiến tranh Nga - Ukraina; giá nguyên vật liệu đầu vào tăng cao; mỏ sắt Làng Vinh – Làng Cọ dừng sản xuất do chưa hoàn thiện thủ tục pháp lý đầu tư; công trường khai thác mỏ sắt Kíp Tước xuống sâu, chật hẹp, các thân quặng nằm xen kẽ, giai đoạn 2019-2021 giá Tinh quặng sắt thành phẩm giảm sâu...

Đặc biệt tính đến thời điểm 31/12/2020 công ty lỗ lũy kế 29.577 tỷ đồng do phải hạch toán toàn bộ tiền phí cấp quyền khoáng sản của Làng Vinh – Làng Cọ. Cùng với việc Công ty bị cưỡng chế thuế theo Quyết định số 6836/QĐ-CT ngày 30/11/2020 của Cục thuế tỉnh Lào Cai do nợ thuế. Tuy vậy, công ty đã nỗ lực thu xếp và giải quyết hoàn trả một phần số tiền thuế và đưa công ty trở lại hoạt động bình thường và đạt hiệu quả tốt trong năm 2021 và 2022.

2. Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT, Ban Giám đốc và kết quả giám sát đối với HĐQT, Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý

- Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc đã có sự phối hợp hoạt động trên tinh thần xây dựng hợp tác. Các Nghị quyết của HĐQT đều được Ban Kiểm soát giám sát tính đúng đắn và quá trình thực hiện. BKS được mời tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT trong kỳ, các ý kiến đóng góp của BKS được ghi nhận và thực hiện.

- Kết quả giám sát của BKS:

+ HĐQT và ban điều hành công ty trong nhiệm kỳ 2018-2023 đã tiến hành các hoạt động quản lý điều hành doanh nghiệp theo kế hoạch. Chủ tịch HĐQT và Giám đốc phân công nhiệm vụ rõ ràng cho các thành viên trong Ban điều hành của mình để đảm bảo tiến độ công việc. Kết quả công việc được báo cáo, chỉnh lý và kiểm soát theo từng giai đoạn thông qua các cuộc họp của HĐQT và Ban Giám đốc.

Ngày 26/4/2021 Đại hội ĐCĐ thường niên năm 2021 đã ban hành Nghị quyết, theo đó, miễn nhiệm chức vụ thành viên HĐQT đối với ông Ngô Quốc Trung và ông Nguyễn Tuấn Vinh; Đại hội bầu ông Bùi Tiến Hải và ông Đồng Quang Huy giữ chức vụ thành viên HĐQT công ty nhiệm kỳ 2018-2023;

Ngày 26/4/2021 HĐQT Công ty đã ban hành Nghị quyết số 02/2021/NQ-HĐQT, theo đó bầu ông Bùi Tiến Hải thành viên HĐQT công ty, giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Khoáng sản 3 - Vimico;

Ngày 05/7/2021 HĐQT Công ty đã ban hành Quyết định số 03/2021/QĐ-HĐQT, theo đó miễn nhiệm chức vụ Giám đốc công ty đối với ông Nguyễn Cao Khương và bổ nhiệm chức vụ Giám đốc công ty đối với ông Hoàng Minh Thắng, thời gian kể từ ngày 05/7/2021.

Ngày 10/05/2022 Đại hội ĐCĐ thường niên năm 2022 đã ban hành Nghị quyết, theo đó, miễn nhiệm chức vụ thành viên HĐQT đối với ông Nguyễn Cao Khương và ông Đồng Quang Huy và bổ sung thành viên HĐQT với ông Hoàng Minh Thắng và công nhận kết quả bầu bổ sung thành viên HĐQT với ông Phạm Ngọc Sơn.

+ Căn cứ vào Thông báo số 3576/UBCK-GSĐC ngày 10/06/2022 của Ủy ban chứng khoán Nhà nước về việc hủy tư cách công ty đại chúng theo quy định tại điều 38 Luật chứng khoán năm 2019 thì Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội đã ra quyết định số 389/QĐ-SGDHN ngày 17/06/2022 của Tổng giám đốc Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội về việc Hủy đăng ký giao dịch với cổ phiếu của Công ty CP khoáng

sản 3 – Vimico và ngày giao dịch cuối cùng là 11/07/2022. Như vậy, kể từ ngày 10/06/2022; công ty CP khoáng sản 3 – Vimico không còn là công ty đại chúng.

+ Các cán bộ quản lý thực hiện đúng và đầy đủ các chức năng nhiệm vụ và theo quyền hạn được giao, đảm bảo hiệu quả trong công việc. Căn cứ vào kết quả thực hiện chủ trương kế hoạch, các cán bộ quản lý thường xuyên báo cáo lên Ban GD, kịp thời xin ý kiến giải quyết.

+ Trong năm 2022, Hội đồng quản trị; Ban Giám đốc đã chỉ đạo, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty hoàn thành các chỉ tiêu kinh tế với kết quả đạt được tương đối cao.

+ Trong năm 2022, Ban kiểm soát công ty không nhận được bất kỳ khiếu nại hoặc tố cáo nào của cổ đông có liên quan đến hoạt động của ban điều hành.

3. Kết quả thẩm định báo cáo tài chính các năm 2018-2022

- Một số chỉ tiêu chính của BCTC các năm 2018 - 2022:

Dvt: tỷ đồng

Chỉ tiêu	2018	2019	2020	2021	2022
Tổng tài sản	164,942	159,829	155,355	180,941	169,710
Nợ phải trả	125,229	122,049	147,236	162,376	138,726
Vốn chủ sở hữu	39,712	37,780	8,119	18,565	30,984
Doanh thu thuần	178,828	116,341	141,192	232,526	307,248
Lợi nhuận sau thuế	1,837	0,083	-29,578	10,446	12,419
Hệ số thanh toán ngắn hạn (lần)	0,56	0,71	0,73	0,76	0,77
Hệ số Nợ/Tổng TS (lần)	0,76	0,76	0,95	0,90	0,82
Hệ số Nợ/ VCSH (lần)	3,15	3,23	18,13	8,75	4,48
Hệ số LNST/ DTT (%)	1,03	0,07	-	4,49	4,15
Hệ số LNST/ VCSH (%)	5,23	0,24	-	56,26	40,08
Hệ số LNST/ Tổng TS (%)	1,11	0,05	-	5,77	7,38

Qua xem xét thẩm định Báo cáo tài chính từng năm, Ban kiểm soát có ý kiến như sau :

- Ban kiểm soát thống nhất với số liệu Báo cáo tài chính các năm 2018- 2022 do Công ty CP khoáng sản 3 - Vimico lập và đã được kiểm toán bởi công ty kiểm toán độc lập. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày cuối năm tài chính, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, tuy nhiên trong đó cần lưu ý:

+ Năm 2020 công ty lỗ 29,073 tỷ đồng do tiền cấp quyền khai thác khoáng sản từ năm 2015 đến năm 2020 tính vào chi phí với giá trị: 26,357 tỷ đồng; cùng với các khoản chậm nộp NSNN là: 5,417 tỷ đồng; Hệ số nợ phải trả/VCSH là 18,13 lần vượt

hơn rất nhiều quy định của BTC (<3 lần) vì vậy, công ty thuộc diện giám sát tài chính đặc biệt.

+ Năm 2021 công ty còn lỗ lũy kế 19,1 tỷ đồng; số nợ ngắn hạn luôn ở mức cao và vượt quá tài sản ngắn hạn 38,8 tỷ đồng. Nợ xấu được xác định tại thời điểm 31/12/2021 là: 2,039 tỷ đồng trong đó giá trị ước tính có thể thu hồi là 470,69 triệu đồng. Số thuế và các khoản phải nộp Nhà nước thời điểm 31/12/2021 là 65,738 tỷ đồng, tuy đã giảm so với năm 2020 nhưng vẫn còn dư nợ thuế và các khoản phải nộp cao dẫn đến các rủi ro về việc bị tính tiền phạt chậm nộp.

+ Năm 2022 công ty còn lỗ lũy kế 6,71 tỷ đồng; số nợ ngắn hạn vẫn ở mức cao, hệ số thanh toán ngắn hạn: 0,77 lần <1 phản ánh tài sản ngắn hạn không đủ bù đắp cho nợ ngắn hạn của Công ty dẫn đến nguy cơ mất khả năng thanh toán. Tổng nợ phải trả ngắn hạn tại 31/12/2022 là 138.726 triệu đồng, giảm 22.840 triệu đồng so với đầu năm. Trong đó giảm của các khoản: phải trả cho người bán ngắn hạn (86.238 - 73.017 = 13.221 triệu đồng), người mua trả tiền trước (1.851 - 31 = 1.820 triệu đồng), thuế và các khoản phải nộp nhà nước (65.738 - 47.322 = 18.416 triệu đồng). Điều này cho thấy công ty đã chú trọng hơn đến kỷ luật tài chính nhằm hạn chế các khoản phạt chậm nộp thuế, phạt vi phạm hợp đồng do chậm thanh toán (công ty không có nợ phải trả quá hạn chưa thanh toán và vay ngân hàng quá hạn) cũng như tiết giảm chi phí lãi vay ngắn hạn.

Nhìn chung, tình hình tài chính của công ty năm 2022 là tốt và lành mạnh thể hiện qua một số chỉ tiêu phân tích tài chính nhanh như sau:

- + Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu: 4,48
- + Hệ số khả năng thanh toán nợ đến hạn: 0,77
- + Lợi nhuận sau thuế năm 2022 là: 12.419 triệu đồng.
- + Lãi cơ bản trên cổ phiếu EPS năm 2022 là: 3.548 đồng.

- Về kết cấu các khoản chi phí:

Đvt: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2018		Năm 2019		Năm 2020		Năm 2021		Năm 2022	
	Giá trị (Tr.đồng)	Tỷ lệ (%)/ TDT	Giá trị (Tr.đồng)	Tỷ lệ (%)/ TDT	Giá trị (Tr.đồng)	Tỷ lệ (%)/ TDT	Giá trị (Tr.đồng)	Tỷ lệ (%)/ TDT	Giá trị (Tr.đồng)	Tỷ lệ (%)/ TDT
Giá vốn hàng bán	172.012	96,19	110.467	92,12	157.814	111,71	209.910	89,85	277.737	90,4
Chi phí tài chính	(5.831)	-3,26	803	0,67	605	0,43	841	0,36	598	0,2

Chi phí quản lý	7.828	4,38	6.841	5,70	6.505	4,6	9.351	4,00	12.816	4,2
Chi phí khác	1.032	0,58	736	0,61	5.417	3,83	3.068	1,31	2.370	0,77
Tổng:	175.040	97,88	118.847	99,10	170.341	120,58	223.616	95,53	293.521	95,53

Trong hai năm 2019 và năm 2020 chi phí giá vốn hàng hóa chiếm tỷ lệ rất lớn trong tổng doanh thu dẫn đến công ty có hiệu quả thấp, đặc biệt năm 2020 công ty đã lỗ 29,578 tỷ đồng. Sang đến năm 2021 và năm 2022, công ty đã điều hành tiết giảm chi phí, tối ưu hóa sản xuất nên tỷ lệ giá vốn hàng hóa đã giảm rõ rệt dẫn đến việc kinh doanh của công ty có hiệu quả nhưng vẫn chưa bù đắp được phần lỗ lũy kế của năm 2020.

4. Khai thác, bảo vệ và phát triển mỏ:

- Công tác thăm dò mỏ sắt Kíp Tước: Năm 2022, Công ty đã phối hợp với Chi nhánh Công ty cổ phần địa chất Việt Bắc –TKV - Xí nghiệp địa chất 109 lập xong đề án thăm dò mỏ sắt Kíp Tước để phục vụ cho việc xin cấp Giấy phép khai thác mỏ Kíp Tước (1/2024 hết hạn Giáp phép khai thác). Hiện đang rà soát lại trước khi trình Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam, dự kiến nộp trong tháng 02/2023. Mục tiêu phát triển mỏ phục vụ khai thác giai đoạn đến năm 2030.

- Công tác xin cấp phép mỏ Kaolin – Felspat Hang Dơi: Ngày 12/09/2022, Bộ TNMT đã có QĐ số: 2318/QĐ-BTNMT về việc phê duyệt kết quả xác định chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản phải hoàn trả do Nhà nước đã đầu tư với giá trị 2.125.260 đồng. Công ty đang rà soát, đánh giá lại tổng thể, báo cáo Tổng công ty trước khi nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép khai thác Khoáng sản.

5. Công tác lao động tiền lương:

Trong nhiệm kỳ qua với khoảng 150 lao động có trong danh sách và lao động hợp đồng thời vụ. Điều kiện làm việc lao động tại Công ty chủ yếu là cơ giới và bán cơ giới. Một số khâu thủ công được đảm bảo mọi điều kiện tối ưu để đảm bảo sức khỏe, an toàn, năng suất cho người lao động. Môi trường làm việc được bảo vệ xanh, sạch, không gây tác động xấu tới địa bàn xung quanh.

Tất cả mọi CBCN-LĐ làm việc tại Công ty được trả lương theo quy chế quản lý lao động tiền lương của Công ty. Thực hiện cơ chế khoán ở tất cả các khâu trong dây chuyền sản xuất và thực hiện chế độ trả lương gián cách phù hợp động viên người lao động, tăng năng suất lao động, tiết kiệm vật tư.

Tuy nhiên, đứng trước tình hình sản xuất kinh doanh vô cùng khó khăn, đặc biệt là năm 2019 – 2020, khi giá quặng sắt xuống thấp dẫn đến thu nhập bình quân của người lao động cũng giảm sút một cách đáng kể. Thu nhập của người lao động đạt 7,28 trđ/người/tháng năm 2018, đạt 6,52 trđ/người/tháng năm 2019, đạt 7,12

trđ/người/tháng năm 2020. Tuy nhiên từ năm 2021, thu nhập bình quân của người lao động đã có sự chuyển biến rõ rệt, đặc biệt là năm 2022 đã có thu nhập >10,6 trđ/người/ tháng.

Tình hình lao động tiền lương nhiệm kỳ 2018 – 2022:

NỘI DUNG	ĐƠN VỊ	2018	2019	2020	2021	2022
Lao động đầu kỳ	người	191	169	147	129	124
Lao động tăng trong kỳ	người	12	15	11	11	14
Lao động giảm trong kỳ	người	34	37	29	16	18
Lao động cuối kỳ	người	169	147	129	124	120
Lao động bình quân sử dụng	người	200	167	145	127	123
Quỹ lương quyết toán	Tr.đồng	18.001	13.071	12.393	13.814	16.180
Tiền lương bình quân	Tr.đồng	7,28	6,52	7,12	9,06	10,96

6. Tình hình nợ phải thu, nợ phải trả (đặc biệt nợ phải thu khó đòi):

6.1. Tình hình nợ phải thu:

- Tổng nợ phải thu ngắn hạn tại 31/12/2022 : 44.387.140.711 đồng
- Tổng nợ phải thu dài hạn tại 31/12/2022 : 8.682.635.322 đồng

6.2. Tình hình nợ phải trả:

- Tổng nợ phải trả ngắn hạn tại 31/12/2022 là 138.726 triệu đồng, giảm 22.840 triệu đồng so với đầu năm. Trong đó giảm của các khoản: phải trả cho người bán ngắn hạn ($86.238 - 73.017 = 13.221$ triệu đồng), người mua trả tiền trước ($1.851 - 31 = 1.820$ triệu đồng), thuế và các khoản phải nộp nhà nước ($65.738 - 47.322 = 18.416$ triệu đồng). Trong khi các khoản có xu thế biến động ngược lại đáng chú ý là: vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn ($810 - 9.427 = -8.617$ triệu đồng), phải trả ngắn hạn khác ($1.251 - 1.845 = -594$ triệu đồng).

Điều này cho thấy công ty đã chú trọng hơn đến kỷ luật tài chính nhằm hạn chế các khoản phạt chậm nộp thuế, phạt vi phạm hợp đồng do chậm thanh toán (công ty không có nợ phải trả quá hạn chưa thanh toán và vay ngân hàng quá hạn) cũng như tiết giảm chi phí lãi vay ngắn hạn. Tuy nhiên công ty cũng cần cân đối nguồn lực tài chính để đảm bảo thanh toán các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả ngắn hạn khác khi đến hạn tránh ảnh hưởng đến dòng tiền phục vụ hoạt động SXKD.

- Công ty không có nợ phải trả dài hạn cuối kỳ.

IV. Kiến nghị:

Các thành viên trong Ban Kiểm soát đã nêu cao tinh thần trách nhiệm trong quá trình thực thi nhiệm vụ, đã thể hiện được tính trung thực, khách quan trong công việc.

Tuy nhiên, trong điều kiện môi trường kinh doanh luôn thay đổi, kinh tế vĩ mô chưa ổn định thì công tác kiểm soát cũng không tránh khỏi những tồn tại mà Ban Kiểm soát cần phải quan tâm, nỗ lực và hoàn thiện hơn nữa trong thời gian tới. BKS có một số kiến nghị như sau:

- Cần phát huy hơn nữa sự phối hợp giữa các thành viên Ban Kiểm soát với nhau, giữa Ban kiểm soát và Hội đồng quản trị, Ban lãnh đạo và các phòng ban Công ty.

- Tiếp tục nâng cao chất lượng quản trị doanh nghiệp, nghiên cứu ứng dụng chuyển đổi số trong các hoạt động quản lý điều hành và sản xuất của công ty.

- Xây dựng chiến lược công ty và kế hoạch đầu tư xây dựng, SXKD cho giai đoạn 2023-2028, hoàn thiện thủ tục xin cấp phép mở Kaolin Fenspat đã hết hạn Giấy phép khai thác từ 15/04/2015 (nếu đánh giá có hiệu quả); Gia hạn giấy phép Khai thác mỏ sắt Kíp Tước (tháng 01/2024 sẽ hết hạn giấy phép)

- Tiếp tục nâng cao khả năng làm chủ công nghệ dây chuyền, kiểm soát và giảm tiêu hao trong sản xuất; Phân tích và dự báo giá đầu vào đầu ra, lập kế hoạch dự trữ tồn kho hợp lý.

- Kiểm soát và sử dụng linh hoạt dòng tiền, mở rộng quan hệ và hạn mức với các tổ chức tín dụng khi tình hình tài chính hiện tại đã tốt hơn để đáp ứng kịp thời nguồn vốn hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư của Công ty. Thường xuyên phân tích đánh giá hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, đánh giá tình hình tài chính của Công ty.

- Công tác tài chính- kế toán: bộ phận TCKT khẩn trương rà soát đối với các khoản công nợ phải thu khó đòi, cần lập kế hoạch thu nợ, liên tục tiến hành các thủ tục đòi nợ. Nếu khoản nợ khó đòi đã tồn tại lâu, xác định không có khả năng thu hồi thì thu thập các tài liệu theo quy định, đủ điều kiện thì lập hội đồng xử lý nợ để giải quyết dứt điểm. Đánh giá và lập phương án xử lý các vật tư tồn kho chậm luân chuyển, không cần dùng trình HĐQT, Ban điều hành quyết định.

- Công tác mua bán hàng hóa, vật tư, dịch vụ mua ngoài: Cần củng cố lại quy trình, hồ sơ thủ tục theo đúng quy định của pháp luật và phù hợp với các quy chế, quy định nội bộ của Công ty.

V. Kế hoạch hoạt động của BKS nhiệm kỳ 2023-2028

Căn cứ vào tình hình hoạt động của Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2018-2023 và Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty các năm tiếp theo, Ban kiểm soát xin đề ra Kế hoạch hoạt động của Ban nhiệm kỳ 2023-2028 như sau:

- Giám sát việc thực hiện Nghị quyết của ĐHCĐ; Giám sát việc chấp hành Điều lệ Công ty, pháp luật Nhà nước; Giám sát tình hình thực hiện các Quy chế, Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị Công ty.

- Kiểm tra, giám sát tình hình triển khai thực hiện đầu tư, thực hiện sản xuất kinh doanh.

- Lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập. Đồng thời thực hiện thẩm định BCTC định kỳ (quý/bán niên/năm) của Công ty.

- Các nhiệm vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, nhiệm vụ theo yêu cầu của cổ đông.

Trên đây là toàn bộ nội dung BKS báo cáo Đại hội đồng cổ đông. Kính mong Quý vị đóng góp ý kiến để BKS làm tốt chức năng, nhiệm vụ cổ đông giao phó và kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua. BKS xin trân trọng cảm ơn ĐHĐCĐ, HĐQT, Ban Giám đốc, các phòng chức năng, phân xưởng trực thuộc và cán bộ CNV Công ty đã ủng hộ và hợp tác để tạo điều kiện cho chúng tôi hoàn thành nhiệm vụ.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY
CỔ PHẦN
KHOÁNG SẢN 3
VIMICO
Lê Thanh Tùng
Lê Thanh Tùng

Số: 89 /TTr-HĐQT

Lào Cai, ngày 12 tháng 4 năm 2023

TỜ TRÌNH

V/v bầu cử thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2023-2028

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Khoáng sản 3 Vimico được ban hành kèm theo quyết định số 55/QĐ – KS3 ngày 05/7/2021 của Hội đồng quản trị Công ty,

Theo quy định tại Điều 26 và Điều 37 Điều lệ Công ty quy định:

Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 người do Đại hội cổ đông bầu và bãi miễn. Số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên HĐQT không điều hành độc lập được xác định theo phương thức làm tròn xuống. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là người nắm giữ cổ phần của Công ty.

Số lượng thành viên BKS là 03 người.

Nhiệm kỳ của HĐQT và BKS không quá 5 năm. Thành viên HĐQT và Kiểm soát viên có thể được bầu lại với số lượng nhiệm kỳ không hạn chế.

Thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2018-2023 đã hết nhiệm kỳ. Do vậy, để đáp ứng yêu cầu về quản trị doanh nghiệp và hoạt động kinh doanh của Công ty trong thời gian tới với mục tiêu tăng trưởng ổn định, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Khoáng sản 3 - Vimico kính trình Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2023 thông qua việc bầu Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2023-2028, với nội dung như sau:

- Về thời gian của nhiệm kỳ: 05 năm từ 2023-2028;
- Về số lượng thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2023-2028:
 - ✓ Số lượng thành viên HĐQT là: 05 người;
 - ✓ Số lượng thành viên BKS là: 03 người.

Thực hiện thủ tục cho việc bầu thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2023-2028, Công ty đã thực hiện gửi thông báo tới các cổ đông, đăng công bố thông tin liên quan trên Website của Công ty để nhận Đơn đề cử, ứng cử ứng viên để bầu vào HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2023-2028.

Đến hết ngày 12/4/2023, Ban tổ chức đã nhận được các đề cử, ứng cử ứng viên để bầu vào HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2023 - 2028 như sau:

1. Danh sách ứng viên HĐQT:

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Địa chỉ	Trình độ chuyên môn	Chức vụ, nơi công tác
1	Ông BÙI TIỀN HẢI	16/3/1976	Phòng 1205, Nhà 17T3, Khu đô thị HAPULICO, số 1, Nguyễn Huy Tưởng, quận Thanh Xuân, Hà Nội	Thạc sỹ Tuyển khoáng	Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc Tổng công ty Khoáng sản – TKV; Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Khoáng sản 3 – Vimico.
2	Ông HOÀNG MINH THẮNG	30/12/1986	SN 162, đường Trần Thị Lan, phường Bắc Cường, tp Lào Cai, tỉnh Lào Cai	Thạc sỹ khai thác mỏ	Thành viên HĐQT, Giám đốc Công ty cổ phần Khoáng sản 3 – Vimico.
3	Ông CAO ANH HÀO	24/12/1979	C2215 Tòa nhà Hồ Gươm Plaza, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, tp Hà Nội.	Thạc sỹ khai thác mỏ, Thạc sỹ quản lý kinh tế	Trưởng phòng Mỏ - Địa chất Tổng công ty Khoáng sản – TKV; Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Khoáng sản 3 – Vimico.
4	Ông LÊ DUY THANH	31/10/1977	Số 25/74, Trường Chinh, Phương Mai, Đống Đa, Hà Nội	Kỹ sư hóa học	Giám đốc Công ty cổ phần Cân Hà.
5	Ông PHẠM NGỌC SƠN	28/01/1979	Sn 402, Đường An Dương Vương, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai		Giám đốc Công ty TNHH MTV Minh Quỳnh Anh.

2. Danh sách ứng viên BKS:


TT	Họ và tên	Ngày sinh	Địa chỉ	Trình độ chuyên môn	Chức vụ, nơi công tác
1	Ông LÊ THANH TÙNG	14/10/1988	Số 26, Tổ 26, Tập thể kim loại màu, Phúc Xá, Ba Đình, Hà Nội	Cử nhân kinh tế	Chuyên viên phòng Tài chính – Kế toán, Tổng công ty Khoáng sản - TKV; Trưởng ban kiểm soát Công ty cổ phần Khoáng sản 3 - Vimico
2	Bà VŨ THỊ THANH HẢO	30/3/1983	Tổ 12, phường Phan Đình Phùng, tp Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	Kỹ sư	Phó trưởng phòng Kế hoạch Tổng công ty Khoáng sản - TKV

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Địa chỉ	Trình độ chuyên môn	Chức vụ, nơi công tác
3	Ông NGUYỄN THANH QUỲNH	07/02/1982	Số 1, ngách 33, ngõ Văn Chương, tổ 21, Văn Chương, Đống Đa, Hà Nội	Kỹ sư xây dựng	Phó Tổng giám đốc – Công ty cổ phần VINACONEX 39

Thông tin ứng viên được công bố tại địa điểm tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 Công ty cổ phần Khoáng sản 3 - Vimico xem xét, thông qua./.

Trân trọng!

Nơi nhận: 
 - Như trên;
 - HĐQT, BKS;
 - Lưu VP, HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
 CHỦ TỊCH HĐQT**




Bùi Tiến Hải

Lào Cai, ngày 01 tháng 4 năm 2023



**QUY CHẾ BẦU CỬ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ,
BAN KIỂM SOÁT NHIỆM KỲ 2023 - 2028
CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN 3 - VIMICO**

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Khoáng sản 3 Vimico
được ban hành kèm theo quyết định số 55/QĐ – KS3 ngày 05/7/2021 của Hội đồng
quản trị Công ty;

ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 Công ty Cổ phần Khoáng sản 3 - Vimico
thông qua quy chế bầu cử thành viên HĐQT và thành viên BKS nhiệm kỳ 2023-
2028 như sau:

I. Đối tượng thực hiện bầu cử

Cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và đại diện theo ủy quyền của
cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết (theo danh sách cổ đông chốt ngày
23/3/2023).

**II. Danh sách ứng cử, đề cử ứng viên để bầu vào HĐQT, BKS nhiệm kỳ
2023-2028**

Theo danh sách do Ban Tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 Công ty Cổ
phần Khoáng sản 3 - Vimico tổng hợp và được ĐHĐCĐ thông qua. Danh sách ứng
viên được sắp xếp theo thứ tự ABC theo tên, ghi đầy đủ họ và tên trên phiếu bầu.

III. Phiếu bầu và các trường hợp phiếu bầu không hợp lệ

1. Phiếu bầu:

- Phiếu bầu được in thống nhất, có tổng số quyền bầu cử theo mã số tham
dự, có đóng dấu treo của Công ty;
- Phiếu bầu thành viên HĐQT được in màu xanh, phiếu bầu thành viên BKS
được in màu vàng;
- Cổ đông hoặc đại diện ủy quyền được phát phiếu bầu HĐQT, BKS theo mã
số tham dự;
- Trường hợp phiếu bầu ghi sai, cổ đông đề nghị Ban tổ chức đổi phiếu bầu khác.

2. Các trường hợp phiếu bầu không hợp lệ

- Phiếu không theo mẫu quy định của Công ty, không có dấu của Công ty;
- Phiếu tẩy xóa hoặc ghi thêm tên người ngoài danh sách ứng viên đã được
ĐHĐCĐ thông qua trước khi tiến hành bỏ phiếu;
- Phiếu có tổng số quyền bầu cử cho những ứng viên của cổ đông vượt quá
tổng số quyền bầu cử của cổ đông đó sở hữu/được ủy quyền;
- Phiếu bầu không có chữ ký của cổ đông/đại diện cổ đông.



IV. Số thành viên được bầu

- Số lượng thành viên HĐQT: 05 thành viên
- Số lượng thành viên BKS: 03 thành viên

V. Phương thức bầu cử

Việc bầu cử thực hiện bằng cách bỏ phiếu kín theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó:

- Mỗi cổ đông có tổng số quyền bầu cử tương ứng với số cổ phần có quyền biểu quyết (bao gồm sở hữu và được ủy quyền): nhân với **05** (số thành viên HĐQT được bầu) và nhân với **03** (số thành viên BKS được bầu).

- Cổ đông thực hiện bầu cử bằng cách ghi trực tiếp số quyền bầu cử của mình cho các ứng viên mà mình lựa chọn. Số quyền bầu cử cho từng ứng viên có thể khác nhau tùy thuộc vào sự tín nhiệm của cổ đông/đại diện cổ đông đối với mỗi ứng viên.

- Tổng số quyền bầu cử cổ đông bầu cho các ứng viên không được vượt quá tổng số quyền bầu cử của cổ đông/đại diện cổ đông đó.

- Cổ đông có thể lựa chọn chia đều số quyền bầu cử cho các ứng viên (tích dấu X hoặc V) vào cột “Số phiếu bầu” trên Phiếu bầu cử.

- Phiếu bầu cử sẽ được bỏ vào thùng phiếu đã được niêm phong trước khi bỏ phiếu và được kiểm tra với sự chứng kiến của cổ đông;

- Việc bỏ phiếu được bắt đầu khi việc phát phiếu bầu cử được hoàn tất và kết thúc khi cổ đông cuối cùng bỏ phiếu bầu vào thùng phiếu;

- Việc kiểm phiếu phải được tiến hành ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc;

- Kết quả kiểm phiếu được lập thành văn bản và được Trưởng Ban Kiểm phiếu công bố trước Đại hội đồng cổ đông.

VI. Nguyên tắc trúng cử

- Người trúng cử được xác định theo số quyền bầu cử nhận được từ các cổ đông thực hiện bầu cử, tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số quyền bầu cử cao nhất cho đến khi đủ số lượng thành viên HĐQT, BKS cần bầu;

- Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau để lựa chọn.

Quy chế này được đọc công khai trước Đại hội đồng cổ đông để biểu quyết thông qua.

BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI

Đạt

Số: 70 /TTr-KS3

Lào Cai, ngày 01 tháng 4 năm 2023

TỜ TRÌNH
Về việc thông qua Báo cáo tài chính năm 2022 đã kiểm toán

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Khoáng sản 3 Vimico được ban hành kèm theo quyết định số 55/QĐ – KS3 ngày 05/7/2021 của Hội đồng quản trị Công ty,

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty đã kiểm toán, các chỉ tiêu chính bao gồm:

Đơn vị tính: đồng.

Chỉ tiêu	Mã số	Dư 31/12/2022	Dư 01/01/2022
I. Tài sản ngắn hạn	100-BCĐKT	107.071.506.156	122.726.299.867
II. Tài sản dài hạn	200-BCĐKT	62.638.150.128	58.214.860.123
III. Nợ phải trả	300-BCĐKT	138.725.726.980	162.376.023.896
1. Nợ ngắn hạn	310-BCĐKT	138.725.726.980	161.565.871.896
2. Nợ dài hạn	330-BCĐKT	-	810.152.000
IV. Nguồn vốn chủ sở hữu	400-BCĐKT	30.983.929.304	18.565.136.094
1. Vốn của chủ sở hữu	410-BCĐKT	30.983.929.304	18.565.136.094
Trong đó: Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411-BCĐKT	35.000.000.000	35.000.000.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(6.712.747.086)	(19.131.540.296)
V. Kết quả kinh doanh		Năm 2022	Năm 2021
1. Tổng doanh thu		307.248.988.933	233.616.411.713
2. Tổng chi phí		293.521.816.443	223.170.219.702
3. Tổng lợi nhuận trước thuế	50-BCKQKD	13.727.172.490	10.446.192.011
4. Lợi nhuận sau thuế thu nhập DN	60-BCKQKD	12.418.793.210	10.446.192.011
VI. Chỉ tiêu khác		Năm 2022	Năm 2021
1. Tổng số phát sinh phải nộp ngân sách		35.338.154.918	42.878.891.975
2. Lợi nhuận trước thuế/vốn CSH (%)		44,30%	56,27%
3. Lợi nhuận sau thuế/vốn CSH (%)		40,08%	56,27%
4. Tỷ suất lợi nhuận/Tổng tài sản (%)		7,32%	5,77%
5. Tổng số nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu (lần)		4,48	8,75

Báo cáo tài chính năm 2022 sau kiểm toán đã được đăng tải trên Website của Công ty <http://khoangsan3.com.vn>

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 Công ty cổ phần Khoáng sản 3 - Vimico xem xét, thông qua./.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Bùi Tiến Hải

Số: 71 /TTr – HĐQT

Lào Cai, ngày 01 tháng 4 năm 2023

TỜ TRÌNH

Vv thông qua phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ năm 2022 Kế hoạch năm 2023

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Khoáng sản 3 Vimico được ban hành kèm theo quyết định số 55/QĐ – KS3 ngày 05/7/2021 của Hội đồng quản trị Công ty;

Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty đã kiểm toán,

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Khoáng sản 3 - Vimico kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 thông qua:

I. Phương án phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ năm 2022

- LN trước thuế TNDN năm 2022: 13.727.172.490 đồng.
- Thuế TNDN năm 2022: 1.308.379.280 đồng.
- LN sau thuế TNDN năm 2022: 12.418.793.210 đồng.
- Trích lập các quỹ năm 2022: 0 đồng.
- Chi trả cổ tức năm 2022: 0 đồng.

Năm 2022, lợi nhuận sau thuế là 12.418.793.210 đồng, lũy kế tính đến hết 31/12/2022 (bao gồm lợi nhuận năm 2022) còn 6.712.747.086 đồng nên năm 2022 không tiến hành chi trả cổ tức.

II. Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2023


- LN trước thuế TNDN năm 2023: 8.615.331.006 đồng.
- Thuế TNDN năm 2023: 1.723.066.201 đồng.
- LN sau thuế TNDN năm 2023: 6.892.264.805 đồng.
- Lợi nhuận còn lại chưa phân phối năm 2023 : 179.517.719 đồng.

Năm 2023, lợi nhuận sau thuế dự kiến là 6.892.264.805 đồng. Tuy nhiên, phân lợi nhuận năm 2023 sẽ được bù lỗ 1 phần cho các năm trước đây. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối còn lại là: 179.517.719 đồng nên năm 2023 sẽ không thực hiện việc chi trả cổ tức.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét và thông qua./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- HĐQT, BKS, BGĐ;
- Đăng trên Website Công ty;
- Lưu HĐQT, VT.

**T.M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Bùi Tiến Hải

Số: 72 /TTr-HĐQT

Lào Cai, ngày 01 tháng 4 năm 2023

TỜ TRÌNH
Về việc chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2022
và Kế hoạch chi trả thù lao năm 2023

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Khoáng sản 3 Vimico được ban hành kèm theo quyết định số 55/QĐ – KS3 ngày 05/7/2021 của Hội đồng quản trị Công ty;

Căn cứ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 Công ty Cổ phần Khoáng sản 3 - Vimico số 06/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 10 tháng 5 năm 2022,

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2022 và Kế hoạch chi trả thù lao năm 2023, cụ thể như sau:

1. Thực hiện chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2022:

Thù lao của Chủ tịch HĐQT, TV HĐQT, Trưởng BKS, TV Ban KS không chuyên trách chi trả bằng 100% mức thù lao kế hoạch năm.

TT	Chức danh	Số người	Mức lương cơ bản KH Đồng/ng/th	Tiền thù lao kế hoạch đồng/ng/tháng	Tỷ lệ	Tiền thù lao thực hiện đồng/ng/tháng	Tiền thù lao đồng/năm
1	Chủ tịch HĐQT	01	24.000.000	4.800.000	100%	4.800.000	57.600.000
2	Thành viên HĐQT	04	21.000.000	4.200.000	100%	4.200.000	201.600.000
3	Trưởng BKS	01	21.000.000	4.200.000	100%	4.200.000	50.400.000
4	Thành viên BKS	02	19.000.000	3.800.000	100%	3.800.000	91.200.000
	Cộng	08					400.800.000

(Bằng chữ: Bốn trăm triệu, tám trăm ngàn đồng chẵn./).

2. Kế hoạch mức chi trả thù lao HĐQT, BKS Công ty năm 2023 như sau:

Thù lao của Chủ tịch HĐQT, TV HĐQT, Trưởng BKS, TV Ban KS, tạm tính bằng 20% mức lương cơ bản.

TT	Chức danh	Số người	Mức lương cơ bản đồng/ng/th	Tỷ lệ	Tiền thù lao đồng/ng/tháng	Tiền thù lao đồng/năm
1	Chủ tịch HĐQT	01	24.000.000	20%	4.800.000	57.600.000

TT	Chức danh	Số người	Mức lương cơ bản đồng/ng/th	Tỷ lệ	Tiền thù lao đồng/ng/tháng	Tiền thù lao đồng/năm
2	Thành viên HĐQT	04	21.000.000	20%	4.200.000	201.600.000
3	Trưởng BKS	01	21.000.000	20%	4.200.000	50.400.000
4	Thành viên BKS	02	19.000.000	20%	3.800.000	91.200.000
	Cộng	08				400.800.000

(Bảng chữ: Bốn trăm triệu, tám trăm ngàn đồng chẵn ./.)

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 Công ty cổ phần Khoáng sản 3 - Vimico xem xét, thông qua./.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VP, HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Bùi Tiến Hải

Số: 73 /TTr-BKS

Lào Cai, ngày 01 tháng 4 năm 2023

TỜ TRÌNH
Về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023

Kính trình : Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14;
Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Khoáng sản 3 Vimico được ban hành kèm theo quyết định số 55/QĐ – KS3 ngày 05/7/2021 của Hội đồng quản trị Công ty,

Ban kiểm soát Công ty cổ phần Khoáng sản 3 - Vimico kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 việc lựa chọn đơn vị kiểm toán thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty như sau:

1. Đề xuất về các tiêu thức lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập:

Ban kiểm soát đề xuất với Đại hội đồng cổ đông các tiêu thức lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập như sau:

- Là đơn vị kiểm toán độc lập có uy tín, thương hiệu, được nhiều công ty đại chúng tin cậy, có đội ngũ kiểm toán viên trình độ cao và nhiều kinh nghiệm.
- Là đơn vị được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận thực hiện kiểm toán cho các đơn vị có lợi ích công chúng năm 2023.
- Có mức phí kiểm toán hợp lý, phù hợp với nội dung, phạm vi và tiến độ kiểm toán của Công ty.

2. Đề xuất các đơn vị kiểm toán độc lập:

Với các tiêu thức như trên, Ban kiểm soát đề xuất 03 công ty kiểm toán độc lập để đưa vào danh sách lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty như sau:

- Công ty TNHH Kiểm toán BDO (BDO);
- Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế (ICPA);
- Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam (CPA VIETNAM).

3. Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông:

- Thông qua phê duyệt danh sách 03 công ty kiểm toán độc lập nêu trên để làm căn cứ lựa chọn đơn vị cung cấp dịch vụ kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty.
- Thông qua việc ủy quyền cho Ban kiểm soát làm đầu mối phối hợp với Công ty lựa chọn một trong 03 công ty kiểm toán độc lập nêu trên làm đơn vị thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- HĐQT, BKS;
- Lưu: Thư ký Cty, BKS.



Số: 74 /TTr – HĐQT

Lào Cai, ngày 01 tháng 4 năm 2023

TỜ TRÌNH

Thông qua việc mua/bán tinh quặng sắt được sản xuất tại mỏ sắt Kíp Tước năm 2023 với Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP

Kính trình : Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Khoáng sản 3 - Vimico được ban hành kèm theo quyết định số 55/QĐ – KS3 ngày 05/7/2021 của Hội đồng quản trị Công ty;

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Khoáng sản 3 - Vimico kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 thông qua việc mua/bán tinh quặng sắt được sản xuất tại mỏ sắt Kíp Tước năm 2023 với Tổng công ty Khoáng sản TKV – CTCP. Các nội dung chủ yếu của hợp đồng như sau:

- Tên hàng hóa: Tinh quặng sắt.
- Khối lượng dự kiến: Tối đa theo kế hoạch SXKD năm 2023 của Công ty cổ phần Khoáng sản 3 – Vimico được cấp có thẩm quyền thông qua/ phê duyệt (bao gồm cả kế hoạch SXKD điều chỉnh). Khối lượng tạm thời xác định là **87.000** tấn.
- Đơn giá: **1.815.000** đồng/tấn (đã bao gồm VAT)
- Tổng giá trị dự kiến: **157.905.000.000** đồng (đã bao gồm VAT)
- Đơn giá thanh toán thực tế được xác định cụ thể tại từng thời điểm mua/bán hàng hóa trên cơ sở: Giá bán quặng sắt do Tổng công ty chào bán và quyết toán được với khách hàng mua lô hàng hóa đó tại từng lần Tổng công ty tổ chức bán hàng thành công.

- Thời gian thực hiện: Đến đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.

(Chi tiết tại Dự thảo Hợp đồng mua/bán quặng sắt kèm theo)

Kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét, thông qua, đồng thời uỷ quyền cho HĐQT quyết định các nội dung sửa đổi, bổ sung trong quá trình thực hiện Hợp đồng trên cơ sở phù hợp với thực tế SXKD của Công ty./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- HĐQT, BKS, BGĐ;
- Đăng trên Website Công ty;
- Lưu HĐQT, VT.

T.M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Bùi Tiến Hải

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DỰ THẢO

HỢP ĐỒNG
MUA BÁN TÍNH QUẶNG SẮT
Số: /VIMICO - KS3/2023

Căn cứ Bộ luật Dân sự ngày 24/11/2015;
Căn cứ Luật Thương mại (văn bản hợp nhất) ngày 05/07/2019;
Căn cứ kế hoạch SXKD năm 2023 của Công ty Cổ phần Khoáng sản 3 - Vimico;
Căn cứ Biên bản thương thảo hợp đồng giữa Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP và Công ty CP Khoáng sản 3 - Vimico ngày / /2023;

Căn cứ nhu cầu và khả năng của hai bên,

Hôm nay, ngày tháng năm 2023, chúng tôi đại diện cho các Bên gồm:

I. BÊN BÁN: CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN 3 - VIMICO

(Sau đây gọi/viết tắt là “Bên A hoặc KS3 hoặc Bên Bán)

Địa chỉ: Tổ 7, phường Duyên Hải, TP Lào Cai, tỉnh Lào Cai.

Điện thoại: 02143.821292 Fax: 02143.824804

Mã số thuế: 0500204315

Tài khoản: 020336198888, tại LienVietPostbank, chi nhánh Lào Cai.

Người Đại diện: **Ông Hoàng Minh Thắng** ; Chức vụ: Giám đốc Công ty.

II. BÊN MUA: TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN TKV – CTCP

(Sau đây gọi/viết tắt là “Bên A hoặc VIMICO)

Địa chỉ: Số 193 đường Nguyễn Huy Tưởng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại: 0462 876666 ; Fax: 0462883333

Mã số thuế: 0100103087

Tài khoản số: 170114851000017 tại Eximbank - Chi nhánh Long Biên, Hà Nội.

Người đại diện: Ông **Trịnh Văn Tuệ** ; Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Sau khi bàn bạc, thỏa thuận, hai Bên cùng thống nhất, tự nguyện ký kết hợp đồng mua bán hàng hóa với nội dung cụ thể như sau:

Điều 1. Hàng hóa mua bán

1. Tên hàng hóa: Tinh quặng sắt (sau đây gọi/viết tắt là “TQ Fe”).
2. Xuất xứ: TQ Fe được Bên A sản xuất tại mỏ sắt Kíp Tước, xã Hợp Thành, TP Lào Cai, tỉnh Lào Cai.
3. Chất lượng (Phẩm chất), quy cách:
 - 3.1. Hàm lượng tạm tính:
 - a) Hàm lượng sắt tổng số (%TFe) có trong TQ Fe: Từ sắt từ 60% - 65% (TFe); Bình quân (tạm tính) 62%.
 - b) Hàm lượng SiO₂ ≤ 10%;
 - c) Các thành phần hóa học khác theo công bố của KS3.

3.2. Chất lượng của hàng hóa thực tế mua bán: Theo kết quả kiểm định (phân tích) chất lượng TQ Fe thực tế giao nhận được hai Bên thống nhất.

3.3. Quy cách: Hàng để rời, không đóng bao.

4. Khối lượng mua bán: **87.000 +/- (cộng hoặc trừ) 10% (tấn)** quy khô (độ ẩm 0%). Trong quá trình thực hiện hợp đồng hai Bên có thể thỏa thuận điều chỉnh tăng hoặc giảm khối lượng mua bán tùy thuộc năng lực sản xuất, nhu cầu tiêu thụ của KS3 và nhu cầu mua TQ Fe của Bên B.

Điều 2. Giao nhận hàng hóa

1. Đơn vị nhận hàng: Là Bên B hoặc là các Khách hàng mua lại TQ Fe thuộc hợp đồng này từ Bên B (sau đây gọi tắt là “Bên C”) tại từng lần Bên B tổ chức bán hàng thành công và được thể hiện tại Hợp đồng mua bán giữa Bên B và Bên C; trong trường hợp này, Hợp đồng được ký kết giữa Bên B và Bên C gửi cho Bên A được xem như là Phụ lục của hợp đồng này (ngoại trừ những nội dung, điều khoản xung đột lợi ích với nội dung, điều khoản quy định tại hợp đồng này).

2. Hàng hóa giao nhận: Theo tình trạng thực tế tại kho của KS3.

3. Phương thức giao nhận: Giao trên phương tiện vận chuyển của Bên B (Hoặc của Bên vận chuyển được Bên B thuê hoặc của Bên C,...).

3. Xác định khối lượng hàng hóa thực tế giao nhận:

3.1. Xác định khối lượng TQ Fe ướt thực tế giao nhận:

Bằng cân ô tô điện tử của Bên A đặt tại địa điểm giao nhận; Khối lượng hàng hóa giao nhận được thể hiện bằng Biên bản giao nhận được lập, ký kết giữa Đại diện giao nhận hàng của Bên A và Bên B (hoặc Bên C – theo ủy quyền của Bên B). Trường hợp cân tại địa điểm giao nhận hàng bị hỏng đột xuất thì sẽ lựa chọn trạm cân khác trên địa bàn tỉnh Lào Cai để cân xác định khối lượng hàng hóa thực tế giao nhận; chi phí cân hàng trong trường hợp này (nếu có) do Bên A Chi trả.

Trọng lượng hàng hóa thực tế giao nhận (**TQ Fe ướt**) = (bằng) trọng lượng cả xe và TQ Fe (tấn/tạ/kg) - (trừ) trọng lượng xe (tấn/tạ/kg).

3.2. Xác định trọng lượng TQ Fe quy khô (độ ẩm 0%) thực tế giao nhận:

Trọng lượng TQ Fe mua bán là trọng lượng TQ Fe quy khô (độ ẩm 0%) thực tế giao nhận. Trọng lượng TQ Fe quy khô (độ ẩm 0%) = (Bằng) Trọng lượng TQ Fe ướt (tấn/tạ/kg) – (trừ) trọng lượng nước (% H₂O) có trong TQ Fe (tấn/tạ/kg).

$$\text{TQ Fe quy khô (độ ẩm 0\%)} = \text{TQ Fe (ướt)} - (\text{trừ}) \text{TQ Fe (ướt)} \times (\text{nhân}) \% \text{H}_2\text{O}$$

Độ ẩm thực tế của hàng hóa (% H₂O) là tỷ lệ nước (biểu thị bằng % trọng lượng) bám dính trong TQ Fe. Độ ẩm thực tế của hàng hóa được đại diện hai Bên cùng lấy mẫu, phân tích xác định và được thể hiện, xác nhận bằng **Biên bản xác định độ ẩm**.

4. Địa điểm giao nhận: Kho TQ Fe của KS3; tại mỏ sắt Kíp Tước, xã Hợp Thành, TP Lào Cai, tỉnh Lào Cai.

5. Thời gian giao nhận hàng hóa:

Từ 08 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút hàng ngày (ngoại trừ ngày nghỉ cuối tuần, nghỉ lễ, tết). Thời gian giao nhận hàng hóa cụ thể hàng ngày (kể cả giao nhận ngoài thời gian trên hoặc vào ngày nghỉ cuối tuần – nếu cần thiết) sẽ được đại diện giao nhận hàng của hai Bên trao đổi trực tiếp và thống nhất thực hiện.

6. Tiến độ giao nhận hàng:

Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến khi hợp đồng chấm dứt hiệu lực theo quy định tại Điều 10 Hợp đồng này.

7. Lô hàng: Toàn bộ khối lượng hàng hóa mua bán thuộc hợp đồng này được giao nhận thành nhiều lô hàng; trọng lượng 01 (một) lô là **2.500 +/- (cộng hoặc trừ) 20% tấn** quy khô (độ ẩm 0%); trọng lượng giao nhận cụ thể mỗi lô hàng do Bên A và Bên B (hoặc Bên C - theo ủy quyền của Bên B) trao đổi trực tiếp (hoặc trao đổi qua điện thoại, tin nhắn SMS, gmail,...) trên cơ sở phù hợp thực tế sản xuất, nhu cầu tiêu thụ của KS3 và khả năng bán hàng của VIMICO để thống nhất thực hiện.

Điều 3. Lấy mẫu và xác định chất lượng hàng hóa

1. Khi giao hàng, hai Bên (Bên A và Bên B hoặc Bên C - theo ủy quyền của Bên B) sẽ cùng tiến hành lấy mẫu để phân tích xác định độ ẩm và hàm lượng thực tế của lô hàng theo quy trình lấy mẫu đã được hai Bên thống nhất (Kèm theo hợp đồng này).

2. Việc phân tích xác định độ ẩm thực tế của hàng hóa được thực hiện ngay tại địa điểm giao nhận hàng.

3. Lấy mẫu phân tích xác định độ ẩm và chất lượng của hàng hóa

3.1. Quy trình lấy mẫu, phân tích mẫu để xác định độ ẩm và chất lượng của hàng hóa:

Quy trình lấy mẫu, phân tích mẫu để xác định hàm lượng %TFe, %SiO₂, độ ẩm, trọng lượng quy khô của hàng hóa thuộc Hợp đồng này được thực hiện theo quy định tại Quy trình lấy, gia công và phân tích mẫu tinh quặng sắt kèm theo hợp đồng này.

3.2. Số lượng mẫu phân tích hàm lượng của lô hàng :

Mẫu phân tích hàm lượng của cả lô hàng sau khi trộn đều, gia công, giản lược được chia làm **08 phần**, mỗi phần đóng thành 01 gói (đóng gói kín, có đầy đủ chữ ký của các đại diện tham gia giám sát, gia công Mẫu của hai Bên và niêm phong giáp lai bao gói bằng dấu của KS3; **06 gói được gọi là “Mẫu Phân tích”, 02 (hai) gói được gọi là “Mẫu Lưu chung” (Mẫu lưu trọng tài)**. 06 gói Mẫu phân tích giao mỗi Bên (Bên A, Bên B, Bên C) 02 (hai) gói để phân tích/gửi phân tích xác định hàm lượng %TFe, hàm lượng %SiO₂; 02 Mẫu lưu chung (Mẫu trọng tài), 01 Mẫu lưu chung giao Bên A quản lý, lưu giữ và 01 Mẫu lưu chung giao Bên B/Bên C quản lý, lưu giữ.

3.3. Phân tích hàm lượng của lô hàng:

Mẫu phân tích hàm lượng của Bên nào được Bên đó tự phân tích (nếu đạt chuẩn VILAS hoặc ISO/IEC/17025:1999 hoặc ISO/IEC/17025:2) hoặc gửi phân tích tại đơn vị kiểm định đạt chuẩn VILAS hoặc ISO/IEC/17025:1999 hoặc ISO/IEC/17025:2017. Trong trường hợp các Bên đưa mẫu của mình đi phân tích tại các đơn vị kiểm định nước ngoài ở Việt Nam hoặc ở ngoài lãnh thổ Việt Nam thì các đơn vị này phải có chứng nhận đạt chuẩn ISO/IEC/17025:1999 hoặc ISO/IEC/17025:2017 và được Bên sử dụng gửi kèm Giấy chứng nhận (hoặc văn bản có giá trị tương tự) kết quả phân tích mẫu của mình. Giấy chứng nhận (hoặc văn bản có giá trị tương tự) kết quả phân tích nếu có sử dụng ngôn ngữ không phải Tiếng Việt thì Bên sử dụng kết quả phân tích phải dịch ra tiếng Việt và phải được chứng thực của Phòng công chứng nơi dịch thuật.

3.4. Xác định hàm lượng sắt tổng số (%TFe), hàm lượng silic (%SiO₂) chính thức của lô hàng hóa, xử lý kết quả phân tích hàm lượng %TFe, (%SiO₂).

Mẫu phân tích hàm lượng %TFe, %SiO₂ của Bên nào do Bên đó tự phân tích hoặc gửi phân tích (nhưng phải đáp ứng yêu cầu nêu tại điểm 3.3 khoản này) để xác định hàm lượng %TFe, %SiO₂ của lô hàng. Việc phân tích mẫu để xác định hàm lượng %TFe, %SiO₂ của lô hàng các Bên phải hoàn thành trong vòng 30 ngày làm việc, kể từ ngày hai Bên hoàn thành việc phân chia mẫu quy định tại điểm 3.2 khoản này.

Sau khi có kết quả phân tích hàm lượng %TFe, %SiO₂ Bên A và Bên B (hoặc Bên C – theo ủy quyền của Bên B) phải tổ chức làm việc (họp trực tiếp hoặc họp trực tuyến) để đối chiếu và thống nhất hàm lượng sắt tổng số (%TFe), hàm lượng silic (%SiO₂) chính thức của lô hàng theo nguyên tắc sau:

a) Khi kết quả phân tích mẫu hàm lượng sắt tổng số (%TFe) của Bên A và của Bên B (hoặc Bên C - theo ủy quyền của Bên B) chênh lệch nhau không quá (\leq) 0,4% TFe thì hàm lượng sắt tổng số (%TFe) chính thức của lô hàng làm cơ sở xác định đơn giá mua bán chính thức sẽ là trung bình cộng kết quả phân tích của Bên A và của Bên B (hoặc của Bên C - theo ủy quyền của Bên B):

Công thức tính giá trị trung bình cộng hàm lượng Fe:

$$\text{Hàm lượng sắt (\% TFe)} = [X_{\text{Fe (Bên A)}} + X_{\text{Fe (Bên B)}}]: 2$$

Trong đó:

$X_{\text{Fe (Bên A)}}$: Là kết quả phân tích hàm lượng sắt (%TFe) của Bên A;

$X_{\text{Fe (Bên B)}}$: Là kết quả phân tích hàm lượng sắt (%TFe) của Bên B (hoặc Bên C);

b) Nếu kết quả phân tích mẫu hàm lượng %TFe của Bên A và của Bên B (hoặc của Bên C - theo ủy quyền của Bên B) chênh lệch nhau vượt quá ($>$) 0,4% TFe thì hai Bên (Bên A và Bên B hoặc Bên C - theo ủy quyền của Bên B) sẽ thương thảo để thống nhất hàm lượng %TFe chính thức của lô hàng làm cơ sở xác định đơn giá mua bán và thanh, quyết toán lô hàng.

c) Trường hợp thương thảo theo quy định tại tiết b điểm này mà hai Bên không thể thống nhất được thì hai Bên (Bên A và Bên B hoặc Bên C - theo ủy quyền của Bên B) sẽ cùng nhau lấy 01 (một) trong 2 (hai) “**Mẫu Lưu Chung**” (việc lựa chọn Mẫu lưu chung nào sẽ do hai Bên (Bên A và Bên B hoặc Bên C - theo ủy quyền của Bên B) thống nhất quyết định khi họp thống nhất hàm lượng) chia thành hai phần, một phần được niêm phong và lưu lại tại Bên được giao quản lý, lưu giữ Mẫu lưu chung đó, phần còn lại sẽ được đại diện của hai Bên (Bên A và Bên B hoặc Bên C - theo ủy quyền của Bên B) cùng gửi đến Tổ chức giám định độc lập đạt chứng chỉ VILAS hoặc ISO/IEC/17025:1999 hoặc ISO/IEC/17025:2017 do hai Bên (Bên A và Bên B hoặc Bên C - theo ủy quyền của Bên B) thống nhất lựa chọn để phân tích xác định hàm lượng %TFe của lô hàng đó (trường hợp hai Bên (Bên A và Bên B hoặc Bên C - theo ủy quyền của Bên B) không thể thống nhất được đơn vị kiểm định để gửi mẫu trọng tài thì sẽ gửi mẫu đến **Công ty SGS Việt Nam TNHH**). Sau khi có kết quả phân tích Mẫu lưu chung Bên A và Bên B (hoặc Bên C - theo ủy quyền của Bên B) sẽ gặp gỡ làm việc (họp trực tiếp) hoặc từ xa (họp trực tuyến hoặc qua điện thoại) để cùng xác định và lập, ký Biên bản thống nhất hàm lượng %TFe chính thức của lô hàng. Kết quả phân tích xác định hàm lượng %TFe có trong TQ Fe của Tổ chức giám định độc lập được lựa chọn nêu trên sẽ là kết quả cuối cùng làm cơ sở xác định đơn giá, giá trị hàng hóa mua bán và thanh quyết toán giá trị của lô hàng.

d) Khi kết quả phân tích mẫu hàm lượng silic (%SiO₂) của Bên A và của Bên B (hoặc của Bên C - theo ủy quyền của Bên B) chênh lệch nhau không quá (\leq) 0,2% thì sẽ lấy kết quả chính thức của lô hàng là trung bình cộng kết quả phân tích của Bên A và của Bên B (hoặc của Bên C - theo ủy quyền của Bên B). Công thức tính giá trị trung bình cộng hàm lượng %SiO₂:

$$\text{Hàm lượng \%SiO}_2 = [(X_{\text{SiO}_2 \text{ (Bên A)}} + X_{\text{SiO}_2 \text{ (Bên B)}}): 2$$

Trong đó:

$X_{\text{SiO}_2 \text{ (Bên A)}}$ Là kết quả phân tích hàm lượng silic (%SiO₂) của Bên A

X_{SiO_2} (Bên B) Là kết quả phân tích hàm lượng silic (%SiO₂) của Bên B (hoặc của Bên C - theo ủy quyền của Bên A).

e) Nếu kết quả phân tích mẫu hàm lượng silic (%SiO₂) của Bên A và Bên B (hoặc Bên C) chênh lệch nhau vượt quá (>) 0,2 %SiO₂ thì hai Bên sẽ thương thảo để thống nhất hàm lượng silic (%SiO₂) chính thức của lô hàng.

g) Trường hợp thương thảo theo quy định tại tiết e điểm này mà hai Bên không thể thống nhất được thì hai Bên (Bên A và Bên B hoặc Bên C - theo ủy quyền của Bên B) sẽ cùng nhau lấy 01 (một) trong 2 (hai) “**Mẫu Lưu Chung**” (việc lựa chọn Mẫu lưu chung nào sẽ do hai Bên (Bên A và Bên B hoặc Bên C - theo ủy quyền của Bên B) thống nhất quyết định khi hợp thống nhất hàm lượng) chia thành hai phần, một phần được niêm phong và lưu lại tại Bên được giao quản lý, lưu giữ Mẫu lưu chung đó, phần còn lại sẽ được đại diện của hai Bên (Bên A và Bên B hoặc Bên C - theo ủy quyền của Bên B) cùng gửi đến Tổ chức giám định độc lập đạt chứng chỉ VILAS hoặc ISO/IEC/17025:1999 hoặc ISO/IEC/17025:2017 do hai Bên (Bên A và Bên B hoặc Bên C - theo ủy quyền của Bên B) thống nhất lựa chọn để phân tích xác định hàm lượng %SiO₂ của lô hàng đó (trường hợp hai Bên (Bên A và Bên B hoặc Bên C - theo ủy quyền của Bên B) không thể thống nhất được đơn vị kiểm định để gửi mẫu trọng tài thì sẽ gửi mẫu đến **Công ty SGS Việt Nam TNHH**). Sau khi có kết quả phân tích Mẫu lưu chung Bên A và Bên B (hoặc Bên C - theo ủy quyền của Bên B) sẽ gặp gỡ làm việc (họp trực tiếp) hoặc từ xa (họp trực tuyến hoặc qua điện thoại) để cùng xác định và lập, ký Biên bản thống nhất hàm lượng %SiO₂ chính thức của lô hàng. Kết quả phân tích xác định hàm lượng %SiO₂ có trong TQ Fe của Tổ chức giám định độc lập được lựa chọn nêu trên sẽ là kết quả cuối cùng làm cơ sở xác định đơn giá, giá trị hàng hóa mua bán và thanh quyết toán giá trị của lô hàng.

3.4.3. Việc gia công, phân chia mẫu lưu chung để gửi Tổ chức giám định độc lập sẽ được xác định, thực hiện theo từng trường hợp cụ thể tùy thuộc yêu cầu của tổ chức giám định độc lập được hai Bên (Bên A và Bên B hoặc Bên C – theo ủy quyền của Bên B) lựa chọn nhưng phải đảm bảo quá trình bóc và gia công Mẫu lưu chung phải được đại diện hai Bên (Bên A và Bên B hoặc Bên C - theo ủy quyền của Bên A) cùng nhau thực hiện tại địa điểm do hai Bên thống nhất; Mẫu lưu chung sau khi được gia công, phân chia phải được đóng gói kín, có đầy đủ chữ ký của đại diện tham gia giám sát, gia công mẫu của hai Bên (và đại diện tổ chức giám định độc lập - nếu có) và niêm phong giáp lai bao gói bằng dấu của Bên A hoặc Bên B hoặc Bên C (hoặc của tổ chức giám định độc lập - nếu có).

3.3.4. Giấy chứng nhận (hoặc văn bản có giá trị tương tự) kết quả phân tích mẫu lưu chung (mẫu trọng tài) nếu có sử dụng ngôn ngữ không phải tiếng Việt thì phải được dịch ra tiếng Việt và phải được chứng thực của Bên dịch thuật.

3.4.5. Chi phí phân tích mẫu trọng tài và chi phí dịch thuật (nếu có) sẽ do Bên có kết quả phân tích chênh lệch nhiều hơn so với kết quả phân tích mẫu trọng tài chi trả.

3.5. Hàm lượng %TFe, %SiO₂, độ ẩm, trọng lượng quy khô của TQ Fe được xác định theo từng lô hàng hóa thực giao nhận và lập thành Biên bản được đại diện hai Bên (Bên A và Bên B hoặc Bên C - theo ủy quyền của Bên B) ký xác nhận.

3.6. Xác nhận khối lượng, độ ẩm, hàm lượng %TFe, %SiO₂

3.6.1. Biên bản giao nhận (xác nhận) khối lượng, kết quả phân tích độ ẩm hàng hóa thực tế giao nhận phải được đại diện hai Bên (Bên A và Bên B và hoặc Bên C) tham gia giám sát và lấy, phân tích mẫu ký xác nhận. Số lượng biên bản phát hành tối thiểu 06 bản (ít nhất 03 bản gốc ký trực tiếp) có nội dung, giá trị pháp lý như nhau mỗi Bên (Bên A, Bên B, Bên C) giữ 02 bản (01 bản gốc, 02 bản chính).

3.6.2. Biên bản xác định thống nhất hàm lượng %TFe, %SiO₂ chính thức của lô hàng phải được đại diện của hai Bên (Bên A và Bên B hoặc Bên C – theo ủy quyền của Bên B) ký, đóng dấu xác nhận. Số lượng Biên bản phát hành tối thiểu 06 bản (ít nhất 02 bản gốc) có nội dung, giá trị pháp lý như nhau Bên A, Bên B, Bên C mỗi Bên giữ 02 bản (01 bản gốc, 01 bản chính).

Điều 4. Loại Hợp đồng; Đơn giá, giá hợp đồng

1. Loại hợp đồng: Theo đơn giá điều chỉnh.

2. Giá trị hợp đồng tạm tính

2.1. Đơn giá mua bán (tạm tính):

Đơn giá mua bán tạm tính (chưa bao gồm 10% thuế GTGT nhưng đã bao gồm các khoản thuế, phí, lệ phí khác theo quy định của pháp luật Việt Nam - nếu có) một (01) tấn TQ Fe quy khô (độ ẩm 0%) tại mức hàm lượng sắt bình quân 62%TFe và hàm lượng silic bình quân ≤ 10 %SiO₂, được giao nhận trên phương tiện của Bên B tại kho chứa TQ Fe của KS3; địa chỉ: Kho TQ Fe tại mỏ sắt Kíp Tước, xã Hợp Thành, TP Lào Cai, tỉnh Lào Cai là **1.650.000 đồng/tấn**. Bên Mua thanh toán tiền thuế GTGT cho Bên Bán để kê khai nộp thuế theo quy định của pháp luật Việt Nam.

2.2. Nguyên tắc điều chỉnh đơn giá:

Điều chỉnh tăng hoặc giảm đơn giá mua bán TQ Fe theo mức tăng hoặc giảm hàm lượng sắt (%TFe) của TQ Fe thực tế mua bán: Trường hợp hàm lượng %TFe của TQ Fe thực tế mua bán (giao nhận) chênh lệch (tăng hoặc giảm) so với mức hàm lượng tương ứng với Đơn giá mua bán tạm tính thì:

a) Nếu hàm lượng sắt trung bình (%TFe) của TQ Fe thực tế mua bán (giao nhận) lớn hơn (>) 62,00% thì cứ mỗi 0,1% TFe tăng thêm sẽ được cộng (+) thêm vào đơn giá mua bán tạm tính (trước thuế GTGT) là: **4.000 đồng/tấn**.

b) Nếu hàm lượng sắt trung bình (%TFe) của TQ Fe thực tế mua bán (giao nhận) nhỏ hơn (<) 62,00% thì cứ mỗi 0,1% TFe giảm đi sẽ được trừ (-) vào đơn giá mua bán tạm tính (trước thuế GTGT) là: **4.000 đồng/tấn**.

c) Nếu hàm lượng $10\% < \text{SiO}_2 \leq 14\%$ thì cứ mỗi 0,1% hàm lượng SiO₂ tăng lên sẽ trừ (-) vào Đơn giá tạm tính trước thuế GTGT là: **1.500 đồng/tấn**.

2.3. Giá trị hợp đồng tạm tính:

Giá trị hợp đồng tạm tính (đã bao gồm 10% thuế GTGT) là **157.905.000.000 đồng** (*Bằng chữ: Một trăm năm bảy tỷ, chính trăm linh năm triệu đồng*). Giá hợp đồng tạm tính được xác định theo: Đơn giá mua bán tạm tính; khối lượng TQ Fe mua bán tạm tính **87.000 tấn** quy khô; thuế suất thuế GTGT: 10%.

3. Giá trị hợp đồng chính thức

3.1. Đơn giá mua bán (chính thức):

a) Đơn giá mua bán TQ Fe chính thức (thuộc hợp đồng này) là đơn giá mua bán chính thức Bên B bán TQ Fe (thuộc hợp đồng này) cho Bên C - (trừ) chi phí tiêu thụ (đăng báo thông báo đấu giá, chào giá cạnh tranh,...- Nếu có).

b) Đơn giá mua bán chính thức quy định tại tiết a điểm này được xác định trên cơ sở: Kết quả đấu giá, chào giá,... Mua TQ Fe theo quy chế tiêu thụ do HĐQT VIMICO ban hành (bao gồm cả các sửa đổi, bổ sung sau khi hai Bên ký kết hợp đồng này – nếu có); chất lượng TQ Fe thực tế giao nhận và nguyên tắc tăng giảm đơn giá quy định tại điểm 2.2 khoản 2 Điều này.

3.2. Giá trị hợp đồng chính thức:

Giá trị hợp đồng chính thức là tổng giá trị chính thức các lô hàng mua bán thuộc hợp đồng này. Giá trị chính thức từng lô hàng sẽ được hai Bên xác định trên cơ sở quy định tại điểm 3.1 khoản này; khối lượng,... Của TQ Fe thực tế giao nhận (mua bán); Quy định về thuế GTGT của pháp luật Việt Nam. Giá trị hợp đồng chính thức sẽ được hai Bên xác định và thể hiện trong **Biên bản quyết toán lô hàng (hoặc văn bản có giá trị pháp lý tương tự)**.

Điều 5. Tạm ứng và Thanh toán:

1. Tạm ứng:

1.1. Bên B tạm ứng (*thanh toán trước tiền hàng*) cho Bên A tối đa đến khoảng 20% giá trị tạm tính của Hợp đồng (làm tròn đến hàng triệu đồng) khi Bên A có nhu cầu.

1.2. Chiết khấu thanh toán trước tiền hàng:

Bên A sẽ trả cho Bên B một khoản tiền gọi là tiền Chiết khấu thanh toán trả trước tiền hàng của số tiền Bên B tạm ứng cho Bên A, cụ thể như sau:

a) Giá trị Chiết khấu thanh toán trả trước tiền hàng được tính bằng lãi suất tiền vay ngắn hạn mà Bên B đang vay của BIDV hoặc Vietcombank (hoặc một ngân hàng khác – nếu Bên B không có hợp đồng từ hai Ngân hàng trên) tại thời điểm Bên B tạm ứng cho Bên A.

b) Thời gian tính chiết khấu thanh toán trước tiền hàng bắt đầu từ thời điểm ngân hàng của Bên B chuyển tiền thành công số tiền tạm ứng vào tài khoản của Bên A và duy trì cho đến hết thời điểm số tiền này được giảm trừ hết.

c) Số tiền tạm ứng, tiền chiết khấu thanh toán trả trước tiền hàng sẽ được trừ vào giá trị tiền mua hàng hóa giữa hai Bên kể từ kỳ thanh, quyết toán lô hàng đầu tiên sau khi hai Bên chuyển và nhận được tiền thanh toán.

2. Thanh toán

2.1. Đồng tiền thanh toán: Đồng tiền Việt Nam (VNĐ).

2.2. Hình thức thanh toán: Chuyển khoản và/hoặc bù trừ công nợ (nếu có).

2.3. Phương thức thanh toán: Thanh toán sau khi hai Bên hoàn thành giao nhận hàng hóa.

2.4. Tiến độ thanh toán:

Trong vòng 07 ngày làm việc, kể từ ngày Bên B nhận được bộ hồ sơ đề nghị thanh toán hoàn chỉnh của Bên A. Bộ hồ sơ đề nghị thanh toán bao gồm:

- Đề nghị thanh toán của bên A.
- Bản chính Biên bản giao nhận quặng sắt giữa Bên A và Bên B (hoặc Bên C).
- Bản chính Biên bản xác định hàm lượng các nguyên tố hóa học có trong quặng sắt giữa Bên A và Bên B (hoặc Bên C).
- Bản chính Biên bản quyết toán giá trị chính thức lô hàng hóa giao nhận giữa Bên A và Bên B.

- Hóa đơn giá trị gia tăng hợp lệ của hàng hóa do Bên A phát hành gửi Bên B.

3. Phát hành hóa đơn Giá trị gia tăng (GTGT) của hàng hóa:

3.1. Phát hành hóa đơn GTGT tạm tính của hàng hóa:

Ngay sau khi hoàn thành giao nhận hàng hóa của một ngày (hoặc một đợt) giao nhận, Bên A sẽ phát hành và gửi Bên B hóa đơn GTGT tạm tính của hàng hóa Bên A đã giao và Bên B (hoặc Bên C) đã nhận trong ngày (hoặc trong đợt) theo khối lượng, giá trị thể hiện trên hóa đơn như sau:

a) Khối lượng hàng hóa thể hiện trên hóa đơn tạm tính là số lượng hàng quy khô (độ ẩm 0%) của ngày (hoặc của đợt) giao nhận. Khối lượng hàng hóa quy khô được xác định như sau:

Khối lượng hàng hóa quy khô = Khối lượng hàng hóa ướt (cả nước) - (trừ) Khối lượng nước (Độ ẩm của hàng hóa); trong đó:

- Khối lượng hàng hóa ướt (cả nước): Là khối lượng hàng hóa thực tế Bên A đã giao và Bên B (hoặc Bên C) đã nhận qua cân điện tử tại địa điểm giao nhận.

- Độ ẩm của hàng hóa (Tỷ lệ nước bám dính trong hàng hóa được tính theo phần trăm khối lượng): Theo kết quả phân tích độ ẩm thực tế của hàng hóa do hai Bên cùng lấy mẫu phân tích (nếu có).

- Nếu vì lý do khách quan, Bên A và Bên B (hoặc Bên C) chưa thể hoàn thành phân tích độ ẩm (chưa có kết quả phân tích độ ẩm thực tế) của hàng hóa giao nhận nhưng Bên B (hoặc Bên C) có nhu cầu phải vận chuyển hàng hóa rời khỏi địa điểm giao nhận để đảm bảo thời gian, tiến độ vận chuyển hàng hóa thì hai Bên thống nhất tạm tính độ ẩm của hàng hóa giao nhận là 10% (mười phần trăm) nước. Trong trường hợp này khối lượng hàng hóa quy khô thể hiện trên hóa đơn GTGT tạm tính được hiểu là khối lượng hàng hóa quy khô tạm tính.

b) Đơn giá mua bán hàng hóa tạm tính (chưa bao gồm thuế GTGT) là: **1.650.000** đồng/tấn TQ Fe quy khô.

3.2. Phát hành hóa đơn GTGT điều chỉnh GTGT tạm tính đã phát hành:

a) Điều chỉnh lần 1 (nếu có): Trường hợp khối lượng hàng hóa thể hiện trên hóa đơn tạm tính là khối lượng hàng hóa quy khô tạm tính thì trong vòng 05 ngày làm việc, kể từ ngày xác định được khối lượng hàng hóa quy khô chính thức của khối lượng hàng hóa thể hiện trên hóa đơn tạm tính

Bên A sẽ phát hành và gửi Bên B hóa đơn GTGT điều chỉnh; khối lượng, giá trị của hàng hóa thể hiện trên hóa đơn GTGT điều chỉnh là chênh lệch giữa khối lượng, giá trị của hàng hóa quy khô chính thức và khối lượng, giá trị thể hiện trên hóa đơn GTGT tạm tính Bên A đã phát hành, gửi bên B.

b) Trong vòng 05 ngày làm việc, kể từ ngày hai Bên ký Biên bản quyết toán giá trị chính thức của hàng hóa mua bán theo Hợp đồng, Bên A sẽ phát hành, gửi Bên B hóa đơn GTGT điều chỉnh; giá trị của hàng hóa thể hiện trên hóa đơn GTGT điều chỉnh là chênh lệch giữa giá trị của hàng hóa thực tế mua bán thể hiện trong Biên bản quyết toán giá trị chính thức và khối lượng, giá trị thể hiện trên hóa đơn GTGT tạm tính và hóa đơn điều chỉnh lần 1 (nếu có) Bên A đã phát hành, gửi Bên B.

3.3. Email nhận hóa đơn điện tử của Bên B:

Điều 6. Ủy quyền và nhận ủy quyền:

1. Trong trường hợp Bên B ký hợp đồng mua bán TQ Fe thuộc hợp đồng này với Bên C thì VIMICO ủy quyền và KS3 nhận ủy quyền thực hiện:

1.1. Trực tiếp liên hệ và tổ chức giao nhận hàng hóa mua bán thuộc hợp đồng này với Bên C theo quy định Hợp đồng giữa Bên B và Bên C.

1.2. Hướng dẫn, quản lý người đại diện nhận hàng của Bên C bao gồm cả người được Bên C thuê vận chuyển hàng hóa - nếu có) khi vào khu vực giao nhận hàng thuộc quyền quản lý của KS3;

1.3. Yêu cầu đại diện nhận hàng của Bên C (bao gồm cả người được Bên C thuê vận chuyển hàng hóa - nếu có) tuân thủ đúng các quy định và hướng dẫn của KS3 khi

vào khu vực giao nhận hàng; tự chịu trách nhiệm trước pháp luật và mọi rủi ro có liên quan nếu vi phạm quy định gây tai nạn thiệt hại cho chính bản thân mình hoặc người, tài sản của Bên Khách hàng; nếu vi phạm quy định dẫn đến gây tai nạn thiệt hại cho người, tài sản của KS3 hoặc của Bên thứ 3 khác thì phải bồi thường cho KS3 toàn bộ giá trị thiệt hại đó;

1.4. Phối hợp với Bên C để giải quyết các vướng mắc (nếu có) trong quá trình giao nhận hàng hóa và/hoặc thực hiện các nội dung được VIMICO ủy quyền.

1.5. Cân, ghi chép, tổng hợp, đối chiếu, lập, ký hồ sơ giao nhận hàng hóa (Phiếu cân, Phiếu xuất kho, Biên bản giao nhận hàng hóa hàng ngày, Biên bản tổng hợp khối lượng giao nhận từng lô hàng) với Bên C;

1.6. Cùng Bên C lấy, gia công, phân chia mẫu theo quy định của Hợp đồng này và Hợp đồng giữa Bên và Bên C.

1.7. Cùng Bên C phân tích xác định độ ẩm, lập, ký xác nhận Biên bản xác độ ẩm hàng hóa thực tế giao nhận theo quy định của Hợp đồng này và Hợp đồng giữa Bên B và Bên C;

1.8. Phân tích hoặc gửi phân tích xác định hàm lượng %TFe, hàm lượng %SiO₂ của hàng hóa thực tế giao nhận theo quy định của Hợp đồng này; Hợp đồng giữa Bên B và Bên C;

1.9. Cùng Bên C đối chiếu, thống nhất, lập, ký xác nhận Biên bản thống nhất hàm lượng %TFe; %SiO₂ chính thức của lô hàng theo các quy định của Hợp đồng này; Hợp đồng giữa Bên B và Bên C;

1.10. Các nội dung khác (nếu có) theo thông báo của VIMICO gửi KS3.

2. Khối lượng, chất lượng hàng hóa thực tế giao nhận được KS3 và các Bên C cùng thống nhất, xác nhận được xem là khối lượng, chất lượng hàng hóa thực tế giao nhận được KS3 và Bên B xác nhận và sẽ là căn cứ để các Bên xác định, thống nhất đơn giá, giá trị hàng hóa mua bán chính thức giữa VIMICO và KS3; đồng thời, cũng là căn cứ để xác định, thống nhất đơn giá, giá trị hàng hóa mua bán chính thức giữa VIMICO và Bên C.

3. VIMICO có toàn quyền tự quyết định thay đổi một hoặc toàn bộ nội dung, phạm vi ủy quyền nêu trên nếu thấy cần thiết vào bất kỳ thời điểm nào mà nội dung, phạm vi công việc ủy quyền chưa diễn ra.

Điều 7. Bất khả kháng

1. Sự kiện bất khả kháng là các sự kiện xảy ra một cách khách quan không thể lường trước được và không thể khắc phục mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép, khiến cho một Bên hoặc các Bên không thể thực hiện các nghĩa vụ theo Hợp đồng này.

2. Trong trường hợp bất khả kháng, các Bên sẽ thông báo cho nhau về các biến cố của trường hợp này và cả những hậu quả có thể xảy ra cho việc thực hiện hợp đồng này trong vòng 07 ngày kể từ khi xảy ra biến cố.

3. Không Bên nào được miễn trách nhiệm thanh toán các khoản nợ đáo hạn cho nghĩa vụ của mình vì bất cứ lý do gì.

Điều 8. Quyền và nghĩa vụ của các Bên

1. Quyền và nghĩa vụ của Bên A:

1.1. Hướng dẫn, quản lý người đại diện nhận hàng của Bên B hoặc Bên C (bao gồm cả người được Bên B/Bên C thuê vận chuyển hàng hóa - nếu có) khi vào khu vực giao nhận hàng thuộc quyền quản lý của Bên A;

1.2. Yêu cầu đại diện nhận hàng của Bên B/Bên C (bao gồm cả người được Bên B/Bên C thuê vận chuyển hàng hóa - nếu có) tuân thủ đúng các quy định và hướng dẫn của Bên A khi vào khu vực giao nhận hàng; tự chịu trách nhiệm trước pháp luật và mọi rủi ro có liên quan nếu vi phạm quy định gây tai nạn thiệt hại cho chính bản thân mình hoặc người, tài sản của Bên B/Bên C; nếu vi phạm quy định dẫn đến gây tai nạn thiệt hại cho người, tài sản của Bên A thì phải bồi thường cho Bên A toàn bộ giá trị thiệt hại đó;

1.3. Yêu cầu Bên B thanh toán theo quy định của hợp đồng;

1.4. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về nguồn gốc, xuất xứ, quyền sở hữu của hàng hóa bán cho Bên B/Bên C;

1.5. Xác nhận khối lượng hàng hóa thực tế giao nhận, lập Biên bản thống nhất giá trị từng lô hàng/hợp đồng theo những điều khoản quy định trong Hợp đồng này;

1.6. Phối hợp chặt chẽ với Bên B (hoặc Bên C) để giải quyết các vướng mắc (nếu có) trong quá trình giao nhận hàng hóa/Thực hiện hợp đồng .

1.7. Phát hành hóa đơn GTGT của hàng hóa theo quy định;

1.8. Định kỳ vào trước ngày cuối cùng hàng tháng, Bên A gửi thông báo cho Bên B về kế hoạch tiêu thụ tháng liền sau (nội dung bao gồm: Khối lượng TQ Fe tồn kho tháng dự kiến đến hết tháng, kế hoạch sản xuất, kế hoạch tiêu thụ,...).

1.9. Định kỳ trước ngày 25 tháng cuối quý, Bên A gửi thông báo cho Bên B về kế hoạch tiêu thụ quý sau (nội dung bao gồm: Khối lượng TQ Fe tồn kho dự kiến khi kết thúc tháng cuối quý, kế hoạch sản xuất, kế hoạch tiêu thụ quý,...).

1.10. Xác định và thông báo giá sàn chào bán TQ Fe khi Bên B yêu cầu. Trong trường hợp này Bên A phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về giá sàn do mình xác định và thông báo cho Bên B.

1.11. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác đã thỏa thuận trong hợp đồng này và pháp luật có liên quan.

2. Quyền và nghĩa vụ của Bên B:

2.1. Yêu cầu Bên A giao hàng theo đúng Hợp đồng.

2.2. Yêu cầu Bên A phát hành hóa đơn GTGT của hàng hóa theo quy định;

2.3. Phối hợp chặt chẽ với Bên A và Bên C trong quá trình giao nhận hàng hóa;

2.4. Bên B (hoặc Bên C) thông báo cho Bên A kế hoạch tiếp nhận hàng (số lượng, khối lượng, phương tiện vận chuyển, thời gian dự kiến,...) trước ngày nhận hàng ít nhất 01 ngày;

2.5. Tổ chức tiếp nhận, vận chuyển hàng hóa theo Hợp đồng đã ký;

2.6. Thanh toán tiền mua hàng đầy đủ, đúng tiến độ cho Bên A;

2.7. Trong trường hợp không thể tiếp nhận hàng hóa theo kế hoạch Bên B (hoặc Bên C) đã thông báo cho Bên A trước đó thì Bên B (hoặc Bên C) phải thông báo lại kịp thời cho Bên A.

2.8. Tuân thủ và tự chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam trong việc kinh doanh, sử dụng hàng hóa mua bán thuộc Hợp đồng này kể từ thời điểm tiếp nhận hàng hóa từ Bên A.

2.9. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác đã thỏa thuận trong hợp đồng này.

Điều 9. Giải quyết tranh chấp

Hai Bên cần chủ động thông báo cho nhau tiến độ thực hiện hợp đồng. Nếu có vấn đề gì bất lợi phát sinh các Bên phải kịp thời thông báo cho nhau biết và tích cực bàn bạc, thương lượng, đàm phán để giải quyết trong vòng 10 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh tranh chấp. Nếu không giải quyết được thì trong vòng 30 ngày, kể từ ngày thúc thương lượng, đàm phán không thành, một trong hai Bên đều có quyền đệ đơn đến Tòa án có thẩm quyền theo quy định của Pháp luật Việt Nam để giải quyết. Phán quyết của Tòa là phán quyết cuối cùng, có hiệu lực đối với cả hai Bên. Chi phí giải quyết vụ việc tại Tòa án (bao gồm cả phí thuê Luật sư) do Bên thua kiện chi trả.

Điều 10. Hiệu lực hợp đồng và thanh lý hợp đồng

1. Hiệu lực hợp đồng: Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày hai Bên ký kết và chấm dứt hiệu lực khi hai Bên thanh lý hợp đồng theo quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Thanh lý hợp đồng: Sau 30 ngày, kể từ ngày hai Bên hoàn thành toàn bộ nghĩa vụ đã thỏa thuận trong hợp đồng và không có Bên nào có yêu cầu khác bằng văn bản gửi cho Bên kia thì hợp đồng này mặc nhiên được thanh lý chấm dứt hiệu lực và hai Bên không phải lập, ký kết Biên bản thanh lý hợp đồng.

Điều 11. Điều khoản chung

1. Hợp đồng này được điều chỉnh theo quy định của luật pháp Việt Nam.

2. Không Bên nào có quyền tự ý sửa đổi, bổ sung Hợp đồng này khi không có sự đồng ý của Bên kia. Mọi sửa đổi, bổ sung chỉ có hiệu lực khi được hai Bên đồng ý bằng văn bản.

3. Hai Bên cam kết thực hiện đúng các nội dung, điều khoản đã thỏa thuận được thể hiện trong Hợp đồng. Nếu có gì vướng mắc phải cùng nhau bàn bạc giải quyết.

4. Nếu Bên nào đơn phương hủy bỏ hoặc chấm dứt Hợp đồng không có lý do chính đáng mà không được sự đồng ý của Bên kia thì phải bồi thường toàn bộ giá trị thiệt hại do việc đơn phương hủy bỏ hoặc chấm dứt hợp đồng gây ra cho Bên kia.

5. Hai Bên cùng đồng ý và tự nguyện ký kết Hợp đồng này vào ngày, tháng, năm ghi tại phần đầu hợp đồng.

6. Hợp đồng này gồm 11 trang văn bản bằng tiếng Việt, được lập thành 08 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi Bên giữ 04 bản để làm cơ sở cùng thực hiện.

**ĐẠI DIỆN BÊN A (KS3)
GIÁM ĐỐC**

**ĐẠI DIỆN BÊN B (VIMICO)
TỔNG GIÁM ĐỐC**

HOÀNG MINH THẮNG

TRỊNH VĂN TUỆ